

Số: ~~137~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày ~~22~~ tháng 11 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Pháp lệnh phí và lệ phí được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28/8/2001, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002. Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Đối với HĐND cấp tỉnh, tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP Chính phủ đã giao cho HĐND cấp tỉnh quy định đối với một số khoản phí theo nguyên tắc: *“HĐND cấp tỉnh quy định đối với một số loại phí gắn với quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên, gắn với chức năng quản lý hành chính nhà nước của chính quyền địa phương.”* Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014), UBND Thành phố đã tham mưu trình HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố đối với 23 khoản phí và 16 khoản lệ phí.

Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí và các Nghị quyết thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian qua: Về cơ bản đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, theo đó, hệ thống các văn bản quy định thu phí tại địa phương được ban hành kịp thời, đồng bộ, theo đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện; công tác tổ chức, thu nộp và quản lý sử dụng nguồn thu phí, lệ phí được công khai, minh bạch, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; từng bước đổi mới cơ chế quản lý phí, lệ phí gắn với xã hội hóa, tạo cơ chế chủ động cho các đơn vị quản lý thu nộp và sử dụng phí, lệ phí; phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đơn vị liên quan hoạt động trong lĩnh vực phí, lệ phí; việc quy định thu phí, lệ phí góp phần bù đắp các chi phí cần thiết cho việc thực hiện các dịch vụ công, các công việc quản lý nhà nước, góp phần tăng thu ngân sách....

UBND Thành phố Hà Nội đã tổng hợp kết quả thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố như sau: năm 2014: 4.165 tỷ đồng, năm 2015: 5.727 tỷ đồng, 6 tháng năm 2016: 3.313 tỷ đồng. Kết quả cụ thể theo phụ lục 01 đính kèm.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, đánh giá sau gần 13 năm thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí cho thấy chính sách phí và lệ phí hiện hành bộc lộ một số bất cập, cụ thể là:

a) Về thẩm quyền

Pháp lệnh phí và lệ phí quy định: Chính phủ quy định việc miễn, giảm phí, lệ phí trong những trường hợp cần thiết. Theo Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP có 39 khoản phí, lệ phí được phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu, quản lý, sử dụng phí, lệ phí nhưng không giao thẩm quyền quyết định miễn, giảm phí, lệ phí để phù hợp với thực tế tại địa phương.

b) Về nguyên tắc xác định mức thu phí

Pháp lệnh chưa đặt vấn đề bù đắp chi phí, lợi nhuận hợp lý cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ thu phí, do đó, chưa thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia, chưa khuyến khích XHH các dịch vụ công trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường.

c) Việc quản lý, sử dụng phí

Pháp lệnh quy định cơ quan nhà nước thu phí được để lại một phần phí, lệ phí để trang trải chi phí thu nhưng không quy định cụ thể việc phản ánh vào ngân sách nhà nước (NSNN) là số tiền phí thu được hay số tiền phí nộp NSNN. Điều này, dẫn đến khó khăn cho công tác kiểm soát, hạch toán thu – chi NSNN. Luật NSNN năm 2015 được quy định theo hướng tập trung và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu NSNN (trong đó có nguồn thu phí, lệ phí). Vì vậy, cần quy định về quản lý và sử dụng phí, lệ phí phù hợp với quy định của Luật NSNN năm 2015.

Khắc phục các hạn chế, vướng mắc nêu trên, Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Phí và lệ phí, thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí. Luật Phí, lệ phí ra đời đã thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ về quản lý phí, lệ phí; đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Từng bước tập trung phản ánh kịp thời, đầy đủ nguồn thu từ phí, lệ phí; khắc phục hạn chế trong quản lý nguồn thu từ phí, lệ phí; Từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với quá trình đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa (XHH) một số loại hình dịch vụ công phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đối với các dịch vụ thu phí, lệ phí trước đây do cả cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện thu đã được chuyển sang cơ chế giá dịch vụ; Đảm bảo chính sách phí, lệ phí công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính trong các ngành, lĩnh vực cung cấp các dịch vụ có thu phí, lệ phí; Tiếp cận thông lệ quốc tế về quản lý, sử dụng phí, lệ phí và hội nhập quốc tế....và đã kế thừa các quy định còn phù hợp đồng thời khắc phục được các tồn tại, bất cập của Pháp lệnh phí và lệ phí trước đây.

Luật Phí và lệ phí có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, theo đó, Pháp lệnh phí và lệ phí cùng các văn bản quy phạm pháp luật quy định mức thu phí, lệ phí của HĐND, UBND Thành phố ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật có hiệu lực. Do đó cần phải rà soát, đánh giá việc thực hiện các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn để trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết thay thế các Nghị quyết thu phí, lệ phí đã ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí.

Theo quy định tại Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền quy định đối với: 17 khoản phí và 7 khoản lệ phí. Ngoài ra, có 02 khoản phí và 02 khoản lệ phí theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Tài chính, tuy nhiên, tại Nghị định, Thông tư hướng dẫn chỉ ban hành khung mức thu (hoặc mức tối đa) và ủy quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương để ban hành mức thu cụ thể.

Căn cứ thực tế trên địa bàn thành phố Hà Nội và quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, căn cứ các đề án thu phí, lệ phí của các đơn vị thu, các sở, ngành quản lý, UBND Thành phố xin báo cáo và trình HĐND Thành phố, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN MỘT:

CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG MỨC THU VÀ TỶ LỆ ĐỂ LẠI CƠ QUAN THU

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí.

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

2. Khái niệm phí, lệ phí:

Tại Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định:

“1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.

2. Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này.”

Như vậy, theo quy định của Luật Phí và lệ phí, chỉ có các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định. Đối với các dịch vụ không do Nhà nước đầu tư và có khả năng xã hội hóa cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận cung cấp dịch vụ đã được thực hiện chuyển sang cơ chế giá dịch vụ.

3. Mục tiêu của việc xây dựng các quy định thu phí, lệ phí:

- Đối với kinh tế, xã hội: Cần rà soát, đánh giá các khoản phí đang thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố phù hợp với Danh mục các khoản phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố và xu hướng phát triển, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện cho các quan hệ kinh tế - xã hội được phát triển một cách thuận lợi, tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển

- Đối với người nộp phí, lệ phí (các tổ chức, cá nhân): Cần xây dựng mức thu đảm bảo hài hòa giữa việc bù đắp chi phí, phục vụ công tác quản lý nhà nước với khả năng đóng góp của người nộp phí, lệ phí. Mức thu, các quy định thu cần đảm bảo ổn định, tạo thuận lợi cho người nộp, trường hợp thay đổi cần theo lộ trình, tránh xáo động, ảnh hưởng tiêu cực đến các tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí.

- Đối với tổ chức thu phí, lệ phí: Quy định rõ ràng cơ chế quản lý, sử dụng đối với phí, lệ phí đảm bảo tính công khai, minh bạch, từ đó thúc đẩy cơ chế tự chủ của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị; từng bước nâng cao chất lượng của các dịch vụ công, hành chính nhà nước.

- Đối với thu Ngân sách nhà nước: Việc xây dựng các mức thu phí từng bước đảm bảo bù đắp các chi phí phục vụ công tác thu, giảm chi từ ngân sách cho thực hiện công việc thu phí. Đối với các khoản lệ phí: Nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu được Ngân sách cấp theo Dự toán được duyệt hàng năm.

- Đối với cải cách thủ tục hành chính: các Sở, ngành quản lý tiếp tục thực hiện rà soát các khoản phí, lệ phí theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung, đề xuất UBND báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

4. Các nguyên tắc xây dựng:

4.1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng bao gồm:

- Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

4.2. Đối tượng miễn, giảm:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Luật Phí và lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. Do đó UBND Thành phố trình HĐND Thành phố nguyên tắc xác định đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí như sau:

- Nguyên tắc xác định chung: căn cứ Khoản 1, Điều 10 Luật Phí và lệ phí: *“Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật”*.

- Kế thừa các quy định đang thực hiện vẫn còn phù hợp.

- Đối với từng khoản phí, lệ phí cụ thể: quy định cụ thể phù hợp với tính chất từng khoản phí, lệ phí; phù hợp với chính sách kinh tế xã hội tại địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Xác định mức thu:

Các quy định thu phí, lệ phí đang thực hiện đến thời điểm 31/12/2016 được ban hành căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BTC và các văn bản quy định về phí, lệ phí của Chính phủ, Bộ Tài chính, trong đó Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành các nội dung thu, khung mức thu hoặc mức thu tối đa, căn cứ quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh ban hành mức thu cụ thể để áp dụng trên địa bàn.

Tại Khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí có hiệu lực từ 01/01/2017 quy định về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh như sau:

“1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.”

Như vậy, đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh có quyền quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định.

Tại Điều 8, Điều 9 Luật Phí và lệ phí quy định về nguyên tắc xác định mức thu phí và lệ phí như sau:

“Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.

Điều 9. Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”

Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện thu phí, lệ phí các năm qua, đảm bảo thực hiện đúng các quy định tại Luật, Nghị định, các đơn vị thu phí, lệ phí (hoặc các sở, ngành quản lý đối với các khoản phí, lệ phí không ban hành văn bản quy định riêng cho từng tổ chức thu) đã xây dựng các Đề án thu phí, lệ phí. UBND Thành phố tổng hợp và đề xuất xây dựng mức thu trình HĐND Thành phố đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm nguyên tắc xác định mức thu phí, lệ phí quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Phí và lệ phí.

- Tham khảo, kế thừa mức thu phí, lệ phí đang thực hiện. Mức thu đề xuất mới phải mang tính ổn định, góp phần an sinh xã hội và không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan đơn vị.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do cơ quan Trung ương (đối với các khoản phí, lệ phí do Bộ Tài chính, HĐND Thành phố cùng có thẩm quyền quyết định).

- Chia nhóm các khoản phí, lệ phí để đề xuất mức thu phí:

- + Đối với các khoản phí, lệ phí có đối tượng thu là người dân, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống nhân dân như: Lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lệ phí trước bạ... đề xuất giữ nguyên mức thu đang thực hiện để đảm bảo ổn định, an sinh xã hội, chỉ điều chỉnh, bổ sung một số đối tượng thu, đối tượng miễn giảm... theo quy định của Luật Phí, lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan.

- + Đối với các khoản phí trong lĩnh vực môi trường như: Phí thẩm định đề án, báo cáo sử dụng tài nguyên nước; Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản...: Là khoản phí thu của các doanh nghiệp, cá nhân khai thác khoáng sản, sử dụng tài nguyên nước, có các hoạt động sản xuất kinh doanh gây tác động xấu đến môi trường, do đó đề xuất mức thu đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho việc thẩm định và thu phí hoặc đề xuất mức tối đa theo khung của Chính phủ (nếu có).

- + Đối với các khoản phí, lệ phí đã được điều chỉnh mức thu từ năm 2014: cơ bản đang phù hợp thực tế, đề xuất giữ nguyên để đảm bảo ổn định trong chính sách phí, lệ phí của Thành phố.

- + Đối với các khoản phí, lệ phí khác: căn cứ tính chất từng khoản phí, lệ phí để có đề xuất cụ thể.

- Bãi bỏ các loại phí, lệ phí không có trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, các loại phí, lệ phí thay đổi thẩm quyền ban hành mức thu hoặc đã chuyển sang cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá; bổ sung các quy định thu trước đây chưa quy định, nay mới có trong Danh mục ban hành kèm theo Luật.

4.4. Quản lý sử dụng phí, lệ phí:

a. Đối với phí:

Tại Điều 4 Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.”

Căn cứ các quy định trên, UBND Thành phố đề xuất như sau:

a1. Đối với các khoản phí do các cơ quan nhà nước thực hiện: Theo báo cáo của Sở Tài chính, các cơ quan nhà nước có thực hiện thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội đều thuộc trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Căn cứ quy định của Pháp lệnh phí, lệ phí trước đây, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố quy định các cơ quan hành chính nhà nước khi thu phí thì được trích để lại tỷ lệ % để phục vụ công tác thu. Tuy nhiên, qua nhiều năm thực hiện, việc thực hiện còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Việc thực hiện quyết toán cho công tác tổ chức thu đối với từng loại phí, lệ phí hàng năm gặp rất nhiều khó khăn do các đơn vị thực hiện thu nhiều loại phí, lệ phí nhưng không hạch toán riêng được chi phí phục vụ công tác thu đối với từng loại phí, lệ phí và các công việc chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Việc thu, chi từ nguồn phí để lại chưa thực sự minh bạch do có một số cơ quan hành chính nhà nước hạch toán chung vào các nguồn thu khác hoặc ngân sách nhà nước cấp theo dự toán hàng năm.

- Không đảm bảo công bằng giữa các cơ quan nhà nước có hoạt động thu phí và không có hoạt động thu phí.

- Nguồn thu phí không được phản ánh toàn bộ vào Ngân sách nhà nước.

Để khắc phục tình trạng trên, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố quy định về quản lý sử dụng đối với phí do cơ quan hành chính nhà nước thu: ***“Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được phê duyệt theo dự toán hàng năm”***.

a2. Đối với các khoản phí do các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện:

Các đơn vị sự nghiệp công lập có thực hiện thu các khoản phí do HĐND Thành phố quyết định trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đều thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (riêng Trung tâm hoạt động khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám từ năm 2017 sẽ chuyển thành Đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi phí thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP). Do đó, UBND Thành phố đề xuất quy định tỷ lệ phần trăm trích lại cho các đơn vị thu phí căn cứ kết quả kiểm tra việc thu và sử dụng tiền phí được để lại của các đơn vị (do Sở Tài chính chủ trì) và dự kiến thu, chi từ nguồn thu phí của các đơn vị thu.

a3. Đối với các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện: Chỉ có khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được giao cho các đơn vị cung cấp nước sạch thu theo tỷ lệ % tiền nước sạch cùng với việc thu tiền nước. Do đó, UBND Thành phố đề xuất quy định tỷ lệ để lại cho các đơn vị cung cấp nước sạch để hỗ trợ công tác thu phí (cùng với việc đi thu tiền nước) căn cứ các chi phí bồi dưỡng cho công tác thu tiền nước của đơn vị.

b. Đối với lệ phí:

Tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí quy định:

“Điều 13. Thu, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”.

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định đối với các khoản lệ phí, đơn vị thu nộp 100% vào ngân sách nhà nước, đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí cho hoạt động thu lệ phí trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

PHẦN HAI:
RÀ SOÁT CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ ĐANG THỰC HIỆN VÀ
THEO DANH MỤC BAN HÀNH KÈM THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Trước năm 2017, căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BTC và các văn bản quy định về phí, lệ phí của Chính phủ, Bộ Tài chính; UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định thu đối với 39 khoản (trong đó có 23 khoản phí và 16 khoản lệ phí).

Theo quy định của Luật Phí và lệ phí, UBND Thành phố cần trình HĐND Thành phố ban hành 24 khoản (trong đó có 17 khoản phí, 7 khoản lệ phí) thuộc thẩm quyền của HĐND; 2 khoản phí và 2 khoản lệ phí (4 khoản) thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính, nhưng ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh ban hành mức cụ thể; Tổng cộng UBND Thành phố cần trình HĐND Thành phố ban hành quy định đối với 28 khoản (trong đó có 19 khoản phí và 9 khoản lệ phí), chênh lệch 11 khoản so với trước đây (trong đó 15 khoản bãi bỏ quy định thu, 3 khoản bổ sung mới, 02 khoản gộp thành 1 khoản)

UBND Thành phố đã phân công các đơn vị thu phí, lệ phí, các sở, ngành quản lý xây dựng các Đề án thu phí, lệ phí, và giao Bộ phận thường trực (BPTT) gồm: Cục Thuế Hà Nội (tổ trưởng), Sở Tài chính (Phó tổ trưởng), Sở Tư pháp (thành viên), Kho bạc Nhà nước Hà Nội (thành viên) tổ chức thẩm định các Đề án do các đơn vị xây dựng.

Căn cứ quy định về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; Căn cứ kết quả rà soát thực tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội, đánh giá, xây dựng đề án của các đơn vị thu, tổng hợp của các Sở, ngành quản lý và thẩm định của Bộ phận thường trực; Căn cứ kết quả kiểm tra quyết toán thu, chi của các đơn vị thu phí, lệ phí do Sở Tài chính chủ trì, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định mức thu; quản lý sử dụng phí, lệ phí, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số khoản phí, lệ phí
A	Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí	24 khoản
<i>I</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí không thay đổi tên phí, lệ phí và mức thu, quản lý sử dụng</i>	<i>3 khoản</i>
<i>II</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí điều chỉnh tên theo Danh mục, nhưng không thay đổi nội dung thu, mức thu, quản lý sử dụng</i>	<i>1 khoản</i>
<i>III</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí đề xuất giữ nguyên mức thu, chỉ thay đổi tên, bổ sung nội dung thu, đơn vị thu, quản lý sử dụng</i>	<i>8 khoản</i>
<i>IV</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí đề xuất điều chỉnh mức thu, nội dung thu, quản lý sử dụng</i>	<i>7 khoản</i>
<i>V</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí đề xuất bổ sung mới theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí</i>	<i>2 khoản</i>

STT	Nội dung	Số khoản phí, lệ phí
VI	<i>Các Khoản phí, lệ phí đề xuất chưa (hoặc không) ban hành quy định thu</i>	03 khoản
B	Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Bộ Tài chính và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh ban hành mức thu cụ thể	04 khoản
C	Các khoản phí, lệ phí bãi bỏ	15 khoản
I	<i>Bãi bỏ do không có tên trong Danh mục</i>	06 khoản
II	<i>Bãi bỏ do chuyển sang giá dịch vụ</i>	06 khoản
III	<i>Bãi bỏ do thay đổi thẩm quyền ban hành</i>	03 khoản

A. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐND CẤP TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI DANH MỤC BAN HÀNH KÈM THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ: 24 KHOẢN

I. Các khoản phí, lệ phí không thay đổi tên và mức thu, quản lý sử dụng: trước đây ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí, nay căn cứ Luật Phí và lệ phí: 3 khoản. Các khoản phí, lệ phí có số thu hàng năm thấp; cần ổn định mức thu để đảm bảo mục tiêu, chính sách khuyến khích trong một số lĩnh vực (như nông nghiệp, phát triển văn hóa...) hoặc mới được thay đổi mức thu từ năm 2014, đến nay mức thu, các nội dung thu, quản lý sử dụng vẫn còn phù hợp với pháp luật phí, lệ phí và thực tế trên địa bàn Thành phố, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên, cụ thể:

1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống và thu phí

Kết quả thu phí các năm: năm 2015: 42,5trđ, 6 tháng năm 2016: 0 trđ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận hồ sơ và đang thẩm định nhưng chưa thu phí do chưa có kết quả thẩm định). Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2009 (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009).

Căn cứ Đề án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, kết quả thẩm định của bộ phận thường trực (BPTT), UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: Có 3 nội dung thu với mức thu từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ/lần bình tuyển.

Do số đối tượng có nhu cầu bình tuyển ít, để phát triển sản xuất giống cây trồng, khuyến khích người nông dân nộp hồ sơ đề nghị bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống, do đó đề xuất giữ nguyên mức thu phí.

- Đơn vị thu phí: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác bình tuyển và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

2. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: là khoản thu vào người xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 1.980 trđ, 6 tháng năm 2016: 916 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Xây dựng xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: 03 nội dung thu với mức thu từ 15.000đ đến 150.000đ.

- Mức thu mới được điều chỉnh từ năm 2014 vẫn đang phù hợp với thực tế, để đảm bảo tính ổn định, an sinh xã hội, đề xuất giữ nguyên mức thu đang thực hiện.

- Đơn vị thu lệ phí:

+ Sở Xây dựng thu đối với những trường hợp thuộc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được UBND Thành phố giao.

+ UBND quận, huyện, thị xã và xã thu đối với những trường hợp do UBND quận, huyện, thị xã và UBND các xã cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền phân cấp của UBND thành phố.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

3. Lệ phí đăng ký kinh doanh: là khoản thu đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 11 trđ, 6 tháng năm 2016: 11 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2014. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: Cấp mới 100.000đ đối với hợp tác xã, 200.000đ đối với liên hiệp hợp tác xã; ngoài ra còn 3 nội dung: chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký: 30.000đ, cấp bản sao: 3.000đ, cung cấp thông tin: 15.000đ.

- Khoản lệ phí này mới được HĐND Thành phố mới ban hành vào tháng 7/2014. Số thu lệ phí hàng năm thấp, các quy định thu lệ phí đến nay vẫn còn phù hợp, do đó đề xuất giữ nguyên mức thu.

- Đơn vị thu lệ phí:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đối với Liên hiệp hợp tác xã;

+ Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: Đối với hợp tác xã.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

II. Các khoản phí, lệ phí không thay đổi mức thu, chỉ đổi lại tên theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí: 01 khoản.

Mức thu, quy định về quản lý sử dụng của các khoản phí, lệ phí này vẫn còn phù hợp, chỉ đổi tên theo quy định mới tại Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: là khoản thu vào tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

Số thu lệ phí địa chính các năm: năm 2015: 16.460 trđ, 6 tháng năm 2016: 3.132 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố.

Trước đây có tên Lệ phí địa chính, nay đổi tên theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, nhưng bản chất khoản lệ phí không thay đổi.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: Có 6 nội dung thu với mức thu từ 10.000đ đến 100.000đ.

- Đề xuất giữ nguyên mức thu lệ phí do mức thu lệ phí mới được HĐND Thành phố quyết định điều chỉnh từ tháng 7/2014. Để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội, đồng thời khuyến khích người dân đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận.

- Đơn vị thu lệ phí:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ UBND các quận, huyện, thị xã.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

III. Các khoản phí, lệ phí đề xuất không thay đổi mức thu, chỉ điều chỉnh, bổ sung nội dung thu, đối tượng miễn giảm, đơn vị thu, quản lý sử dụng (8 khoản):

1. Phí thư viện: là khoản thu nhằm bù đắp các chi phí cần thiết cho hoạt động của thư viện khi cung cấp các dịch vụ phục vụ bạn đọc vốn tài liệu của thư viện.

Số phí thu được các năm: năm 2015: 216 trđ, 6 tháng năm 2016: 111 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2004 (theo Quyết định số 38/2004/QĐ-UBND ngày 15/3/2004).

Căn cứ Đề án do Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: có 02 nội dung thu: phí thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu: mức thu từ 3.000đ đến 20.000đ tùy đối tượng người lớn, trẻ em, theo tháng/quý và theo cấp thư viện thành phố, thư viện quận, huyện

- Đề xuất giữ nguyên mức thu để khuyến khích người đọc đến với thư viện vì hiện nay đối tượng đến thư viện ít, chủ yếu là học sinh, sinh viên, người làm khoa học cần tra cứu tài liệu; chỉ bổ sung đối tượng miễn, giảm theo quy định của Luật Phí và lệ phí (người già, trẻ em dưới 15 tuổi) và điều chỉnh nội dung thu cho phù hợp (*trước đây có mức thu cụ thể đối với trẻ em, nay không quy định cụ thể do trẻ em đã thuộc đối tượng giảm 50%*).

- Đơn vị thu phí:

- + Thư viện thuộc thành phố.

- + Các thư viện quận, huyện, thị xã.

- Quản lý sử dụng: Qua kiểm tra quyết toán của đơn vị có số thu lớn nhất là Thư viện thành phố, số tiền phí để lại cho đơn vị được sử dụng đúng chế độ, chính sách, quy định cũ vẫn còn phù hợp, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên, cụ thể:

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10%; được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

2. Phí đăng ký giao dịch đảm bảo: Là khoản thu đối với người yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ đăng ký giao dịch bảo đảm.

Số thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo các năm: năm 2015: 5.060 trđ, 6 tháng năm 2016: 2.464 trđ.

Trước đây là lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo, nay chuyển thành phí đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu lệ phí đang thực hiện: 4 nội dung thu theo tính chất công việc với mức thu từ 10.000đ đến 60.000đ

- Đề xuất giữ nguyên các nội dung thu và mức thu, chỉ điều chỉnh tên lệ phí thành phí theo quy định.

- Lý do đề xuất:

- + Đối tượng nộp phí chủ yếu là người dân, doanh nghiệp có tài sản thế chấp, cầm cố cho các tổ chức tín dụng để vay vốn cho nên nhóm đối tượng này đã phải chịu chi phí lãi suất vay vốn.

- + Để ổn định, góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Đơn vị thu phí:

- + Văn phòng đăng ký đất đai.

- + Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký giao dịch đảm bảo khác.

- Quản lý sử dụng: Trước đây là lệ phí, do đó đơn vị thu nộp 100% vào NSNN. Hiện nay được chuyển thành phí đăng ký giao dịch đảm bảo, với cơ quan thu phí bao gồm cả cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, do đó cần thiết phải điều chỉnh quy định về quản lý sử dụng:

Đề xuất mới:

Đối với đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

Đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập: Tỷ lệ trích lại cho đơn vị thu phí được xác định tỉ lệ giữa Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí và Dự toán cả năm về phí thu được. Căn cứ dự toán cấp ngân sách hàng năm cho đơn vị thu lệ phí trước đây và dự kiến thu phí hàng năm, đề xuất như sau: Đơn vị thu phí nộp 95% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, được để lại 5% để phục vụ cho công tác thu.

3. Phí cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo: là khoản thu đối với người có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Kết quả thu phí các năm: Năm 2015: 82 trđ, 6 tháng năm 2016: 14 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2007. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2011 (theo Quyết định số 41/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011).

Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: 30.000đ/trường hợp.
- Các đối tượng có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo rất ít, quy định thu đang thực hiện vẫn còn phù hợp trên địa bàn, do đó đề xuất giữ nguyên mức thu.

- Đơn vị thu phí:

- + Văn phòng đăng ký đất đai.
 - + Các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về đăng ký giao dịch đảm bảo khác.

- Quản lý sử dụng: Trường hợp đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

Trường hợp đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập nộp Ngân sách Nhà nước 50% ; được để lại 50% trên tổng số phí thu được để phục vụ cho công tác thu.

4. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: là khoản thu đối với các đối tượng đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định, nhằm bù đắp chi phí thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất như: điều kiện về hiện trạng sử dụng đất, điều kiện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều kiện về sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.

Số phí thu được các năm: năm 2015: 87.378 trđ, 6 tháng năm 2016: 54.929 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố.

Trước đây có tên Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, nay đổi tên theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, nhưng bản chất khoản phí không thay đổi.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: Giao đất, cho thuê đất: 1.000đ/m², tối đa không quá 7.500.000đ/hồ sơ; Hồ sơ chuyển quyền: 0,15% giá trị chuyển nhượng, tối đa 5.000.000 đồng/hồ sơ.

- Đề nghị giữ nguyên mức thu để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội, khuyến khích người dân đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đơn vị thu phí: Trước đây đơn vị trực tiếp thực hiện thu phí bao gồm:

Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan nhà nước), Văn phòng đăng ký đất đai (là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); UBND các quận, huyện và thị xã. Theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố đã đề xuất quy định chung đơn vị thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã.

Nay UBND Thành phố đề nghị quy định rõ đơn vị thu phí đúng với thực tế, cụ thể:

- + Chi cục Quản lý đất đai.
- + Văn phòng đăng ký đất đai.
- + UBND các quận, huyện và thị xã.

- Quản lý sử dụng: Trường hợp đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

Trường hợp đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập nộp Ngân sách Nhà nước 80% ; được để lại 20% trên tổng số phí thu được để phục vụ công tác thu.

5. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết: là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết. (Thực chất đây là 2 hoạt động thẩm định khác nhau, nhưng được quy định trong cùng 1 khoản phí do có cùng tính chất và trình tự thẩm định).

Số phí thu được các năm: năm 2015: 1.576 trđ, 6 tháng năm 2016: 860 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2007. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 86/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: Chia 7 nhóm dự án và 5 mức đầu tư của Dự án, với các mức thu phí từ 5.000.000đ đến 11.000.000đ.

- Đề xuất: Mức thu phí báo cáo đánh giá tác động môi trường mới được ban hành lại từ cuối năm 2014, do đó đề xuất giữ nguyên mức thu, tỷ lệ để lại. Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết có quy trình thẩm định tương tự thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, do đó đề xuất quy định thu tương tự.

- Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

6. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai: là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của người có nhu cầu.

Kết quả thu phí các năm: Năm 2015: 1.064 trđ, 6 tháng năm 2016: 65 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố.

- Mức thu trước đang thực hiện: đối với tổ chức: 300.000đ/hồ sơ/lần, hộ gia đình cá nhân: 150.000đ/hồ sơ/lần. Số thu năm 2015: 8.510 trđ.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu mới được điều chỉnh thay đổi từ tháng 8/2014, đến nay vẫn còn phù hợp, do đó đề xuất giữ nguyên.

- Đơn vị thu phí: Trước đây đơn vị trực tiếp thực hiện thu phí bao gồm:

Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường (là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở Tài nguyên và Môi trường); UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn. Theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố đã đề xuất quy định chung đơn vị thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn.

Nay UBND Thành phố đề nghị quy định rõ đơn vị thu phí đúng với thực tế, cụ thể:

- + Chi cục Quản lý đất đai.
- + Văn phòng đăng ký đất đai.
- + Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường.
- + UBND các quận, huyện, thị xã.
- + UBND các xã, phường, thị trấn.

- Quản lý sử dụng: Trường hợp đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

Trường hợp đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập nộp Ngân sách Nhà nước 80%; được để lại 20% trên tổng số phí thu được.

7. Lệ phí đăng ký cư trú: Là khoản thu đối với người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 2.547 trđ, 6 tháng năm 2016: 925 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do Công an thành phố Hà Nội xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: Có 4 nội dung thu với mức thu từ 4.000đ đến 20.000đ chia theo các nội dung đăng ký và khu vực đăng ký.

- Đề xuất giữ nguyên mức thu lệ phí, chỉ bổ sung đối tượng miễn giảm phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 10 Luật Phí và lệ phí.

- Đơn vị thu lệ phí:

+ Đăng ký thường trú: Công an quận, huyện và thị xã.

+ Đăng ký tạm trú: Công an phường, xã, thị trấn.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

8. Lệ phí hộ tịch: Là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 608 trđ, 6 tháng năm 2016: 24 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 và Quyết định số 88/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: Quy định các nội dung đăng ký hộ tịch theo 3 cấp thực hiện: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Đề xuất mới: Quy định lại thẩm quyền thu phí theo thẩm quyền giải quyết các công việc hộ tịch quy định tại Luật hộ tịch, bổ sung mức thu cho các đối tượng trước đây được miễn lệ phí, nay phải nộp lệ phí theo quy định của Luật hộ tịch (gồm các việc như đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn... mức thu tương đương với một số nội dung đã thực hiện thu).

- Đơn vị thu lệ phí:

+ UBND cấp xã.

+ UBND cấp huyện.

+ Sở Tư pháp.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

IV. Các khoản phí, lệ phí đề xuất điều chỉnh mức thu, nội dung thu, đối tượng miễn giảm, quản lý sử dụng: 7 khoản.

1. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam: là khoản thu mà người sử dụng lao động phải nộp khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 2.721 trđ, 6 tháng năm 2016: 2.159 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 124/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Căn cứ Đề án do Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu trước đang thực hiện: Cấp mới: 400.000đ, cấp lại: 300.000đ, gia hạn: 200.000đ/giấy phép.

- Đề xuất: Cấp mới: 400.000đ, cấp lại: 300.000đ, trường hợp gửi hồ sơ cấp lại qua mạng: 250.000đ.

Lý do: Để khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức tham gia dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (gửi hồ sơ qua mạng) đề nghị điều chỉnh giảm mức thu lệ phí 50.000 đ/1 giấy phép (từ 300.000đ xuống 250.000đ). Không quy định nội dung gia hạn giấy phép để phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.

- Đơn vị thu lệ phí: Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thu lệ phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

2. Bốn khoản phí sử dụng tài nguyên nước (Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi; Phí thẩm định điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án, báo cáo sử dụng tài nguyên nước.

Kết quả thu phí sử dụng tài nguyên nước các năm (bao gồm cả phí và lệ phí): Năm 2015: 12.979 trđ, 6 tháng năm 2016: 6.860 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 110/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Trước đây là 03 khoản (02 phí và 01 lệ phí) với nhiều nội dung thu khác nhau (nên không xác định được mức thu cũ), nay gộp lại thành một khoản theo quy định tại Danh mục.

- Đề xuất 3 nội dung thu theo lưu lượng nước của đề án, báo cáo với mức phí từ 3.000.000đ đến 7.500.000đ/1 lần thẩm định. Trường hợp thẩm định đề cập lại, gia hạn tính theo tỷ lệ 50% và 30% mức cấp mới. Dự kiến số phí thu được hàng năm khi áp dụng mức thu mới: 102 trđ.

- Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý sử dụng: Quy định đang thực hiện: đơn vị thu phí được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

b) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt:

- Trước đây gồm phí thẩm định và lệ phí cấp phép, nay gộp lại thành một khoản theo quy định tại Danh mục.

- Mức thu đang thực hiện: phí thẩm định: 3 nội dung thu với mức thu từ 900.000đ đến 4.200.000đ/đề án, trường hợp gia hạn thu bằng 50% cấp mới; ngoài ra còn mức thu lệ phí cấp phép: 100.000đ/lần cấp mới, gia hạn 50.000đ/lần.

- Đề xuất 3 nội dung thu theo lưu lượng nước của đề án, báo cáo với mức phí từ 3.000.000đ đến 7.500.000đ/1 lần thẩm định. Trường hợp thẩm định đề cập lại, gia hạn tính theo tỷ lệ 50% và 30% mức cấp mới. Dự kiến số phí thu được hàng năm khi áp dụng mức thu mới: 202 trđ.

- Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý sử dụng: Quy định đang thực hiện: đơn vị thu phí được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

c) Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

- Trước đây gồm phí thẩm định và lệ phí cấp phép, nay gộp lại thành một khoản theo quy định tại Danh mục.

- Mức thu đang thực hiện: phí thẩm định: 4 nội dung thu theo lưu lượng nước thải với mức thu từ 300.000đ đến 4.200.000đ/đề án, trường hợp gia hạn thu bằng 50% cấp mới; ngoài ra còn mức thu lệ phí cấp phép: 100.000đ/lần cấp mới, gia hạn 50.000đ/lần.

- Đề xuất mới 3 nội dung thu khác so với quy định cũ (do Luật Tài nguyên nước thay đổi thẩm quyền cấp phép của cơ quan địa phương) với mức thu từ 5.000.000đ đến 9.000.000đ/đề án theo tính chất nguồn nước thải, trường hợp gia hạn thu bằng 50% cấp mới. Dự kiến số phí thu được hàng năm khi áp dụng mức thu mới: 408 trđ.

Đơn vị thu phí:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Quản lý sử dụng: Quy định đang thực hiện: đơn vị thu phí được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

d) Phí thẩm định điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: Là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

- Số phí thu được năm 2015: 90 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 108/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

- Mức thu đang thực hiện: 700.000đ đối với cấp mới; 350.000đ đối với cấp lại.

- Đề xuất mới: 2.000.000đ đối với cấp mới; 1.000.000đ đối với cấp lại; 600.000đ đối với gia hạn.

- Lý do đề xuất:

+ Mức thu phí đang thực hiện hiện nay đã được thực hiện từ năm 2007.

+ Đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Hiện nay, chủ trương của Nhà nước hạn chế khai thác nước ngầm và các khu vực được phép khai thác nước ngầm ngày càng thu hẹp hơn, do đó cần tăng mức thu.

+ Đảm bảo tương quan với mức thu phí do Bộ Tài chính dự kiến ban hành (do khoản phí này thuộc thẩm quyền ban hành của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh).

+ Bổ sung trường hợp gia hạn để phù hợp với tình hình thực tế.

- Dự kiến số phí thu được hàng năm khi áp dụng mức thu mới: 24 trđ.

- Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý sử dụng: Quy định đang thực hiện: đơn vị thu phí được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% phí thu được vào NSNN, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được duyệt theo dự toán hàng năm.

*** Lý do đề xuất tăng mức thu (cả 4 khoản phí):**

- Mức thu phí đang thực hiện hiện nay đã được thực hiện từ năm 2007. Các khoản phí này thường gộp từ 2-3 khoản phí, lệ phí trước đây (phí thẩm định và lệ phí cấp phép).

- Do các hoạt động sử dụng tài nguyên nước đều có ảnh hưởng đến môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo tương quan với mức thu phí do Bộ Tài chính dự kiến ban hành tại dự thảo Thông tư (do khoản phí này thuộc thẩm quyền ban hành của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh).

+ Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất: Mức thu thấp nhất 7.600.000đ/hồ sơ.

+ Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt: Mức thu thấp nhất 12.800.000đ/hồ sơ.

+ Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi: Mức thu thấp nhất 16.800.000đ/hồ sơ.

- Đánh giá tác động:

+ Mức thu phí đang thực hiện chưa đủ bù đắp chi phí cho công tác thẩm định. Việc xác định mức thu mới dựa trên nguyên tắc tập hợp đầy đủ chi phí phục vụ hoạt động thẩm định, lương và các chi phí chung khác liên quan đến công tác thu phí, lệ phí của đơn vị thu là căn cứ để các tổ chức, cá nhân nhận thấy mức thu phí do cơ quan nhà nước đề ra đã phù hợp.

+ Tác động đến tổ chức, cá nhân: Khi nộp phí đầy đủ thì các tổ chức, cá nhân được hưởng quyền lợi từ dịch vụ có nhu cầu và đã thực hiện đúng nghĩa vụ mà Nhà nước quy định.

+ Tác động đến Ngân sách: là nguồn thu chủ yếu để bù đắp chi phí và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

3. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố: là khoản thu vào các đối tượng được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

Số phí thu được các năm: năm 2015: 44.281 trđ, 6 tháng năm 2016: 16.990 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Trước đây tên gọi là phí sử dụng lòng, hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước nay chuyển tên thành phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định của Luật Phí và lệ phí. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên, mức thu đã được ban hành và áp dụng từ năm 2013.

Căn cứ Đề án do Sở Giao thông vận tải xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

*** Về mức thu phí:**

- Mức thu đang thực hiện:
 - + Đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép: Gồm nhiều nội dung thu với mức thu từ 25.000đ đến 80.000đ/m²/tháng tùy theo địa bàn quận, huyện và địa điểm cấp phép (lòng đường, vỉa hè, bến, bãi, mặt nước...).
 - + Riêng đối với Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe, trước đây nộp phí theo 2 hình thức: Theo m² đối với diện tích trông giữ trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, 3% trên doanh thu đối diện tích do Sở Giao thông vận tải hoặc UBND các quận, huyện, thị xã khác cấp phép trên địa bàn các quận, huyện khác.
- Bất cập của việc thực hiện quy định cũ:
 - + Mức thu áp dụng đối với Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội tại địa bàn quận Hoàn Kiếm và các quận, huyện khác có sự chênh lệch đáng kể dẫn đến sự bất bình đẳng trong hoạt động kinh doanh giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân khác.
 - + Bản chất của khoản phí: Phí sử dụng lòng đường, hè phố là khoản phí không cân đối ngân sách (số phí thu được do cấp nào cấp phép được nộp toàn bộ về ngân sách của cấp đó), việc thu, nộp phí hiện đang thực hiện không thể hiện đúng bản chất của khoản phí, cụ thể:
 - Đối với diện tích do UBND quận Hoàn Kiếm cấp phép: Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội nộp phí trực tiếp cho UBND quận Hoàn Kiếm và được UBND Quận nộp vào ngân sách quận Hoàn Kiếm sau khi trừ 10% để lại để phục vụ công tác thu;
 - Đối với diện tích do Sở Giao thông vận tải, các UBND quận, huyện khác cấp phép: Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội kê khai và nộp phí về ngân sách thành phố (ngân sách quận, huyện không được hưởng). Điều này dẫn đến bất hợp lý trong việc phân cấp nguồn thu của các quận, huyện.

Từ các nguyên nhân trên đòi hỏi phải quy định thu mới cho Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội đảm bảo bình đẳng với các đơn vị sử dụng lòng, hè, lề đường khác và bình đẳng về nguồn thu giữa các quận, huyện.

Việc xây dựng được mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố phù hợp với thực tế và đúng Luật Phí, lệ phí cần được xây dựng đề án trên cơ sở khảo sát, đánh giá kỹ về hiện trạng sử dụng lòng đường, hè phố; quy hoạch bãi, điểm đỗ xe; kiểm tra, khảo sát hoạt động trông giữ xe, đánh giá kết quả hoạt động trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trên cơ sở thực hiện đúng các quy định của nhà nước về thực hiện áp dụng mức thu trông giữ xe, sử dụng vé, hóa đơn; thực hiện đúng quy định về phòng cháy, chữa cháy, thực hiện các quy định về tiền lương, tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế với người lao động, phù hợp với quy định về giá trông giữ xe....

Để có thời gian và lộ trình thực hiện, UBND Thành phố dự kiến đề xuất như sau:

- Năm 2017: Đề xuất giữ nguyên quy định đang thực hiện, bãi bỏ một số nội dung thu không còn phù hợp (như mức thu phí sử dụng bến, bãi, mặt nước...), riêng với công ty khai thác điểm đỗ xe tăng tỷ lệ nộp phí trên các địa bàn quận, huyện khác (trừ địa bàn quận Hoàn Kiếm) từ 3% doanh thu lên 6% doanh thu.

* Trong năm 2017, UBND Thành phố giao Sở Giao thông vận tải thực hiện các việc sau:

- Phối hợp với UBND quận Hoàn Kiếm tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện mô hình “khoản quản”.

- Đánh giá, phân tích tình hình sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn làm, xây dựng lại Đề án thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo hướng:

+ Đảm bảo các mục tiêu hạn chế dừng đỗ trong khu vực nội thành, đặc biệt là quận Hoàn Kiếm, Ba Đình,...

+ Đảm bảo thực hiện đúng bản chất khoản phí, công bằng về nguồn ngân sách giữa các quận, huyện.

+ Đảm bảo phù hợp với mức giá dịch vụ trông giữ xe do UBND Thành phố ban hành.

+ Đảm bảo công bằng, bình đẳng và thống nhất về mức thu phí giữa công ty khai thác điểm đỗ xe Hà Nội và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (Theo hướng thu trên m² áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân được cấp phép).

+ Việc điều chỉnh mức thu phí phải phù hợp với thực tế, phân chia theo từng địa bàn, từng khu vực tận dụng được lợi thế điểm đỗ xe trên từng địa bàn, khu vực, tuyến phố và có cơ chế riêng cho doanh nghiệp chủ đạo trông giữ xe để thực hiện nhiệm vụ chính trị và tham gia các hoạt động công ích của Thành phố, có cơ chế giám sát, quản lý được doanh thu.

Dự kiến trình HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2017 và áp dụng từ 01/01/2018.

- Xây dựng phương án tổ chức thí điểm dừng đỗ xe thông minh áp dụng tại các lòng đường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thực hiện từ 01/7/2017.

* **Đơn vị thu phí:** Sở Giao thông vận tải, UBND các quận, huyện, thị xã.

* **Về quản lý sử dụng:**

- Quy định đang thực hiện:

+ Sở Giao thông vận tải: Nộp ngân sách nhà nước 95% tổng số phí thu được; 5% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

+ Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các phường, xã, thị trấn (theo phân cấp) nộp Ngân sách 90% tổng số phí thu được; 10% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

+ Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm: được để lại 10% tổng số phí thu được của các tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm mô hình “khoán quản”;

- Quy định đang thực hiện không đồng nhất giữa các đơn vị. Bên cạnh đó, UBND các quận, huyện, thị xã chưa gửi đầy đủ báo cáo thu, chi từ nguồn phí để lại, do đó chưa có đủ cơ sở để đề xuất một tỷ lệ hợp lý.

- Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

Đây là khoản phí không cân đối ngân sách, do đó đề xuất này cũng không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách ổn định của các quận, huyện và Thành phố so với quy định đang thực hiện.

4. Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa: là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí về bảo quản, tu bổ, phục hồi và quản lý đối với danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

Số phí thu được các năm: năm 2015: 130.670 trđ, 6 tháng năm 2016: 110.859 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 88/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND Thành phố.

Căn cứ Đề án do các đơn vị thu phí xây dựng, báo cáo tổng hợp của Sở Văn hóa và Thể thao, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: Có mức thu phí đối với 10 di tích trên địa bàn thành phố, từ 10.000đ đến 49.000đ/lượt/người (Di tích Cổ Loa, Đền Quán Thánh, Chùa Thầy, Chùa Tây Phương: 10.000đ; Làng cổ Đường Lâm: 20.000đ; Đền Ngọc Sơn, Nhà tù Hỏa Lò, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long: 30.000đ; Chùa Hương: 49.000đ).

* **Mức thu phí:** Đề xuất giữ nguyên mức thu phí đối với các di tích: Cổ Loa, Đền Quán Thánh, Chùa Thầy, Chùa Tây Phương (*Do các di tích có quy mô nhỏ, gắn liền với tâm linh tín ngưỡng*), Làng cổ Đường Lâm (*Là di tích sống, nếu đề xuất tăng phí sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người dân*), Đền Ngọc Sơn, Nhà tù Hỏa Lò, Văn Miếu – Quốc Tử Giám (*Vừa được tăng mức thu phí vào năm 2014, thực hiện từ 01/01/2015, mức thu vẫn còn phù hợp*), Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (*Mức thu vẫn còn phù hợp với mặt bằng chung của các di tích*).

Riêng đối với di tích Chùa Hương: Đề xuất tăng mức thu phí từ 49.000đ lên 78.000đ đối với vé thường, từ 24.000đ lên 38.000đ đối với vé ưu đãi.

- Lý do đề xuất tăng mức thu phí Chùa Hương:

+ Mức thu phí Chùa Hương đang thực hiện đã áp dụng được 5 năm (từ năm 2012). Từ năm 2012 đến nay, mức lương tối thiểu cơ bản từ 830.000 đồng đã tăng lên 1.210.000 đồng, các chi phí khác như điện, nước, văn phòng phẩm, nhân công, vật tư nguyên liệu cũng tăng đáng kể theo chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số lạm phát hàng năm.

+ Mức thu phí Chùa Hương hiện nay là 49.000đ/lượt đối với vé thường, 24.000đ/lượt đối với vé ưu đãi (dành cho các đối tượng được giảm 50% phí tham quan theo quy định), được thu 1 lần cho cả 3 tuyến Hương Tích, Long Vân và Tuyết Sơn (*mức thu phí trung bình 1 tuyến là 16.333đ đối với vé thường, 8.000đ đối với vé ưu đãi*). So với mức thu phí của các di tích có quy mô lớn, giá trị văn hóa lịch sử quan trọng trên địa bàn thành phố do HĐND Thành phố quyết định (như Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, di tích Đền Ngọc Sơn, Nhà tù Hỏa Lò, Văn Miếu – Quốc Tử Giám), mức phí này tương đối thấp, chưa phù hợp với quy mô và giá trị của di tích.

+ Hiện nay, UBND huyện Mỹ Đức đã tiến hành đầu tư xây dựng các công trình tu bổ, tôn tạo di tích. Với mức thu phí đang thực hiện không đủ bù đắp các chi phí cần thiết, Ngân sách nhà nước đang phải bù thêm để có kinh phí thực hiện.

+ Căn cứ thực tế trên địa bàn huyện và khu di tích Hương Sơn như: hệ thống giao thông bến bãi chưa đáp ứng được nhu cầu, hệ thống nhà vệ sinh, xử lý rác thải xuống cấp, cần được tu bổ, tôn tạo, sửa chữa; các công trình cần xây dựng mới như nhà điều hành, hệ thống ki ốt bán hàng; tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, nạo vét các công trình đã xuống cấp, do đó cần tăng mức thu phí để có kinh phí quy hoạch tổng thể khu di tích, sửa chữa, cải tạo, làm mới các công trình theo nhu cầu; UBND huyện Mỹ Đức đã dự kiến 13 dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình để phục vụ di tích như: Quy hoạch tổng thể khu Di tích thắng cảnh Hương Sơn, Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh công cộng, Cải tạo tuyến đường bộ Long Vân (3km) – Tuyết Sơn (2km), Mở rộng bến xe số 2. Làm mới Bến xe Hang Vò, Sửa chữa, tu tạo các công trình đang sử dụng ... thực hiện trong vòng 5 năm với tổng mức đầu tư dự kiến là 358.700 trđ (trung bình 1 năm cần 71.740 trđ).

Bên cạnh đó, chi phí cho công tác tổ chức lễ hội và thu phí cũng ngày một cao, trong khi số được để lại để phục vụ cho công tác quản lý lễ hội hàng năm không tăng nhiều, trung bình từ 22 đến 23 tỷ (do lượng khách về Chùa Hương tương đối ổn định). UBND huyện Mỹ Đức đã đề xuất tăng mức để lại cho đơn vị thu phí để phục vụ công tác thu và tổ chức lễ hội lên 32 tỷ/năm (phân tích chi tiết ở mục quản lý sử dụng).

Trung bình mỗi năm, Chùa Hương đón khoảng 1,2 đến 1,3 triệu lượt du khách đến tham quan và trải nghiệm. Với mức phí đề xuất, dự kiến số phí 1 năm thu được: $(1.300.000 \text{ vé} \times 78.000\text{đ}) + (50.000 \text{ vé} \times 38.000\text{đ}) = 103.300 \text{ trđ}$.

Số phí thu được đảm bảo thực hiện việc đầu tư xây dựng hàng năm (72 tỷ/năm) và chi phục vụ công tác quản thu và tổ chức lễ hội do UBND huyện Mỹ Đức đề xuất (32 tỷ/năm).

+ Mức thu phí đề xuất là 78.000đ đối với vé thường, 38.000đ đối với vé ưu đãi (trung bình là 26.000đ và 12.700đ 1 tuyến) đã tương đối phù hợp với mặt bằng chung các di tích trên địa bàn Thành phố Hà Nội có quy mô và giá trị văn hóa lịch sử cao. Mức thu này vẫn tương đối thấp so với các di tích và thắng cảnh có cùng quy mô và tính chất tại các địa phương khác như Tam Cốc – Bích Động (120.000đ vé người lớn, 60.000đ vé trẻ em), Tràng An (150.000đ vé người lớn, 80.000đ vé trẻ em).

- Đánh giá tác động của việc tăng mức thu phí tham quan Chùa Hương:

- Với việc tăng mức thu phí, UBND huyện Mỹ Đức cũng được tăng thêm nguồn kinh phí để phục vụ được tốt hơn trong việc tham quan di tích của các du khách. Cụ thể:

+ Có thêm kinh phí để bổ sung số lượng cán bộ, nhân công tham gia phục vụ lễ hội, đảm bảo tăng cường an ninh cho công tác tổ chức lễ hội, phân luồng, hướng dẫn khách tham quan di chuyển, tránh tình trạng chen lấn, xô đẩy, nhất là vào những ngày cao điểm. Đồng thời bổ sung mức hỗ trợ cho các lực lượng tham gia phục vụ lễ hội (từ 159.000đ lên 205.000đ/người/ngày).

+ Đầu tư sửa chữa cải tạo bến bãi, hệ thống giao thông quanh khu vực lễ hội, từng bước đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của du khách khi tham quan trải nghiệm.

+ Đầu tư sửa chữa các công trình xuống cấp gây mất mỹ quan chung.

- Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn cũng đề xuất các chính sách để khuyến khích một số đối tượng tham quan cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ như:

+ Đề xuất bổ sung đối tượng miễn phí tham quan là: trẻ em dưới 15 tuổi (hoặc cao dưới 1m30), giảm 50% mức thu phí cho học sinh sinh viên Việt Nam (có thẻ HS, SV) để khuyến khích các em học sinh tham quan, tìm hiểu về đời sống văn hóa, danh lam thắng cảnh, các lễ hội truyền thống dân tộc.

+ Đề xuất bổ sung miễn thu phí ngày lễ Phật Đản (15 tháng 4 Âm lịch) và ngày di sản văn hóa Việt nam (23/11).

+ Miễn tiền dịch vụ vệ sinh công cộng trong khu di tích đối với các du khách.

+ Việc triển khai thực hiện tăng mức thu, đồng thời tổ chức tuyên truyền các dịch vụ gia tăng mà người dân được hưởng theo các mục tiêu nêu trên. Do vậy, đánh giá sẽ không gây ảnh hưởng lớn và phản ứng tiêu cực của người dân.

*** Đơn vị thu phí:**

+ Đơn vị thu phí trực tiếp: Các đơn vị quản lý di tích lịch sử, thắng cảnh trực tiếp quản lý di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

+ Đơn vị chỉ đạo thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm triển khai, chỉ đạo công tác thu phí tham quan di tích và tổng hợp số liệu báo cáo UBND Thành phố và các đơn vị có liên quan.

*** Quản lý sử dụng:**

- **Giữ nguyên quy định đối với các di tích:** Nhà tù Hỏa Lò, Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Di tích Cổ Loa (*Nộp 10% vào ngân sách, 90% để lại công tác thu*); Làng cổ Đường Lâm (*được để lại 100% số phí thu được để phục vụ công tác quản lý di tích và tổ chức thu phí*).

- **Đối với các di tích:** Chùa Thầy, Chùa Tây Phương, Đền Quán Thánh: Trước đây quy định nộp 10% vào ngân sách, 90% để lại công tác thu. Các di tích này không thành lập Ban quản lý di tích riêng mà do UBND xã, quận quản lý. Do đó, qua kiểm tra quyết toán của đơn vị có hiện tượng chưa tách bạch các khoản chi cho công tác thu phí với các khoản chi khác do ngân sách cấp của đơn vị.

UBND Thành phố đề xuất nộp 100% số phí thu được vào NSNN để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất thu chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại.

Việc quy định nộp 100% vào NSNN cũng không gây ảnh hưởng đến ngân sách quận, huyện, do đây là khoản phí không cân đối, số phí thu được được điều tiết toàn bộ về ngân sách các quận, huyện.

- **Đối với di tích Chùa Hương:** Mức thu phí đề xuất tăng dẫn đến số thu tăng nên cần phải điều chỉnh tỷ lệ để lại cho phù hợp. Bên cạnh đó, UBND huyện Mỹ Đức cũng đề xuất tăng thêm số tiền để lại cho đơn vị thu phí để phục vụ công tác thu phí và tổ chức lễ hội.

Căn cứ Đề án của UBND huyện Mỹ Đức, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất quy định tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí từ 35% xuống 30%.

Với mức thu phí và tỷ lệ để lại đề xuất, dự kiến 1 năm đơn vị thu phí được để lại 31,6 tỷ để phục vụ công tác thu phí và tổ chức lễ hội. Tăng 8,2 tỷ so với năm 2016 để thực hiện 1 số nội dung sau:

+ Tăng số lượng cán bộ do UBND huyện Mỹ Đức trung tập (từ 390 người lên 420 người), đồng thời tăng mức phụ cấp từ 159.000đ/người/ngày lên 205.000đ/người/ngày (mỗi người làm trung bình 80 ngày trong thời gian lễ hội, cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết): mức chi dự kiến tăng 2 tỷ đồng.

+ Tăng chế độ bồi dưỡng cho cán bộ xã: 800 trđ.

+ Chi phục vụ công tác vệ sinh công cộng (trước đây giao công ty Yên Hương tổ chức hoạt động và có thu dịch vụ vệ sinh của du khách, nay UBND Huyện tự tổ chức hoạt động, miễn phí cho du khách): 4 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho công tác thu gom, phân loại, xử lý rác thải, đảm bảo môi trường trong sạch; tăng chi cho công tác tuyên truyền văn hóa lễ hội và các khoản chi khác theo giá cả thị trường: 2 tỷ đồng.

- Đối với di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám:

Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp 10% vào NSNN, được để lại 90% số phí thu được (*được xác định là 100% và phân chia theo tỷ lệ 30% phục vụ công tác thu phí, 70% chi tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao*).

Đề xuất giữ nguyên tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí là 90% số phí thu được, nhưng điều chỉnh tỷ lệ phân chia như sau: 65 % chi thường xuyên (bao gồm chi cho công tác thu phí, chi các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và 35 % chi không thường xuyên (bao gồm tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao).

- Đối với di tích Đền Ngọc Sơn:

Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp 10% vào NSNN, được để lại 90% số phí thu được (*được xác định là 100% và phân chia theo tỷ lệ 35% phục vụ công tác thu phí, 65% chi tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao*).

Đề xuất giữ nguyên tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí là 90% số phí thu được, nhưng điều chỉnh tỷ lệ phân chia như sau: 60% chi thường xuyên và 35% chi không thường xuyên (*nội dung tương tự di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám*).

- Căn cứ đề xuất điều chỉnh di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám và Đền Ngọc Sơn:

Quy định đang thực hiện được ban hành căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản này không phân chia các nội dung chi, tuy nhiên UBND Thành phố đề xuất tỷ lệ phân chia cho công tác thu và các công tác khác (bao gồm cả chi chuyên môn, nghiệp vụ, chi tu bổ tôn tạo...) để đảm bảo minh bạch trong quản lý sử dụng. Theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định phân chia các nội dung chi từ nguồn phí được để lại bao gồm: Chi thường xuyên (chi cho công tác thu, chi chuyên môn nghiệp vụ...), chi không thường xuyên (mua sắm, sửa chữa lớn...) do đó cần phải điều chỉnh lại việc phân chia tỷ lệ theo quy định và để tạo sự chủ động cho đơn vị.

V. Các khoản phí, lệ phí cần bổ sung mới theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí (2 khoản):

1. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

Căn cứ Đề án do Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

Trước đây Sở Văn hóa và Thể thao có thực hiện việc thẩm định nhưng không thu phí do không có quy định thu. Nay cần bổ sung mức thu do đã được bổ sung tên trong danh mục phí, lệ phí.

- Sở Văn hóa và Thể thao đã dự kiến chi phí cho 01 lần thẩm định: 1.188.000đ, tuy nhiên đề xuất mức thu phí cho 1 lần thẩm định là 1.000.000đ (chưa tính đủ chi phí) để tròn số và tránh đột ngột cho các đơn vị. Mức thu phí này cũng tương đương với mức thu phí thẩm định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (có các bước thực hiện công việc tương tự) được Bộ Tài chính đề xuất (1.000.000đ/lần thẩm định).

- Dự kiến số phí thu được 1 năm: 180 trđ.

- Đơn vị thu phí: Sở Văn hóa và Thể thao.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

2. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung: Là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

Các đơn vị khai thác khoáng sản sẽ gây tác động xấu đến môi trường. Do đó đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (có làm tròn), ngân sách nhà nước không phải cấp bù, đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Chi phí cho việc thẩm định Phương án, phương án bổ sung chỉ thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 5.600.000đ/lần thẩm định.

+ Chi phí cho việc thẩm định Phương án, phương án bổ sung của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 8.800.000đ/lần thẩm định.

- Riêng chi phí cho các hoạt động lấy mẫu phân tích kiểm chứng: Trong quá trình kiểm tra thực tế, dựa trên hiện trạng tác động do hoạt động khai thác của dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến các thành phần môi trường như: nước mặt, nước ngầm, đất, không khí hay loại hình chất thải phát sinh của cơ sở như: chất thải rắn, nước thải, khí thải mà cơ quan thường trực thẩm định phương án, phương án bổ sung xác định loại mẫu, số lượng mẫu của chất thải nói trên để phân tích kiểm chứng và có thông báo gửi chủ đầu tư về việc lấy mẫu phân tích kiểm chứng các thành phần môi trường.

Trên cơ sở danh sách các đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đơn vị đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực quan trắc, Chủ dự án sẽ lựa chọn và kí hợp đồng lấy mẫu, phân tích với đơn vị đó để thực hiện và chi trả kinh phí theo thỏa thuận giữa 2 bên.

- Dự kiến số phí thu được 1 năm: 48,8 trđ.

- Đơn vị thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý sử dụng: Đơn vị thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

VI. Các khoản phí, lệ phí đề xuất chưa (hoặc không) ban hành quy định thu: 03 khoản.

1. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu: thành phố Hà Nội không phát sinh khoản phí này.

2. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân: Theo báo cáo của Công an thành phố Hà Nội:

Đối với lệ phí cấp chứng minh nhân dân: thành phố Hà Nội hiện nay không thực hiện cấp chứng minh nhân dân cho người dân nữa, do đó đề xuất không quy định mức thu.

Đối với lệ phí cấp căn cước công dân: Quy định thu lệ phí cấp căn cước công dân thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 32 Luật Căn cước công dân.

3. Phí sử dụng đường bộ đối với tuyến đường do địa phương quản lý: Là khoản thu để tạo nguồn kinh phí duy tu, sửa chữa, xây dựng các tuyến đường bộ.

Phí sử dụng đường bộ là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, đây là khoản phí tương đối lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Do đó cần đảm bảo thống nhất để tránh tình trạng chồng chéo giữa các quy định của Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau.

Đối với các phương án do Thành phố đề xuất như thu qua xăng, theo đầu phương tiện, lập chốt, trạm... đều bộc lộ các vướng mắc, bất cập, có thể gây phản ứng tiêu cực cho người dân. Do đó, để có thời gian nghiên cứu làm rõ phạm vi, đối tượng thu và có hướng dẫn thống nhất giữa của Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau của Bộ Tài chính, UBND Thành phố đề xuất tạm thời chưa ban hành quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với các tuyến đường do địa phương quản lý.

Hiện nay, Bộ Tài chính chưa ban hành qui định thu phí sử dụng đường bộ các tuyến đường do trung ương quản lý nên chưa có tư liệu để tham khảo, đồng thời đang dự thảo văn bản hướng dẫn các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh (trong đó có phí sử dụng đường bộ). Ngay khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND Thành phố sẽ giao Sở Giao thông vận tải nghiên cứu, xây dựng Đề án báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

B. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ TÀI CHÍNH VÀ ỦY QUYỀN HĐND CẤP TỈNH BAN HÀNH MỨC THU CỤ THỂ:

Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, các khoản phí, lệ phí này thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan cấp trên (Chính phủ, Bộ Tài chính), tuy nhiên tại các văn bản quy định thu chỉ quy định mức tối đa hoặc khung mức thu và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu, tỷ lệ để lại cụ thể: 4 khoản.

1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: là khoản thu để có nguồn kinh phí xử lý nước thải, bảo vệ môi trường thành phố.

Số phí thu được các năm: năm 2015: 400.641 trđ, 6 tháng năm 2016: 211.526 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND Thành phố.

- Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, phí bảo vệ môi trường là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Ngày 16/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó quy định về mức thu phí và quản lý sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt như sau:

+ *Mức thu phí: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế GTGT. Trường hợp cần thiết áp dụng mức thu cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác để sử dụng (trừ hộ gia đình quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 5 Nghị định này) thì mức phí được xác định theo từng người sử dụng nước căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của 1 người trong xã, phường, thị trấn nơi khai thác và giá bán 1m³ nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn.*

+ *Quản lý sử dụng phí: Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp số tiền chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.*

Căn cứ Đề án do Sở Xây dựng xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu phí:

+ Đối với đối tượng sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính bằng 10% trên giá bán nước sạch sinh hoạt (chưa bao gồm thuế GTGT). Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đang áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đã phù hợp với quy định của Nghị định số 154/2016/NĐ-CP. Do khoản phí này có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân, để đảm bảo an sinh xã hội, UBND Thành phố đề xuất không trình HĐND Thành phố ban hành mức thu phí cao hơn quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

+ Đối với các đối tượng sử dụng nước tự khai thác: Mức thu phí đang thực hiện được quy định cụ thể cho từng đối tượng từ 1.000đ-2.500đ/m³. Theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, HĐND Thành phố không còn thẩm quyền quy định mức thu phí đối với các đối tượng sử dụng nước tự khai thác. Do đó UBND Thành phố đề xuất bãi bỏ mức thu phí đối với các đối tượng sử dụng nước tự khai thác HĐND Thành phố đã ban hành tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND

- Đơn vị thu phí:

+ Các đơn vị cung cấp nước sạch: Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cùng với tiền nước sạch.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng.

- Quản lý sử dụng:

* Đối với các Công ty kinh doanh, cung cấp nước sạch: Căn cứ kết quả kiểm tra của Sở Tài chính – Sở Xây dựng, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí từ 8% xuống 6% tổng số phí thu được. Số còn lại (94%) đơn vị cung cấp nước sạch nộp vào NSNN.

* Đối với UBND xã, phường, thị trấn: Đề xuất nộp 100% vào ngân sách nhà nước, nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để đảm bảo minh bạch, đồng bộ và thống nhất với các khoản phí do cơ quan hành chính nhà nước thu thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống: Là khoản thu nhằm thực hiện công cụ quản lý nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, sử dụng của các tổ chức, cá nhân có tài sản đăng ký.

Số lệ phí thu được các năm: năm 2015: 3.768.861 trđ, 6 tháng năm 2016: 2.267.230 trđ. Đã có quy định thu từ năm 2009. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2013 (theo Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 11/07/2013).

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, Đề án do Cục Thuế thành phố Hà Nội xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố như sau:

- Mức thu đang thực hiện: 12%.
- Mức thu tối đa theo quy định của Chính phủ: 15%.
- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét xây dựng mức thu lệ phí trước bạ cụ thể phù hợp và để đảm bảo đồng thời các mục tiêu:
 - + Khắc phục tình trạng ùn tắc của các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội, đặc biệt là địa bàn các quận nội thành, các trung tâm thương mại và các khu mua sắm, vui chơi giải trí và du lịch...
 - + Tăng cường nguồn lực tài chính để thực hiện các dự án về giao thông công cộng, xây dựng văn hoá đi bộ và sử dụng phương tiện giao thông công cộng cho nhân dân Thủ đô.
 - + Mức thu phù hợp, khuyến khích các chủ phương tiện thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng phương tiện lần đầu tại Hà Nội tránh hiện tượng đăng ký chuyển vùng gây thất thu cho ngân sách Thành phố.
 - + Tránh biến động đột biến gây phản ứng của người dân, giữ được số thu ổn định.

Do đó đề xuất giữ nguyên mức thu 12% đang thực hiện.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Là khoản thu nhằm khắc phục và phục hồi các tác động môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, khoản phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Hiện nay Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo hướng ban hành khung mức thu và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quy định mức thu cụ thể. Đến thời điểm ngày 21/11/2016, UBND Thành phố vẫn chưa nhận được Nghị định của Chính phủ. Do đó chưa có đủ căn cứ pháp lý để trình HĐND Thành phố. Ngay sau khi có Nghị định của Chính phủ, UBND Thành phố sẽ báo cáo và xin ý kiến HĐND Thành phố theo quy định.

4. Lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Là khoản thu nhằm quản lý nhà nước về kiểm soát phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chống ùn tắc giao thông, tạo nguồn thu cho NSNN cho đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông.

Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, khoản phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính. Tương tự khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, hiện nay UBND Thành phố chưa nhận được Thông tư chính thức của Bộ Tài chính. UBND Thành phố đề xuất ngay sau khi có Nghị định chính thức của Chính phủ, UBND Thành phố sẽ báo cáo và xin ý kiến HĐND Thành phố theo quy định.

C. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ CẦN BÃI BỎ QUY ĐỊNH THU.

I. Các khoản phí, lệ phí bãi bỏ do thay đổi thẩm quyền ban hành (3 khoản):

1. Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
2. Lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực.
3. Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực.

II. Các khoản phí, lệ phí cần bãi bỏ do không có tên trong danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí (6 khoản):

1. Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
2. Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.
3. Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất.
4. Lệ phí cấp giấy phép, khai thác, sử dụng nước mặt.
5. Lệ phí cấp biển số nhà.
6. Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. Các khoản phí, lệ phí cần bãi bỏ do chuyển sang cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá (6 khoản):

1. Phí vệ sinh đối với chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.
2. Phí chợ.
3. Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính.
4. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, ô tô.
5. Phí qua đò.
6. Phí qua phà.

PHẦN BA.

NGUYÊN TẮC CHUNG TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ PHÍ VÀ LỆ PHÍ.

1. Đơn vị thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

1.1. Niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí; mức thu phí, lệ phí; phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí, lệ phí phải cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.2. Thực hiện kê khai, quyết toán, nộp phí, lệ phí vào ngân sách theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.3. Chậm nhất là ngày 05 tháng sau, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

1.4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí, lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí.

2. Đối với các loại phí, lệ phí do người nộp trực tiếp kê khai nộp ngân sách:
Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

3. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực phí, lệ phí:

Thực hiện Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy; (để b/c)
- Các PCT UBND TP;
- Cục Thuế Hà Nội;
- CVP, PCVP_{Dũng}, TH, KT, XDGT;
- Lưu VT, KT_(Linh).

46619. (16)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **22** tháng 11 năm 2016

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA
HĐND THÀNH PHỐ**

*(Báo cáo kèm theo Tờ trình số ~~137~~/UBND- TTr ngày **22**/~~11~~/2016 của UBND
thành phố Hà Nội)*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Pháp lệnh phí và lệ phí được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28/8/2001, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002 nhằm thống nhất quản lý nhà nước về phí và lệ phí. Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Đối với HĐND cấp tỉnh, tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP Chính phủ đã giao cho HĐND cấp tỉnh quy định đối với một số khoản phí theo nguyên tắc: “*HĐND cấp tỉnh quy định đối với một số loại phí gắn với quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên, gắn với chức năng quản lý hành chính nhà nước của chính quyền địa phương.*” Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014), UBND Thành phố đã tham mưu trình HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố đối với 23 khoản phí và 16 khoản lệ phí.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí và các Nghị quyết thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy, về cơ bản đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, theo đó, hệ thống các văn bản quy định thu phí tại địa phương được ban hành kịp thời, đồng bộ, theo đúng thẩm quyền, tạo ra khung pháp lý rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện; công tác tổ chức, thu nộp và quản lý sử dụng nguồn thu phí, lệ phí được công khai, minh bạch, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; từng bước đổi mới cơ chế quản lý phí, lệ phí gắn với xã hội hóa, tạo cơ chế chủ động cho các đơn vị quản lý thu nộp và sử dụng phí, lệ phí; phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà nước trong lĩnh vực phí, lệ phí; việc quy định thu phí, lệ phí góp phần bù đắp các chi phí cần thiết cho việc thực hiện các dịch vụ công, các công việc quản lý nhà nước, góp phần tăng thu ngân sách....

UBND Thành phố Hà Nội đã tổng hợp kết quả thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố như sau: năm 2014: 4.165 tỷ, năm 2015: 5.727 tỷ, 6 tháng năm 2016: 3.313 tỷ. Kết quả cụ thể theo phụ lục 01 đính kèm.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, đánh giá sau gần 13 năm thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí cho thấy chính sách phí và lệ phí hiện hành bộc lộ nhiều bất cập, cụ thể là:

a) Về thẩm quyền

Pháp lệnh phí và lệ phí quy định: Chính phủ quy định việc miễn, giảm phí, lệ phí trong những trường hợp cần thiết. Theo Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP có 39 khoản phí, lệ phí được phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu, quản lý, sử dụng phí, lệ phí nhưng không giao thẩm quyền quyết định miễn, giảm phí, lệ phí để phù hợp với thực tế tại địa phương.

b) Về nguyên tắc xác định mức thu phí

Pháp lệnh chưa đặt vấn đề bù đắp chi phí, lợi nhuận hợp lý cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ thu phí, do đó, chưa thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia, chưa khuyến khích XHH các dịch vụ công trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường.

c) Việc quản lý, sử dụng phí

Pháp lệnh quy định cơ quan nhà nước thu phí được để lại một phần phí, lệ phí để trang trải chi phí thu nhưng không quy định cụ thể việc phản ánh vào NSNN là số tiền phí thu được hay số tiền phí nộp NSNN. Điều này, dẫn đến khó khăn cho công tác kiểm soát, hạch toán thu – chi NSNN. Luật NSNN (sửa đổi) được quy định theo hướng tập trung và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu NSNN (trong đó có nguồn thu phí, lệ phí). Vì vậy, cần quy định về quản lý và sử dụng phí, lệ phí phù hợp với quy định của Luật NSNN (sửa đổi).

Khắc phục các hạn chế, vướng mắc nêu trên, Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật phí và lệ phí, thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí. Luật phí, lệ phí ra đời đã thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ về quản lý phí, lệ phí; đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của Luật NSNN (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Từng bước tập trung phản ánh kịp thời, đầy đủ nguồn thu từ phí, lệ phí; khắc phục hạn chế trong quản lý nguồn thu từ phí, lệ phí; Từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với quá trình đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh XHH một số loại hình dịch vụ công phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đối với các dịch vụ thu phí, lệ phí trước đây do cả cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện thu đã được chuyển sang cơ chế giá dịch vụ; Đảm bảo chính sách phí, lệ phí công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính trong các ngành, lĩnh vực cung cấp các dịch vụ có thu phí, lệ phí; Tiếp cận thông lệ quốc tế về quản lý, sử dụng phí, lệ phí và hội nhập quốc tế....và đã kế thừa các quy định còn phù hợp đồng thời khắc phục được các tồn tại, bất cập của Pháp lệnh phí và lệ phí trước đây.

Luật phí và lệ phí có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, theo đó, Pháp lệnh phí và lệ phí cùng các văn bản quy phạm pháp luật quy định mức thu phí, lệ phí của HĐND, UBND Thành phố ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật có hiệu lực. Do đó cần phải rà soát, đánh giá việc thực hiện các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND thành phố trên địa bàn để trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết thay thế các Nghị quyết thu phí, lệ phí đã ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí.

Theo quy định tại Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, HĐND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quy định đối với: 17 khoản phí và 7 khoản lệ phí. Ngoài ra, có 02 khoản phí và 02 khoản lệ phí theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Tài chính, tuy nhiên, tại Nghị định, Thông tư hướng dẫn chỉ ban hành khung mức thu (hoặc mức tối đa) và ủy quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương để ban hành mức thu cụ thể.

Căn cứ thực tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội và quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, căn cứ các đề án thu phí, lệ phí của các đơn vị thu, các sở, ngành quản lý, UBND Thành phố xin báo cáo và trình HĐND Thành phố, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN MỘT: CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG MỨC THU VÀ TỶ LỆ ĐỂ LẠI CƠ QUAN THU

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí.

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Thông tư số/2016/TT-BTC ngày tháng ... năm 2016 của Bộ Tài chính về lệ phí đăng ký biển số kèm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Thông tư số/2016/TT-BTC ngày tháng ... năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

2. Khái niệm phí, lệ phí:

Tại Điều 3 Luật phí và lệ phí quy định:

“1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.

2. Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này.”

Như vậy, theo quy định của Luật phí và lệ phí, chỉ có các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định. Đối với các dịch vụ không do Nhà nước đầu tư và có khả năng xã hội hóa cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận cung cấp dịch vụ đã được thực hiện chuyển sang cơ chế giá dịch vụ.

3. Mục tiêu của việc xây dựng các quy định thu phí, lệ phí:

- Đối với kinh tế, xã hội: Cần rà soát, đánh giá các khoản phí đang thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố phù hợp với Danh mục các khoản phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí; phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố và xu hướng phát triển, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện cho các quan hệ kinh tế - xã hội được phát triển một cách thuận lợi, tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển

- Đối với người nộp phí, lệ phí (các tổ chức, cá nhân): Cần xây dựng mức thu đảm bảo hài hòa giữa việc bù đắp chi phí, phục vụ công tác quản lý nhà nước với khả năng đóng góp của người nộp phí, lệ phí. Mức thu, các quy định thu cần đảm bảo ổn định, tạo thuận lợi cho người nộp, trường hợp thay đổi cần theo lộ trình, tránh xáo động, ảnh hưởng tiêu cực đến các tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí.

- Đối với tổ chức thu phí, lệ phí: Quy định rõ ràng cơ chế quản lý, sử dụng đối với phí, lệ phí đảm bảo tính công khai, minh bạch, từ đó thúc đẩy cơ chế tự chủ của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị; từng bước nâng cao chất lượng của các dịch vụ công, hành chính nhà nước.

- Đối với thu Ngân sách nhà nước: Việc xây dựng các mức thu phí từng bước đảm bảo bù đắp các chi phí phục vụ công tác thu, giảm chi từ ngân sách cho thực hiện công việc thu phí. Đối với các khoản lệ phí: Nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu được Ngân sách cấp theo Dự toán được duyệt hàng năm.

- Đối với cải cách thủ tục hành chính: các Sở, ngành quản lý tiếp tục thực hiện rà soát các khoản phí, lệ phí theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung, đề xuất UBND báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

4. Các nguyên tắc xây dựng:

4.1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng bao gồm:

- Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

4.2. Đối tượng miễn, giảm:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Luật phí và lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. Do đó UBND Thành phố trình HĐND Thành phố nguyên tắc xác định đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí như sau:

- Nguyên tắc xác định chung: căn cứ Khoản 1, Điều 10 Luật phí và lệ phí: *“Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật”*.

- Kế thừa các quy định đang thực hiện vẫn còn phù hợp.

- Đối với từng khoản phí, lệ phí cụ thể: quy định cụ thể phù hợp với tính chất từng khoản phí, lệ phí; phù hợp với chính sách kinh tế xã hội tại địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Xác định mức thu:

Các quy định thu phí, lệ phí đang thực hiện đến thời điểm 31/12/2016 được ban hành căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BTC và các văn bản quy định về phí, lệ phí của Chính phủ, Bộ Tài chính, trong đó Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành các nội dung thu, khung mức thu hoặc mức thu tối đa, căn cứ quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh ban hành mức thu cụ thể để áp dụng trên địa bàn.

Tại Khoản 1 Điều 21 Luật phí và lệ phí có hiệu lực từ 01/01/2017 quy định về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh như sau:

“1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.”

Như vậy, đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh có quyền quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định.

Tại Điều 8, Điều 9 Luật phí và lệ phí quy định về nguyên tắc xác định mức thu phí và lệ phí như sau:

“Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.

Điều 9. Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”

Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện thu phí, lệ phí các năm qua, đảm bảo thực hiện đúng các quy định tại Luật, Nghị định, các đơn vị thu phí, lệ phí (hoặc các sở, ngành quản lý đối với các khoản phí, lệ phí không ban hành văn bản quy định riêng cho từng tổ chức thu) đã xây dựng các Đề án thu phí, lệ phí. UBND Thành phố tổng hợp và đề xuất xây dựng mức thu trình HĐND Thành phố đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm nguyên tắc xác định mức thu phí, lệ phí quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật phí và lệ phí

- Tham khảo, kế thừa mức thu phí, lệ phí đang thực hiện. Mức thu đề xuất mới phải mang tính ổn định, góp phần an sinh xã hội và không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan đơn vị.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể trên địa bàn thành phố HN;

- Đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do cơ quan Trung ương (đối với các khoản phí, lệ phí do Bộ Tài chính, HĐND Thành phố cùng có thẩm quyền quyết định)

- Chia nhóm các khoản phí, lệ phí để đề xuất mức thu phí:

+ Đối với các khoản phí, lệ phí có đối tượng thu là người dân, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống nhân dân như: Lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lệ phí trước bạ... đề xuất giữ nguyên mức thu đang thực hiện để đảm bảo ổn định, an sinh xã hội, chỉ điều chỉnh, bổ sung một số đối tượng thu, đối tượng miễn giảm...theo quy định của Luật phí, lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Đối với các khoản phí trong lĩnh vực môi trường như Phí thẩm định đề án, báo cáo sử dụng tài nguyên nước, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản...: Là khoản phí thu của các doanh nghiệp, cá nhân khai thác khoáng sản, sử dụng tài nguyên nước, có các hoạt động sản xuất kinh doanh gây tác động xấu đến môi trường, do đó đề xuất mức thu đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho việc thẩm định và thu phí hoặc đề xuất mức tối đa theo khung của Chính phủ (nếu có)

+ Đối với các khoản phí, lệ phí đã được điều chỉnh mức thu từ năm 2014: đề xuất giữ nguyên để đảm bảo ổn định trong chính sách phí, lệ phí của thành phố.

+ Đối với các khoản phí, lệ phí khác: căn cứ tính chất từng khoản phí, lệ phí để có đề xuất cụ thể.

- Bãi bỏ các loại phí, lệ phí không có trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, các loại phí, lệ phí thay đổi thẩm quyền ban hành mức thu hoặc đã chuyển sang cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá; bổ sung các quy định thu trước đây chưa quy định, nay mới có trong Danh mục ban hành kèm theo Luật.

4.4. Quản lý sử dụng phí, lệ phí:

a. Đối với phí:

Tại Điều 4 Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.”

Căn cứ các quy định trên, UBND Thành phố đề xuất như sau:

a1. Đối với các khoản phí do các cơ quan nhà nước thực hiện: Theo báo cáo của Sở Tài chính, các cơ quan nhà nước có thực hiện thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội đều thuộc trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Nghị định 120/2016/NĐ-CP.

Căn cứ quy định của Pháp lệnh phí, lệ phí trước đây, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố quy định các cơ quan hành chính nhà nước khi thu phí thì được trích để lại tỷ lệ % để phục vụ công tác thu. Tuy nhiên, qua nhiều năm thực hiện, việc thực hiện còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Việc thực hiện quyết toán cho công tác tổ chức thu đối với từng loại phí, lệ phí hàng năm gặp rất nhiều khó khăn do các đơn vị thực hiện thu nhiều loại phí, lệ phí nhưng không hạch toán riêng được chi phí phục vụ công tác thu đối với từng loại phí, lệ phí và các công việc chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Việc thu, chi từ nguồn phí để lại chưa thực sự minh bạch do có một số cơ quan hành chính nhà nước hạch toán chung vào các nguồn thu khác hoặc ngân sách nhà nước cấp theo dự toán hàng năm.

- Không đảm bảo công bằng giữa các cơ quan nhà nước có hoạt động thu phí và không có hoạt động thu phí;

- Nguồn thu phí không được phản ánh toàn bộ vào Ngân sách nhà nước.

Để khắc phục tình trạng trên, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố quy định về quản lý sử dụng đối với phí do cơ quan hành chính nhà nước thu: ***“Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được phê duyệt theo dự toán hàng năm”***.

a2. Đối với các khoản phí do các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện:

Các đơn vị sự nghiệp công lập có thực hiện thu các khoản phí do HĐND Thành phố quyết định trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đều thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (riêng Trung tâm hoạt động khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám từ năm 2017 sẽ chuyển thành Đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi phí thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP). Do đó, UBND Thành phố đề xuất quy định tỷ lệ phần trăm trích lại cho các đơn vị thu phí căn cứ kết quả kiểm tra việc thu và sử dụng tiền phí được để lại của các đơn vị (do Sở Tài chính chủ trì) và dự kiến thu, chi từ nguồn thu phí của các đơn vị thu.

a3. Đối với các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện: Chỉ có khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được giao cho các đơn vị cung cấp nước sạch thu theo tỷ lệ % tiền nước sạch cùng với việc thu tiền nước. Do đó, UBND Thành phố đề xuất quy định tỷ lệ để lại cho các đơn vị cung cấp nước sạch để hỗ trợ công tác thu phí (cùng với việc đi thu tiền nước) căn cứ các chi phí bồi dưỡng cho công tác thu tiền nước của đơn vị.

b. Đối với lệ phí:

Tại Điều 13 Luật phí và lệ phí quy định:

“Điều 13. Thu, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”

UBND Thành phố trình HĐND quy định đối với các khoản lệ phí, đơn vị thu nộp 100% vào ngân sách nhà nước, đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí cho hoạt động thu lệ phí trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

PHẦN HAI:
RÀ SOÁT CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ ĐANG THỰC HIỆN VÀ
THEO DANH MỤC BAN HÀNH KÈM THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Trước năm 2017, căn cứ Thông tư 02/2014/TT-BTC và các văn bản quy định về phí, lệ phí của Chính phủ, Bộ Tài chính; UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định thu đối với 39 khoản (trong đó có 23 khoản phí và 16 khoản lệ phí).

Theo quy định của Luật phí và lệ phí, UBND Thành phố cần trình HĐND Thành phố ban hành 24 khoản (trong đó có 17 khoản phí, 7 khoản lệ phí) thuộc thẩm quyền của HĐND; 2 khoản phí và 2 khoản lệ phí (4 khoản) thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính, nhưng ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh ban hành mức cụ thể; Tổng cộng UBND Thành phố cần trình HĐND Thành phố ban hành quy định đối với 28 khoản (trong đó có 19 khoản phí và 9 khoản lệ phí), chênh lệch 11 khoản so với trước đây (trong đó 15 khoản bãi bỏ quy định thu, 3 khoản bổ sung mới, 02 khoản gộp thành 1 khoản)

UBND Thành phố đã phân công các đơn vị thu phí, lệ phí, các sở, ngành quản lý xây dựng các Đề án thu phí, lệ phí, và giao Bộ phận thường trực (BPTT) gồm: Cục Thuế Hà Nội (tổ trưởng), Sở Tài chính (Phó tổ trưởng), Sở Tư pháp (thành viên), Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội (thành viên) tổ chức thẩm định các Đề án do các đơn vị xây dựng.

Căn cứ quy định về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí; Căn cứ kết quả rà soát thực tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội, đánh giá, xây dựng đề án của các đơn vị thu, tổng hợp của các Sở, ngành quản lý và thẩm định của Bộ phận thường trực; Căn cứ kết quả kiểm tra quyết toán thu, chi của các đơn vị thu phí, lệ phí do Sở Tài chính chủ trì, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định mức thu; quản lý sử dụng phí, lệ phí, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số khoản phí, lệ phí
A	Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí	24 khoản
<i>I</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí không thay đổi tên phí, lệ phí và mức thu, quản lý sử dụng</i>	<i>3 khoản</i>
<i>II</i>	<i>Các khoản phí, lệ phí điều chỉnh tên theo Danh mục, nhưng không thay đổi nội dung thu, mức thu, quản lý sử dụng</i>	<i>1 khoản</i>

STT	Nội dung	Số khoản phí, lệ phí
III	Các khoản phí, lệ phí đề xuất giữ nguyên mức thu, chỉ thay đổi tên, bổ sung nội dung thu, đơn vị thu, quản lý sử dụng	8 khoản
IV	Các khoản phí, lệ phí đề xuất điều chỉnh mức thu, nội dung thu, quản lý sử dụng	7 khoản
V	Các khoản phí, lệ phí đề xuất bổ sung mới theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí	2 khoản
VI	Các Khoản phí, lệ phí đề xuất chưa (hoặc không) ban hành quy định thu	03 khoản
B	Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Bộ Tài chính và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh ban hành mức thu cụ thể	04 khoản
C	Các khoản phí, lệ phí bãi bỏ	15 khoản
I	Bãi bỏ do không có tên trong Danh mục	06 khoản
II	Bãi bỏ do chuyển sang giá dịch vụ	06 khoản
III	Bãi bỏ do thay đổi thẩm quyền ban hành	03 khoản

A. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐND CẤP TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI DANH MỤC BAN HÀNH KÈM THEO LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ: 24 KHOẢN

I. Các khoản phí, lệ phí không thay đổi tên, mức thu, quản lý sử dụng: trước đây ban hành căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí, nay căn cứ Luật phí và lệ phí: 3 khoản. Các khoản phí, lệ phí có số thu hàng năm thấp; cần ổn định mức thu để đảm bảo mục tiêu, chính sách khuyến khích trong một số lĩnh vực (như nông nghiệp, phát triển văn hóa...) hoặc mới được thay đổi mức thu từ năm 2014, đến nay mức thu, các nội dung thu, quản lý sử dụng vẫn còn phù hợp với Pháp luật phí, lệ phí và thực tế trên địa bàn Thành phố, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên.

1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (Quy định tại Điểm 7 Mục I Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống và thu phí.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2009 (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009).

Năm 2014, 2015, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn mới thẩm định được 19 hồ sơ và thu được 50 triệu đồng (năm 2014: 7,5trđ, năm 2015: 42,5trđ) phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống. Tuy mức thu phí hiện nay chỉ đủ bù đắp 1 phần chi phí bình tuyển, nhưng để phát triển sản xuất giống cây trồng, khuyến khích người nông dân nộp hồ sơ đề nghị bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống. Căn cứ Đề án do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng, UBND thành phố Hà Nội đề xuất giữ nguyên quy định thu phí đang thực hiện, cụ thể:

a. Đối tượng nộp:

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, phải nộp phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng khi nộp hồ sơ xin bình tuyển.

- Các Chủ vườn giống cây lâm nghiệp, chủ rừng giống có nhu cầu được công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống phải nộp phí bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống khi nộp hồ sơ xin bình tuyển.

b. Đơn vị thu phí: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

c. Mức thu:

- Đối với bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng:

+ Đối với cây ăn quả: 1.500.000 đồng/ 01 lần bình tuyển, công nhận.

+ Đối với cây lâm nghiệp: 1.000.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận.

- Đối với bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: 3.000.000đ/01 lần bình tuyển, công nhận.

d. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được: UBND Thành phố đề xuất kế thừa các quy định đang thực hiện:

Đơn vị thu nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho công tác bình tuyển được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

2. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng (Quy định tại Điểm 3, Mục II, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu vào người xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Kết quả thu lệ phí các năm: Năm 2014: 2.836trđ; năm 2015: 2.141trđ; 6 tháng năm 2016: 1.004trđ.

Mức thu lệ phí mới được điều chỉnh từ năm 2014, đến nay vẫn còn phù hợp. Căn cứ Đề án do Sở Xây dựng xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND thành phố đề xuất giữ nguyên quy định thu, cụ thể:

a. Đối tượng nộp lệ phí:

Chủ đầu tư các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

b. Mức thu lệ phí:

Nội dung thu	Mức thu lệ phí
1. Cấp mới đối với nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	75.000
2. Cấp mới đối với công trình khác	150.000
3. Gia hạn giấy phép xây dựng	15.000

c. Đơn vị thu lệ phí:

- Sở Xây dựng thu đối với những trường hợp thuộc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được UBND Thành phố giao.

- UBND quận, huyện, thị xã và các xã thu đối với những trường hợp do UBND quận, huyện, thị xã và UBND các xã cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền phân cấp của UBND thành phố.

d. Quản lý, sử dụng:

Đơn vị thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào Ngân sách Nhà nước, chi phí cho công tác thu lệ phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

3. Lệ phí đăng ký kinh doanh (Quy định tại Điểm 2, Mục 3, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đăng ký kinh doanh.

- Đã có quy định thu từ năm 2014. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Lệ phí đăng ký kinh doanh mới được HĐND Thành phố Hà Nội mới ban hành vào tháng 7/2014. Từ tháng 8/2014, trên địa bàn Thành phố đã thực hiện cấp mới 154, cấp thay đổi 317 liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã; Tổng số lệ phí thu được 27 triệu đồng. Số thu lệ phí hàng năm thấp, các quy định thu lệ phí đến nay vẫn còn phù hợp. Căn cứ Đề án do Sở Kế hoạch đầu tư xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định thu, cụ thể:

a. Đối tượng nộp lệ phí:

Các tổ chức, cá nhân khi được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ĐKKD) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận ĐKKD.

Các tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nộp lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh.

Không thu lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b. Mức thu lệ phí:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1.	Cấp mới Giấy chứng nhận ĐKKD		
	+ Hợp tác xã	đồng /1 lần cấp	100.000
	+ Liên hiệp hợp tác xã .	đồng /1 lần cấp	200.000
2.	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.	đồng /1 lần thay đổi	30.000
3.	Cấp bản sao giấy chứng nhận ĐKKD, giấy chứng nhận thay đổi ĐKKD hoặc bản trích lục nội dung ĐKKD	đồng /1 bản	3.000
4.	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	đồng /1 lần cung cấp	15.000

c. Đơn vị thu lệ phí:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội: Đối với Liên hiệp hợp tác xã;
- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: Đối với hợp tác xã.

d. Quản lý sử dụng tiền lệ phí thu được:

Đơn vị thu nộp 100% số lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước; các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

II. Các khoản phí, lệ phí không thay đổi mức thu, quản lý sử dụng, chỉ đổi lại tên theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí: 01 khoản.

Mức thu, quy định về quản lý sử dụng của các khoản phí, lệ phí này vẫn còn phù hợp, chỉ đổi tên theo quy định mới tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí:

1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất (Quy định tại Điểm 2, Mục II, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu vào tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

- Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Trước đây có tên Lệ phí địa chính, nay đổi tên theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí.

Kết quả thu lệ phí địa chính các năm: Năm 2014: 29.463 trđ, năm 2015: 16.460 trđ, 6 tháng năm 2016: 2.609 trđ.

Mức thu lệ phí mới được HĐND Thành phố quyết định điều chỉnh từ tháng 7/2014. Để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội, đồng thời khuyến khích người dân đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định thu lệ phí, chỉ đổi lại tên theo quy định, cụ thể:

a. Tên gọi: Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất

b. Đối tượng nộp, miễn nộp lệ phí:

- **Đối tượng nộp:** Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính (trừ các đối tượng được miễn nộp lệ phí).

- **Đối tượng miễn nộp:**

+ Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

+ Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn, hộ nghèo.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

c. Mức thu lệ phí:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu		
		Cá nhân, hộ gia đình		Tổ chức
		Các phường thuộc quận, thị xã	Khu vực khác	
1. Cấp giấy chứng nhận mới	Đồng/ giấy			
- Trường hợp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)		25.000	10.000	100.000
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất		100.000	50.000	500.000
2. Cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	Đồng/ lần			
- Trường hợp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)		20.000	10.000	50.000
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất		50.000	25.000	50.000

3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Đồng/lần	28.000	14.000	30.000
4. Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/văn bản	15.000	7.000	30.000

d. Đơn vị thu lệ phí:

- Sở Tài nguyên và Môi trường.
- UBND các quận, huyện, thị xã.

e. Quản lý sử dụng tiền lệ phí thu được:

Đơn vị thu nộp 100% số lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước; các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

III. Các khoản phí, lệ phí đề xuất không thay đổi mức thu, chỉ thay đổi tên, nội dung thu, đơn vị thu, quản lý sử dụng: 8 khoản.

1. Phí thư viện (Quy định tại Điểm 4, Mục VII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu nhằm bù đắp các chi phí cần thiết cho hoạt động của thư viện khi cung cấp các dịch vụ phục vụ bạn đọc vốn tài liệu của thư viện.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2004 (theo Quyết định số 38/2004/QĐ-UBND ngày 15/03/2004).

Kết quả thu phí các năm: Năm 2014: 204 trđ; năm 2015: 216 trđ.

Đề xuất giữ nguyên mức thu để khuyến khích người đọc đến với thư viện vì hiện nay đối tượng đến thư viện ít, chủ yếu là học sinh, sinh viên, người làm khoa học cần tra cứu tài liệu; chỉ bổ sung đối tượng miễn, giảm theo quy định của Luật phí và lệ phí và điều chỉnh nội dung thu cho phù hợp.

Căn cứ Đề án do Sở Văn hóa thể thao xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

a. Đối tượng nộp:

Các cá nhân làm thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu của Thư viện trực thuộc thành phố; các quận, huyện và thị xã.

b. Đối tượng miễn, giảm phí: Tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND đã quy định miễn, giảm phí thư viện đối với một số đối tượng như sau:

- Đối tượng miễn phí: Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật

- Đối tượng giảm 50% phí:

+ Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Tại Khoản 1 Điều 10 của Luật phí và lệ phí có quy định một số trường hợp được miễn giảm phí, lệ phí, trong đó có trẻ em, Người cao tuổi.

Do đó UBND Thành phố đề xuất bổ sung đối tượng được giảm 50% phí là trẻ em dưới 15 tuổi và người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên có thẻ người cao tuổi (đồng thời bỏ mức thu cụ thể đối với trẻ em tại biểu mức thu phí).

Trường hợp người thuộc 2 hoặc 3 trường hợp nêu trên thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

c. Cơ quan thu phí:

- Thư viện thành phố.
- Các thư viện quận, huyện, thị xã.

d. Mức thu:

TT	Nội dung	ĐVT	Thư viện Thành phố	Các thư viện quận, huyện và thị xã
1	Phí thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu.			
		đ/thẻ/năm	20.000	10.000
		đ/thẻ/quý	8.000	4.000
2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện			
		đ/thẻ/năm	40.000	20.000
		đ/thẻ/quý	15.000	8.000

e. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

Số phí thư viện thu được hàng năm không nhiều. Kết quả thực hiện các năm của đơn vị có số thu lớn nhất là thư viện thành phố như sau:

STT	NỘI DUNG	NĂM 2014	NĂM 2015	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016	DỰ KIẾN 2017	GHI CHÚ
1	Số đã thu	204.040.000	215.980.000	110.820.000	160.000.000	Dự kiến số thu năm 2017 giảm do bổ sung đối tượng miễn, giảm phí
2	Số nộp ngân sách nhà nước 10%	20.404.000	21.598.000	11.082.000	16.000.000	
3	Số được để lại cho cơ quan thu	183.636.000	194.382.000	99.738.000	144.000.000	
4	Số đã chi từ số được để lại (theo danh mục của TT 45)	183.636.000	194.382.000	99.738.000	144.000.000	

Qua kiểm tra quyết toán của đơn vị, số tiền phí để lại cho đơn vị được sử dụng đúng chế độ, chính sách, quy định cũ vẫn còn phù hợp.

- Căn cứ kết quả đã thực hiện các năm trước và dự kiến thu chi năm 2017 của Thư viện Thành phố, UBND Thành phố đề xuất quy định quản lý sử dụng áp dụng chung cho các thư viện như sau:

$$\frac{\text{Phần để lại cho đơn vị thu}}{\text{Dự kiến chi 2017}} = \frac{\text{Dự kiến thu 2017}}{\text{Dự kiến thu 2017}} = \frac{144 \text{ trđ}}{160 \text{ trđ}} \times 100\% = 90\%$$

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10% ; được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

2. Phí đăng ký giao dịch đảm bảo (Quy định tại Điểm 8, Mục XII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu đối với người yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ đăng ký giao dịch bảo đảm.

Đã có quy định thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo từ năm 2007. Mức thu lệ phí hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2011 (theo Quyết định số 41/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011).

Kết quả thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo (theo quy định cũ): Năm 2014: 6.932 trđ, năm 2015: 5.060 trđ.

2.1. Sự cần thiết phải thay đổi tên phí, quy định về quản lý sử dụng:

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã trình HĐND ban hành quy định thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo. Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản lệ phí này được đổi thành phí đăng ký giao dịch đảm bảo. Như vậy, bản chất khoản thu này đã có sự thay đổi: Từ khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước (lệ phí) trở thành khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí khi được cung cấp dịch vụ công (phí). Do đó cần phải thay đổi tên phí, quy định về quản lý sử dụng cho phù hợp. Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

2.2. Nội dung đề xuất: UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu, đối tượng thu, không thu... lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Điểm 4, Mục I, Phần B Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/1987 của HĐND Thành phố, chỉ điều chỉnh quy định về quản lý sử dụng cho phù hợp, cụ thể:

a. Đối tượng thu phí:

Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch đảm bảo, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án phải nộp phí đăng ký giao dịch đảm bảo.

* Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên.

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

b. Mức thu phí:

- Đối tượng nộp phí chủ yếu là người dân, doanh nghiệp có tài sản thế chấp, cầm cố cho các tổ chức tín dụng để vay vốn cho nên nhóm đối tượng này đã phải chịu chi phí lãi suất tương đối cao. Do đó UBND Thành phố đề xuất mức phí tương đương với mức thu lệ phí đang thực hiện để ổn định, góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân, doanh nghiệp tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất cụ thể:

(Đơn vị: đồng/hồ sơ)

TT	Nội dung thu	Mức thu
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	40.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	10.000

c. Cơ quan thu phí:

Văn phòng đăng ký đất đai.

Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký giao dịch đảm bảo khác.

d. quản lý sử dụng:

Trước đây, đối với lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo, cơ quan thu lệ phí phải nộp 100% số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu lệ phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

Hiện nay được chuyển thành phí đăng ký giao dịch đảm bảo, với cơ quan thu là đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan hành chính nhà nước. Do đó cần thiết quy định quản lý sử dụng cho phù hợp:

- Đối với đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước: cơ quan thu phí nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chi phí cho việc thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

- Đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập:

Tỷ lệ trích để lại cho cơ quan thu phí được xác định căn cứ dự toán năm 2015 ngân sách cấp cho hoạt động thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo (năm 2015) và dự toán số phí thu được 1 năm.

+ Dự toán năm 2016 ngân sách cấp cho hoạt động thu lệ phí trước đây: 400 triệu cho việc thu 02 khoản lệ phí gồm: Lệ phí địa chính, lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo. Năm 2015, số thu phí đăng ký giao dịch đảm bảo chiếm tỷ trọng 32% tổng số thu lệ phí của đơn vị (8.013 trđ). Sở Tài chính tính tỷ trọng kinh phí cho công tác thu lệ phí đăng ký giao dịch đảm bảo năm 2016 là 129 trđ. Dự kiến năm 2017 đơn vị cũng cần số kinh phí tương đương để thực hiện việc thu phí.

+ Dự toán số phí thu được trong 1 năm: 3.000trđ

+ Đề xuất tỷ lệ để lại: $129 \text{ trđ} / 3.000 \text{ trđ} \times 100\% = 4,3\%$ (làm tròn 5%)

Đơn vị thu phí nộp 95% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, được để lại 5% để phục vụ cho công tác thu.

2. Phí cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo (Quy định tại Điểm 2, Mục XII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu đối với người có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

- Đã có quy định thu từ năm 2007. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2011 (theo Quyết định số 41/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011).

Kết quả thu phí cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo: Năm 2014: 3,1 triệu đồng (105 trường hợp), năm 2015: 7,3 trđ(243 trường hợp). Các đối tượng có nhu cầu cung cấp thông tin về giao dịch đảm bảo rất ít, quy định thu đang thực hiện vẫn còn phù hợp trên địa bàn. Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu phí, chỉ thay đổi quy định về quản lý sử dụng cho phù hợp, cụ thể như sau:

a. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu: Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất; bằng tàu bay; bằng tàu biển; bằng động sản, trừ tàu bay, tàu biển; hợp đồng, tài sản kê biên; Cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất; bằng tàu bay; bằng tàu biển; bằng động sản, trừ tàu bay, tàu biển, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án thì phải nộp phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

b. Đối tượng miễn, không thu phí: (Kế thừa các quy định đang thực hiện)

Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên trong Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

c. Mức thu phí

Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): 30.000 đ/trường hợp.

d. Đơn vị thu phí:

Văn phòng đăng ký đất đai.

Các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về đăng ký giao dịch đảm bảo khác.

e. Quản lý sử dụng tiền phí thu được:

Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp 50% vào Ngân sách Nhà nước, được trích 50% số phí thu được để phục vụ cho công tác thu phí.

Do khoản phí này có cả cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thu. Mặc dù số phí thu được 1 năm rất ít, tuy nhiên, để đảm bảo chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND Thành phố đề xuất quy định về quản lý sử dụng như sau:

Đối với đơn vị thu phí là cơ quan quản lý nhà nước: Nộp 100% vào Ngân sách nhà nước.

Đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 50% ; được để lại 50% trên tổng số phí thu được để phục vụ cho công tác thu.

4. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Quy định tại Điểm 3, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu đối với các đối tượng đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định, nhằm bù đắp chi phí thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất như: điều kiện về hiện trạng sử dụng đất, điều kiện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều kiện về sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Trước đây có tên Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, nay đổi tên thành phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí.

Kết quả thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (theo quy định cũ) các năm: Năm 2014: 34.604 trđ; năm 2015: 87.378 trđ.

Để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội, đồng thời khuyến khích người dân đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, góp phần cải thiện thị trường bất động sản, tạo đà tăng trưởng kinh tế thủ đô, cải thiện chỉ số cạnh tranh, đầu tư

của Thành phố trong lĩnh vực đất đai; cân đối giữa khả năng đóng góp của các tổ chức cá nhân sử dụng đất và nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu phí, chỉ thay đổi đơn vị thu phí và quản lý sử dụng để phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể:

a. Đối tượng nộp, không phải nộp phí:

- Đối tượng nộp: Các đối tượng đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Đối tượng không phải nộp: Các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (nhà nước công nhận quyền sử dụng đất).

b. Mức thu phí:

Nội dung thu	Mức thu
1. Hồ sơ giao đất, cho thuê đất	1.000 đồng/m ² đất được giao, cho thuê; tối đa 7.500.000 đồng/hồ sơ
2. Hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	0,15% giá trị chuyển nhượng, tối đa 5.000.000 đồng/hồ sơ

Giá trị chuyển nhượng được căn cứ trên giá trị hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên, trong trường hợp giá trị hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn khung giá đất do UBND thành phố ban hành hàng năm thì giá trị chuyển nhượng phải được lấy theo khung giá đất do UBND thành phố ban hành.

c. Đơn vị thu phí: Trước đây đơn vị trực tiếp thực hiện thu phí bao gồm:

Văn phòng Sở (cơ quan nhà nước), Văn phòng đăng ký đất đai (là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở Tài nguyên và Môi trường); UBND các Quận, Huyện và Thị xã. Theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố đã đề xuất quy định chung đơn vị thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các Quận, Huyện, Thị xã.

Nay UBND Thành phố đề nghị quy định rõ đơn vị thu phí đúng với thực tế, cụ thể:

1. Chi cục Quản lý đất đai.
2. Văn phòng đăng ký đất đai.
3. UBND các Quận, Huyện và Thị xã.

d. Quản lý sử dụng tiền phí thu được:

- Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 80% ; được để lại 20% trên tổng số phí thu được (không phân biệt cơ quan thu phí).

- Đề xuất mới:

+ Đối với đơn vị thu phí là cơ quan quản lý nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

+ Đối với đơn vị thu phí đơn vị sự nghiệp công lập: Qua kiểm tra quyết toán của đơn vị, số tiền phí để lại cho đơn vị được sử dụng đúng chế độ, chính sách, quy định cũ vẫn còn phù hợp, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định về quản lý sử dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 80% ; được để lại 20% trên tổng số phí thu được để phục vụ công tác thu.

5. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (Quy định tại Tiết 1.4, Điểm 1, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết. (Thực chất đây là 2 hoạt động thẩm định khác nhau, nhưng được quy định trong cùng 1 khoản phí do có cùng tính chất và trình tự thẩm định).

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã có quy định thu từ năm 2007. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 86/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Kết quả thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các năm: Năm 2014: 995 trđ, năm 2015: 1.576 trđ.

5.1. Sự cần thiết phải bổ sung đối tượng nộp phí:

- Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Căn cứ pháp lệnh phí và lệ phí, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Mức thu phí được ban hành và áp dụng từ năm 2007. Tại kỳ họp cuối năm 2014, căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố điều chỉnh mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đối với phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ (Kết quả năm 2015: Thẩm định 35 đề án, 9 tháng đầu năm 2016: thẩm định 65 đề án) và không thu phí thẩm định (do chưa có tên trong danh mục phí, lệ phí).

Tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí đã bổ sung phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gộp với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thành: Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Do đó cần trình HĐND Thành phố bổ sung đối tượng nộp phí để phù hợp.

5.2. Đối tượng phải lập và thẩm định báo cáo, đề án

- Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

Tại điểm a, Khoản 2, Điều 22, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định:

“Đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào vận hành chính thức nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì trong thời hạn tối đa là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (01/4/2015) phải thực hiện một trong hai biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm sau đây:

Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với các cơ sở có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Nghị định này gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này để tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

... ”

5.3. Mức thu phí đề xuất:

- Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Căn cứ các chi phí cho hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng (bao gồm các chi phí cho hội đồng thẩm định, chi phí điện, nước, văn phòng phẩm..., chi phí kiểm tra thực địa...), tại kỳ họp cuối năm 2014, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành mức thu phí thẩm định đánh giá tác động môi trường áp dụng từ 01/01/2015, qua gần 2 năm thực hiện mức thu phí đến nay vẫn còn phù hợp. Để đảm bảo tính ổn định, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu đối với việc thẩm định đánh giá tác động môi trường.

- Đối với phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

Quy trình, các chi phí cho việc thẩm định, trình tự, nội dung thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT, theo đó, quy trình và các chi phí cho việc thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết tương tự việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó UBND Thành phố đề xuất quy định mức thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết tương tự phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo nhóm dự án và tổng mức đầu tư của dự án.

5.4. Đề xuất cụ thể:

a. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b. Mức thu phí:

Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (có tham khảo và đảm bảo tương quan với mức thu do Bộ Tài chính đề xuất):

DVT mức thu (triệu đồng/hồ sơ)

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ đồng	Mức thu đối với DA do BTC thẩm định
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	5,2	5,4	6	6,8	6,0-61
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	6,5	6,7	7,5	8,5	8,0-84
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	7,3	7,5	8,5	9,5	8,6-86
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	7,5	7,7	8,6	9,8	8,8-88
Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	7,8	8,0	9,0	10	9,2-92
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	8,0	8,4	9,5	11	9,6-96
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	5,2	5,4	6	6,8	6,0-61

Đối với từng Đề án cụ thể, tùy theo tính chất và yêu cầu thẩm định, cần lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu khác nhau. Do đó, mức thu phí đề xuất không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo tính chất và yêu cầu của từng hoạt động của cơ sở. Chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích do tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định chi trả theo thực tế phát sinh.

- Dự kiến 1 năm Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định 303 hồ sơ (trong đó thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 223 hồ sơ, phí thu được: 1.705 trđ; thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết: 80 hồ sơ, phí thu được: 575,5 trđ), tổng số phí thu được là 2.280,5trđ

c. Cơ quan thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường

d. Quản lý sử dụng:

- Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp 10 phần trăm (10%) vào ngân sách nhà nước và để lại 90 phần trăm (90%) trên số tiền phí thu được để chi cho việc thẩm định và tổ chức thu phí thẩm định.

- Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

6. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai (Quy định tại Tiết 7.2, điểm 7, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của người có nhu cầu.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Kết quả thu phí các năm: 2014: 694 trđ, năm 2015: 1.064 trđ

Mức thu phí vừa được điều chỉnh thay đổi từ tháng 8/2014, đến nay vẫn còn phù hợp tình hình thực tế trên địa bàn. Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố giữ nguyên mức thu phí đang thực hiện, chỉ điều chỉnh đơn vị thu phí và quy định về quản lý sử dụng cho phù hợp, cụ thể:

a. Đối tượng nộp và không phải nộp phí:

- Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

- Đối tượng không phải nộp phí: Các cơ quan quản lý nhà nước.

b. Mức thu phí:

Nội dung thu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ tài liệu)	Đơn vị tính	Mức thu
Sử dụng, khai thác hồ sơ, tài liệu đất đai	Đồng / hồ sơ/lần	
- Tổ chức		300.000
- Hộ gia đình, cá nhân		150.000

c. Cơ quan thu phí:

Trước đây đơn vị trực tiếp thực hiện thu phí bao gồm:

Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường (là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở Tài nguyên và Môi trường); UBND các Quận, Huyện và Thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn. Theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố đã đề xuất quy định chung đơn vị thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các Quận, Huyện, Thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn.

Nay UBND Thành phố đề nghị quy định rõ đơn vị thu phí đúng với thực tế, cụ thể:

- Chi cục Quản lý đất đai.
- Văn phòng đăng ký đất đai

- Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường.
- UBND các Quận, Huyện, Thị xã.
- UBND các xã, phường, thị trấn.

d. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

- Quy định đang thực hiện: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 80% ; được để lại 20% trên tổng số phí thu được để phục vụ công tác thu (không phân biệt cơ quan thu phí)

- Đề xuất mới:

+ Đối với đơn vị thu phí là cơ quan quản lý nhà nước: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

+ Đối với đơn vị thu phí đơn vị sự nghiệp công lập: Qua kiểm tra quyết toán của đơn vị, số tiền phí để lại cho đơn vị được sử dụng đúng chế độ, chính sách, quy định cũ vẫn còn phù hợp, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định về quản lý sử dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 80% ; được để lại 20% trên tổng số phí thu được để phục vụ công tác thu.

7. Lệ phí đăng ký cư trú (Quy định tại Điểm 2, Mục I, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu đối với người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

- Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Kết quả thu lệ phí các năm: Năm 2014: 2.221 trđ, năm 2015: 2.547 trđ.

Căn cứ Đề án do Công an Thành phố xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu lệ phí, chỉ bổ sung đối tượng miễn giảm phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 10 Luật phí và lệ phí, cụ thể:

a. Đối tượng nộp, đối tượng miễn, không thu lệ phí:

**** Đối tượng phải nộp lệ phí***

Người đăng ký, quản lý cư trú khi thực hiện đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú (trừ các trường hợp miễn, không thu lệ phí tại Khoản 2 Điều này).

**** Đối tượng miễn, không thu lệ phí:***

- Các đối tượng đang được miễn, không thu lệ phí theo các quy định hiện hành:

+ Không thu lệ phí đối với trường hợp:

Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Hộ gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc.

+ Miễn lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.

- Các đối tượng được miễn, không thu lệ phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí: trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật

- UBND Thành phố đề xuất kế thừa các quy định cũ và bổ sung thêm các đối tượng được miễn, không thu lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí (một số đối tượng trùng giữa quy định cũ và đề xuất mới được ghép vào cùng 1 mục cho phù hợp, ví dụ: *Thương binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng* được ghép chung vào mục *người có công với cách mạng*), cụ thể như sau:

+ Không thu lệ phí đối với trường hợp:

- *Các đối tượng kế thừa quy định cũ*

Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

Con dưới 18 tuổi của thương binh.

Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc.

- *Các đối tượng bổ sung theo Luật phí và lệ phí:*

Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên có thẻ người cao tuổi (theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi)

Người khuyết tật

Hộ nghèo.

Trẻ em dưới 15 tuổi

Người có công với cách mạng

+ Miễn lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn (*Kế thừa quy định cũ*)

b. Mức thu lệ phí:

Đơn vị tính: Đồng/lần

Nội dung thu	Mức thu	
	Các quận và các phường	Khu vực khác
1. Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	15.000	8.000
2. Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	20.000	10.000
3. Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ	10.000	5.000

hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.		
4. Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	8.000	4.000

c. Đơn vị thu lệ phí:

- Đăng ký thường trú: Công an quận, huyện và thị xã.
- Đăng ký tạm trú: Công an phường, xã, thị trấn.

d. Quản lý sử dụng tiền lệ phí thu được:

Đơn vị thu nộp 100% số lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước. Các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

8. Lệ phí hộ tịch (Quy định tại Điểm 4, Mục I, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 và Quyết định số 88/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

Kết quả thu lệ phí hộ tịch các năm: Năm 2014: 540 trđ, năm 2015: 608 trđ.

8.1. Sự cần thiết phải điều chỉnh nội dung thu

Mức thu lệ phí hộ tịch hiện nay được thực hiện từ năm 2009. Ngày 20/11/2014, Quốc hội ban hành Luật Hộ tịch, trong đó thay đổi thẩm quyền giải quyết các công việc quản lý hộ tịch và thay đổi các quy định về miễn lệ phí hộ tịch. Do đó cần phải thay đổi các nội dung thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Tư pháp xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu đang thực hiện, chỉ điều chỉnh thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật hộ tịch, bổ sung quy định thu đối với các trường hợp trước đây được miễn, nay không được miễn lệ phí, cụ thể như sau:

8.2. Đề xuất điều chỉnh:

a. Đối tượng nộp lệ phí:

Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về Hộ tịch theo quy định của pháp luật phải nộp lệ phí

b. Đối tượng miễn:

* Các đối tượng đang được miễn lệ phí hộ tịch:

- Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh, bao gồm đăng ký khai đúng hạn, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn.
- Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn, bao gồm đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn.

- Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử, bao gồm việc đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử.

- Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch.

* Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật hộ tịch thì các đối tượng được miễn lệ phí hộ tịch bao gồm:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Theo quy định này, một số công việc hộ tịch trước đây được miễn, nay phải nộp lệ phí gồm: đăng ký khai sinh quá hạn; đăng ký khai tử quá hạn, thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch.

- Riêng đối với đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn: Theo quy định của pháp luật về hộ tịch đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn là việc công dân đã đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại. Do vậy, việc đăng ký lại của công dân một phần là do việc lưu trữ Sổ sách hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch chưa được tốt, dẫn đến mất hoặc lưu lạc Sổ hộ tịch của công dân. Do đó UBND Thành phố đề xuất miễn lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn nhằm giúp cơ quan quản lý tốt hơn về dân cư.

* Do đó UBND Thành phố đề xuất quy định các đối tượng miễn thu lệ phí hộ tịch cụ thể như sau:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

- Đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn.

c. Mức thu lệ phí:

* Căn cứ đề xuất:

- Trên cơ sở số liệu thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố mặc dù mức thu lệ phí hộ tịch hiện nay còn thấp nhưng do đây là khoản thu không lớn do có nhiều đối tượng được miễn nộp lệ phí. Mặt khác, để tiếp tục khuyến khích người dân thực hiện việc đăng ký hộ tịch đúng hạn nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý hộ tịch, quản lý dân cư phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của Quốc gia và Thành phố, để đảm bảo ổn định, an sinh xã hội, UBND Thành phố đề xuất mức giữ nguyên mức thu lệ phí hộ tịch đang thực hiện hiện nay, chỉ điều chỉnh lại thẩm quyền thu theo quy định của Luật hộ tịch.

- Bổ sung mức thu một số công việc hộ tịch trước đây được miễn, nay không còn được miễn thu theo quy định của pháp luật, gồm: Đăng ký khai sinh quá hạn; Đăng ký khai tử quá hạn; Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch. Qua thực tế công tác quản lý đăng ký hộ tịch, chi phí để

giải quyết và thực hiện các trường hợp nêu trên (về biểu mẫu, Sổ hộ tịch, thời gian giải quyết...) đều bằng với việc thực hiện các việc đăng ký hộ tịch khác. Do vậy, UBND Thành phố đề xuất mức thu lệ phí của các nội dung thu này (Đăng ký khai sinh quá hạn; Đăng ký khai tử quá hạn; Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch) bằng với mức thu lệ phí hộ tịch các việc đăng ký hộ tịch khác

- Theo quy định trước đây, các công việc quản lý hộ tịch chủ yếu được thực hiện ở cấp thành phố (Sở tư pháp thực hiện đối với các công việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài), cấp quận huyện, cấp xã (UBND quận, huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn thực hiện đối với các công việc hộ tịch trong nước).

Luật hộ tịch năm 2014 điều chỉnh thẩm quyền giải quyết các công việc quản lý hộ tịch đối với các cấp. Theo đó, thẩm quyền cấp Thành phố (Sở Tư pháp) chỉ cấp bản sao trích lục hộ tịch, thẩm quyền giải quyết các công việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài của UBND cấp huyện, thẩm quyền giải quyết các công việc hộ tịch trong nước của UBND cấp xã.

Do đó, cần thiết phải điều chỉnh lại các quy định thu lệ phí hộ tịch cho phù hợp.

* Đề xuất cụ thể:

- Đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu cũ	Đề xuất mức thu mới	Ghi chú
1	Đăng ký khai sinh quá hạn;	đ/1 việc	Miễn	5.000	Đề xuất bằng mục 6
2	Đăng ký khai tử quá hạn;	đ/1 việc	Miễn	5.000	Đề xuất bằng mục 6
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đ/1 việc	10.000	10.000	
4	Xác nhận tình trạng hôn nhân	đ/1 việc	3.000	3.000	
5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đ/1 bản	2.000	2.000	
6	Các việc đăng ký hộ tịch khác	đ/1 việc	5.000	5.000	
7	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	đ/1 việc	Miễn	5.000	Đề xuất bằng mục 6

- Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp huyện: UBND cấp huyện giải quyết các công việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài, mức độ khó khăn và phức

tạp cao hơn các công việc hộ tịch trong nước, do đó cần quy định mức thu lệ phí cao hơn (Các mức thu này vẫn giữ nguyên so với quy định cũ về mức thu lệ phí giải quyết các công việc quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài).

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo Quyết định cũ (trước đây thuộc thẩm quyền của Thành phố)	Đề xuất mức thu mới	Ghi chú
1	Kết hôn	đ/1 việc	1.000.000	1.000.000	
2	Đăng ký Khai sinh quá hạn;	đ/1 việc	Miễn	50.000	Đề xuất bằng mục 10
3	Đăng ký Khai tử quá hạn;	đ/1 việc	Miễn	50.000	Đề xuất bằng mục 10
4	Đăng ký giám hộ	đ/1 việc	50.000	Miễn	Đề xuất miễn theo QĐ tại Luật hộ tịch
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, xác định lại dân tộc	đ/1 việc	25.000	25.000	
6	Nhận cha, mẹ, con	đ/1 việc	1.000.000	1.000.000	
7	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đ/1 bản sao	3.000	3.000	
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đ/1 việc	50.000	50.000	
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	đ/1 việc	10.000	10.000	
10	Các việc đăng ký hộ tịch khác	đ/1 việc	50.000	50.000	

- Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền Sở Tư pháp

Đơn vị tính: đồng

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu theo Quyết định cũ (trước đây thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Đề xuất
Cấp bản sao trích lục hộ tịch	đ/1 bản sao	3.000	3.000

d. Cơ quan thu phí:

- UBND cấp xã.
- UBND cấp huyện.
- Sở Tư pháp

e. Quản lý sử dụng:

Đơn vị thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào Ngân sách Nhà nước, chi phí cho công tác thu lệ phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

IV. Các khoản phí, lệ phí đề xuất điều chỉnh mức thu, nội dung thu, đối tượng miễn giảm, quản lý sử dụng: 7 khoản.

1. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Quy định tại Điểm 7, Mục I, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu mà người sử dụng lao động phải nộp khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động và cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

- Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 124/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Kết quả thu lệ phí các năm: Năm 2014: 3.820 trđ, năm 2015: 2.721 trđ.

Mức thu lệ phí đang áp dụng hiện nay đã phù hợp với khả năng đóng góp của người nộp lệ phí. Để khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện làm thủ tục cấp phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 khi tham gia trực tuyến. UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên mức thu lệ phí, riêng đối với trường hợp các doanh nghiệp thực hiện cấp lại giấy phép lao động theo dịch vụ công mức 3 (gửi hồ sơ qua mạng) đề nghị xem xét điều chỉnh giảm mức thu lệ phí 50.000 đ/1 giấy phép (từ 300.000đ xuống 250.000đ), đồng thời bãi bỏ nội dung gia hạn giấy phép để phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chỉ có cấp mới và cấp lại giấy phép lao động)

Căn cứ Đề án do Sở Lao động Thương binh Xã hội xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

a. Đối tượng nộp lệ phí:

Người sử dụng lao động khi làm thủ tục để cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Mức thu lệ phí:

- Cấp mới giấy phép lao động: 400.000 đồng/1 giấy phép.

- Cấp lại giấy phép lao động: 300.000 đồng/1 giấy phép.

Trường hợp người sử dụng lao động gửi hồ sơ cấp lại giấy phép lao động theo qua mạng (dịch vụ công mức 3): 250.000 đồng/1 giấy phép.

c. Đơn vị thu lệ phí:

Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

d. Quản lý sử dụng tiền lệ phí thu được:

Đơn vị thu nộp 100% số lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước; các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

2. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (Quy định tại Tiết 5.1, Điểm 5, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất và thu phí.

- Các khoản phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 110/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Kết quả thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi các năm: Năm 2014: 2.280 trđ, Năm 2015: 12.840 trđ.

2.1. Sự cần thiết phải thay đổi mức thu phí và tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí:

Trước đây theo quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thành phố Hà Nội đã ban hành quy định thu đối với 03 khoản phí, lệ phí gồm: lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất và phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất. Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, để cải cách thủ tục hành chính Quốc hội đã gộp 03 khoản phí, lệ phí này thành 01 khoản phí: phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Mức thu thực tế đã được ban hành và không thay đổi từ năm 2007 đến nay, trong khi mức lương cơ bản đã tăng khoảng 2,7 lần so với thời điểm năm 2007, các chi phí khác như điện, nước, xăng, nguyên vật liệu cũng tăng nhiều lần. Khoản phí này được thu đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tài nguyên nước, sẽ gây tác động xấu đến môi trường, đề bảo vệ nguồn tài nguyên nước, hạn chế khai thác sử dụng cũng như có kinh phí để khắc phục ảnh hưởng đến môi trường, cần tính đúng tính đủ chi phí cho việc thẩm định đề xây dựng mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Về nội dung các bước thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước: được quy định tại Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 201/2013-NĐ-CP, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT và Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội gồm: 10 bước ứng với 10 nội dung thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép tài nguyên nước.

Do đó việc điều chỉnh tên, mức thu, quản lý sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất là cần thiết.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

2.2. Nội dung đề xuất:

a. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất.

b. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- UBND Thành phố đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Mức phí thẩm định được xây dựng trên cơ sở các chi phí cho việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép của cơ quan cấp phép, phù hợp với khả năng thanh toán của người hưởng dịch vụ và chia sẻ quyền lợi khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các đối tượng sử dụng nước.

- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 3.000 m³/ngày đêm. Đối với các đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Trung Ương.

- Căn cứ tình hình thực tiễn thấy rằng, đối với các đề án, báo cáo thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan địa phương, cần phân chia thành các nhóm có quy mô lưu lượng để tính phí nhằm đảm bảo tính đúng tính đủ và hợp lý:

Nhóm 1: Đề án báo cáo có lưu lượng nước Dưới 200 m³/ngày đêm

Nhóm 2: Đề án báo cáo có lưu lượng nước Từ 200 –Dưới 1.500 m³/ngày đêm

Nhóm 3: Đề án báo cáo có lưu lượng nước Từ 1.500 –Dưới 3.000 m³/ngày đêm

- Các chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí của 01 hồ sơ (đối với từng nhóm đề án, báo cáo theo lưu lượng nước) cụ thể như sau:

Đvt: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Căn cứ	Ghi chú
1	Chi phí nhân công	1.011	2.041	2.131	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi hoàn thành việc thẩm định (theo hệ số lương của từng bộ phận)	Tính đúng, tính đủ chi phí để ngân sách không cấp bù đối với hoạt động thẩm định.
1.1	Tiền lương cho cán bộ, lãnh đạo giải quyết	830	1.590	1.590		
1.2	Tiền công, bảo hiểm nhân viên hợp đồng	181	451	541		
2	Nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	500	1.000	1.000	Thực tế	
3	Chi phí hội đồng	0	0	1.950		Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng lớn cần có hội đồng thẩm định để có căn cứ cấp phép
4	Kiểm tra thực địa	500	921	921	Thực tế	
5	Chi phí khác (sửa chữa trang thiết bị, chuyển phát	1.000	1.500	1.500	Thực tế	

	nhANH, cước điện thoại....)					
	TỔNG	3.011	5.463	7.502		
	LÀM TRÒN	3.000	5.500	7.500		

- Do đây là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, do đó cần đề xuất mức thu đảm bảo sự tương quan với mức thu Bộ Tài chính đề xuất (*Bộ Tài chính đề xuất mức thu thấp nhất về thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất có lưu lượng từ 3.000 đến dưới 10.000m³/ngày đêm: 7.600.000đ/hồ sơ; thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng từ 3.000 đến dưới 10.000m³/ngày đêm: 9.400.000đ/hồ sơ; thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 3.000 đến dưới 10.000m³/ngày đêm: 8.000.000đ/hồ sơ*)

- Đối với trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung: Mức độ công việc không phức tạp như thẩm định cấp mới, do đó UBND Thành phố đề xuất xác định mức thu bằng tỷ lệ % mức thu cấp mới (*có tham khảo đề xuất của Bộ Tài chính: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh: 50% so cấp mới; Trường hợp thẩm định cấp lại: 30% so cấp mới*).

* Đề xuất cụ thể:

Căn cứ thẩm quyền thẩm định đề án của UBND cấp tỉnh; căn cứ dự kiến chi phí cho công tác thẩm định và thu phí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh nội dung thu và mức thu phí như sau:

Đơn vị tính: Đồng /đề án, báo cáo

TT	Mức thu phí (quy định theo lưu lượng nước của 1 đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất)	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
1	Có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm	Do khoản phí này gộp từ 3 khoản phí, lệ phí trước đây, bên cạnh đó các nội dung đề xuất thay đổi nên không xác định được chính xác mức thu cũ (phí thẩm định có 8 nội dung thu với mức thu từ 200.000đ đến 3.000.000đ; lệ phí	3.000.000
2	Có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 1.500 m ³ /ngày đêm		5.500.000
3	Có lưu lượng nước từ 1.500 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm		7.500.000
	Đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 3.000 m ³ /ngày đêm trở lên thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương.		
II	Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh		50% so với cấp mới
III	Trường hợp thẩm định cấp lại		30% so với cấp mới

TT	Mức thu phí (quy định theo lưu lượng nước của 1 đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất)	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
		100.000đ/lần cấp mới, 50.000đ/lần gia hạn, điều chỉnh)	

- Đánh giá khả năng tác động của việc tăng mức thu phí:

+ Mức thu phí đang thực hiện chưa đủ bù đắp chi phí cho công tác thăm định. Việc xác định mức thu mới dựa trên nguyên tắc tập hợp đầy đủ chi phí phục vụ hoạt động thăm định, lương và các chi phí chung khác liên quan đến công tác thu phí, lệ phí của đơn vị thu là căn cứ để các tổ chức, cá nhân nhận thấy mức thu phí do cơ quan nhà nước đề ra đã phù hợp.

+ Tác động đến tổ chức, cá nhân: Khi nộp phí đầy đủ thì các tổ chức, cá nhân được hưởng quyền lợi từ dịch vụ có nhu cầu và đã thực hiện đúng nghĩa vụ mà Nhà nước quy định.

+ Tác động đến Ngân sách: là nguồn thu chủ yếu để bù đắp chi phí và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

c. Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

d. Quản lý sử dụng:

Trước đây, quy định về quản lý sử dụng phí như sau: Với phí thăm định: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10% ; được để lại 90% trên tổng số phí thu được. Với lệ phí: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% số lệ phí thu được vào NSNN.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thăm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

3. Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (Quy định tại Tiết 5.3, Điểm 5, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thăm định đề án thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt và thu phí

3.1. Sự cần thiết phải thay đổi mức thu phí và tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí:

Trước đây theo quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thành phố Hà Nội đã ban hành quy định thu đối với 02 khoản phí, lệ phí gồm: lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt. Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, để cải cách thủ tục hành chính Quốc hội đã gộp 02 khoản phí, lệ phí này thành 01 khoản phí: phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước dưới mặt.

Mức thu thực tế đã được ban hành và không thay đổi từ năm 2007 đến nay, trong khi mức lương cơ bản đã tăng khoảng 2,7 lần so với thời điểm năm 2007.

Khoản phí này được thu đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tài nguyên nước, sẽ gây tác động xấu đến môi trường, đề bảo vệ nguồn tài nguyên nước, hạn chế khai thác sử dụng cũng như có kinh phí để khắc phục ảnh hưởng đến môi trường, cần tính đúng tính đủ chi phí cho việc thẩm định để xây dựng mức thu phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt.

Về nội dung các bước thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước: được quy định tại Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 201/2013-NĐ-CP, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT và Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội gồm: 10 bước ứng với 10 nội dung thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép tài nguyên nước.

Do đó việc điều chỉnh tên, mức thu, quản lý sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước dưới mặt là cần thiết.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

3.2. Nội dung đề xuất:

a. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt.

b. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- UBND Thành phố đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Mức phí thẩm định được xây dựng trên cơ sở các chi phí cho việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép của cơ quan cấp phép, phù hợp với khả năng thanh toán của người hưởng dịch vụ và chia sẻ quyền lợi khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các đối tượng sử dụng nước.

- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố mức thu phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1m³ đến dưới 2m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 50.000 m³/ngày đêm.

+ Đối với các đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 2m³/giờ trở lên; hoặc để phát điện với công suất từ 2.000kw trở lên; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương.

+ Đối với đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 0,1m³; để phát điện với công suất lắp máy dưới 50kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³ không phải thẩm định và nộp phí.

- Căn cứ tình hình thực tiễn thấy rằng, đối với các đề án, báo cáo thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan địa phương, cần phân chia thành các quy mô lưu lượng để tính phí nhằm đảm bảo tính đúng tính đủ và hợp lý.

- Các chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí đối với từng nhóm đề án, (theo lưu lượng nước) cụ thể như sau:

+ Nhóm 1: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1m³ đến dưới 0,5m³/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 3.000m³/ngày đêm

+ Nhóm 2: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới 1m³/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³ dưới 20.000m³/ngày đêm

+ Nhóm 3: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m³ đến dưới 2m³/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m³ dưới 50.000m³/ngày đêm.

Dvt: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Căn cứ	Ghi chú
1	Chi phí nhân công	1.424	2.493	2.328	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi hoàn thành việc thẩm định (theo hệ số lương của từng bộ phận)	Tính đúng, tính đủ chi phí để ngân sách không cấp bù đối với hoạt động thẩm định.
1.1	Tiền lương cho cán bộ, lãnh đạo giải quyết	1.153	2.042	1.787		
1.2	Tiền công, bảo hiểm nhân viên hợp đồng	271	451	541		
2	Nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	500	1.000	1.000	Thực tế	
3	Chi phí hội đồng	0	0	2.560		Đối với đề án có lưu lượng lớn cần có hội đồng thẩm

						định đề có căn cứ cấp phép
4	Kiểm tra thực địa	500	921	1.080	Thực tế	
5	Chi phí khác (sửa chữa trang thiết bị, chuyển phát nhANH, cước điện thoại....)	1.000	1.500	1.500	Thực tế	
	Tổng	3.424	5.914	8.468		
	Làm tròn	3.500	6.000	8.500		

- Do đây là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, do đó cần đề xuất mức thu đảm bảo sự tương quan với mức thu Bộ Tài chính đề xuất (*Bộ Tài chính đề xuất mức thu (thấp nhất) đối với các đề án khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 2 đến dưới 10m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 2.000 đến dưới 10.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 đến dưới 100.000m³/ngày đêm: 12.800.000đ/hồ sơ*).

- Đối với trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung: Mức độ công việc không phức tạp như thẩm định cấp mới, do đó UBND Thành phố đề xuất xác định mức thu bằng tỷ lệ % mức thu cấp mới (*có tham khảo đề xuất của Bộ Tài chính: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh: 50% so cấp mới; Trường hợp thẩm định cấp lại: 30% so cấp mới*).

* Đề xuất cụ thể:

Căn cứ thẩm quyền thẩm định đề án của UBND cấp tỉnh; căn cứ dự kiến chi phí cho công tác thẩm định và thu phí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh nội dung thu và mức thu phí như sau:

Đơn vị tính: Đồng /đề án

TT	Nội dung thu (quy định theo lưu lượng nước của 1 đề án khai thác, sử dụng nước mặt và hình thức khai thác, sử dụng)	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
I	Trường hợp cấp mới	Ngoài phí thẩm định, còn thu 100.000đ/lần cấp phép	
1	Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1m ³ đến dưới 0,5m ³ /giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m ³ dưới	900.000	3.500.000

TT	Nội dung thu (quy định theo lưu lượng nước của 1 đề án khai thác, sử dụng nước mặt và hình thức khai thác, sử dụng)	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
I	Trường hợp cấp mới	Ngoài phí thẩm định, còn thu 100.000đ/lần cấp phép	
	3.000m ³ /ngày đêm		
2	Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m ³ đến dưới 1m ³ /giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m ³ dưới 20.000m ³ /ngày đêm	2.200.000	6.000.000
3	Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m ³ đến dưới 2m ³ /giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m ³ dưới 50.000m ³ /ngày đêm	4.200.000	8.500.000
	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 2m ³ /giây trở lên; hoặc để phát điện với công suất từ 2.000kw trở lên; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m ³ /ngày đêm trở lên thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương		
II	Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh	50% so với cấp mới	50% so với cấp mới
III	Trường hợp thẩm định cấp lại	(ngoài ra còn thu 50.000đ lệ phí cấp giấy phép)	30% so với cấp mới

- Đánh giá tác động của việc tăng mức thu phí: Tương tự phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Dự kiến 1 năm Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định 37 đề án, với số phí thu được là 202 trđ

c. Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

d. Quản lý sử dụng:

Trước đây, quy định về quản lý sử dụng phí như sau: Đối với phí: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10%; được để lại 90% trên tổng số phí thu được; Đối với lệ phí: Đơn vị thu phí nộp 100% vào Ngân sách nhà nước.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước. Chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

4. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (Quy định tại Tiết 5.4, Điểm 5, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi và thu phí.

4.1. Sự cần thiết phải thay đổi mức thu phí và tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí:

Trước đây theo quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thành phố Hà Nội đã ban hành quy định thu đối với 02 khoản phí, lệ phí gồm: lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi và phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, để cải cách thủ tục hành chính Quốc hội đã gộp 02 khoản phí, lệ phí này thành 01 khoản phí: phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã thay đổi thẩm quyền thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi của cơ quan trung ương và cơ quan địa phương.

Mức thu thực tế đã được ban hành và không thay đổi từ năm 2007 đến nay, trong khi mức lương cơ bản đã tăng khoảng 2,7 lần so với thời điểm năm 2007. Đối tượng phải nộp phí là các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi, gây ảnh hưởng rất xấu đến môi trường, do đó cần đề xuất mức thu phí tính đúng, tính đủ các chi phí cần thiết cho công việc thẩm định và thu phí, góp phần tăng thu ngân sách.

Về nội dung các bước thẩm định Đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi được quy định tại Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 201/2013-NĐ-CP, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT và Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội gồm: 10 bước ứng với 10 nội dung thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép tài nguyên nước.

Do đó việc điều chỉnh tên, mức thu, quản lý sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi là cần thiết.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

4.2. Nội dung đề xuất:

a. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

b. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- UBND Thành phố đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Mức phí thẩm định được xây dựng trên cơ sở các chi phí cho việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép của cơ quan cấp phép, phù hợp với khả năng thanh toán của người nộp.

- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố mức thu phí thẩm định các đề án xả nước thải với lưu lượng từ 10.000 đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác.

+ Đối với các đề án xả nước thải với lưu lượng từ 30.000m³/ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; từ 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương.

+ Đối với đề án xả nước thải với lưu lượng dưới 10.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản không phải thẩm định và nộp phí.

- Căn cứ quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước, tính chất nước thải và tình hình thực tiễn, cần phân loại để quy định mức thu cho phù hợp.

- Các chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí đối với từng nhóm đề án, cụ thể như sau:

+ Nhóm 1: Thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi có lưu lượng nước xả dưới 1.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác.

+ Nhóm 2: Thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi có lưu lượng nước xả từ 1.000m³/ ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác; có lưu lượng nước xả dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với các trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Làng nghề.

+ Nhóm 3: Thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi với lưu lượng từ 10.000 đến dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Dvt: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Căn cứ	Ghi chú
1	Chi phí nhân công	1.708	1.708	2.303	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi	Tính đúng, tính đủ chi phí để ngân sách không cấp bù đối với hoạt động
1.1	Tiền lương cho cán bộ, lãnh đạo giải quyết	1.347	1.347	1.761		
1.2	Tiền công, bảo hiểm nhân	361	361	542		

	viên hợp đồng				hoàn thành việc thẩm định (theo hệ số lương của từng bộ phận)	thẩm định.
2	Nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	1.000	1.000	1.500	Thực tế	
3	Chi phí hội đồng	0	1.950	2.640		Đối với đề án có lưu lượng lớn cần có hội đồng thẩm định để có căn cứ cấp phép
4	Kiểm tra thực địa	762	762	1.080	Thực tế	
5	Chi phí khác (sửa chữa trang thiết bị, chuyển phát nhanh, cước điện thoại....)	1.500	1.500	1.500	Thực tế	
	Tổng	4.970	6.920	9.023		
	Làm tròn	5.000	7.000	9.000		

- Do đây là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, do đó cần đề xuất mức thu đảm bảo sự tương quan với mức thu Bộ Tài chính đề xuất (*Bộ Tài chính đề xuất mức thu (thấp nhất) đối với các đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi: 16.800.000 đ/hồ sơ*)

- Đối với trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung: Mức độ công việc không phức tạp như thẩm định cấp mới, do đó UBND Thành phố đề xuất xác định mức thu bằng tỷ lệ % mức thu cấp mới (*có tham khảo đề xuất của Bộ Tài chính*).

* Đề xuất cụ thể:

Căn cứ thẩm quyền thẩm định đề án của UBND cấp tỉnh; căn cứ dự kiến chi phí cho công tác thẩm định và thu phí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh nội dung thu và mức thu phí như sau:

TT	Nội dung thu	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
----	--------------	------------	-----------------

TT	Nội dung thu	Mức thu cũ	Mức thu đề xuất
I	Trường hợp thẩm định hồ sơ cấp mới (Đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi)	Do khoản phí này gộp từ 2 khoản phí, lệ phí trước đây, bên cạnh đó thẩm quyền thay đổi nên không xác định được chính xác mức thu cũ (phí thẩm định quy định 4 nội dung thu với mức thu từ 300.000đ đến	
1	Đề án xả nước thải với lưu lượng từ 10.000 đến dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	phí, lệ phí trước đây,	9.000.000
2	Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả từ 1.000m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác; Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Làng nghề.	bên cạnh đó thẩm quyền thay đổi nên không xác định được chính xác mức thu cũ (phí thẩm định quy định 4 nội dung thu với mức thu từ 300.000đ đến	7.000.000
3	Đề án xả nước thải có lưu lượng nước xả dưới 1.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	đến	5.000.000
4	Đối với đề án xả nước thải với lưu lượng từ 30.000m ³ /ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; từ 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan trung ương	định quy định 4 nội dung thu với mức thu từ 300.000đ đến	
II	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	4.200.000đ/1 lần thẩm định; lệ phí	50% so với cấp mới
III	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi	100.000đ/lần cấp mới, 50.000đ/lần gia hạn, điều chỉnh)	30% so với cấp mới

- Đánh giá tác động của việc tăng mức thu phí: Tương tự phí thẩm định đề án, báo cáo thẩm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Dự kiến 1 năm Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định 62 đề án, với số phí thu được là 408 trđ

c. Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước.

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội thu phí đối với trường hợp thẩm định đề án xả nước thải vào công trình thủy lợi.

d. Quản lý sử dụng:

Trước đây, quy định về quản lý sử dụng như sau: Đối với phí: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10% ; được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đối với lệ phí: Đơn vị thu lệ phí nộp 100% số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định và thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

5. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (Quy định tại Tiết 5.2, Điểm 5, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

- Đã có quy định thu từ năm 2006. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2007 (theo Quyết định số 108/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007).

Kết quả thu phí các năm: Năm 2015: 90 trđ.

5.1. Sự cần thiết phải thay đổi mức thu phí và tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí:

Mức thu thực tế đã được ban hành và không thay đổi từ năm 2007 đến nay, trong khi mức lương cơ bản đã tăng khoảng 2,7 lần so với thời điểm năm 2007. Khoản phí này được thu đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tài nguyên nước, sẽ gây tác động xấu đến môi trường. Hiện nay chủ trương của Nhà nước hạn chế khai thác nước ngầm, và các khu vực được phép khai thác nước ngầm ngày càng thu hẹp hơn, do đó cần tính đúng tính đủ chi phí cho việc thẩm định để xây dựng mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

Về nội dung các bước thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 201/2013-NĐ-CP, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT và Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội gồm: 10 bước ứng với 10 nội dung thẩm tra, thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

Do đó cần thiết phải điều chỉnh mức thu, quản lý sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất..

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

5.2. Đề xuất cụ thể:

a. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân khi thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

b. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- UBND Thành phố đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (*có làm tròn*), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Mức phí thẩm định được xây dựng trên cơ sở các chi phí cho việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép của cơ quan cấp phép, phù hợp với khả năng thanh toán của người nộp.

- UBND Thành phố trình HĐND Thành phố mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.

Đối với hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan Trung ương.

Đvt: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Chi phí	Căn cứ	Ghi chú
1	Chi phí nhân công	814	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi hoàn thành việc thẩm định (theo hệ số lương của từng bộ phận)	Tính đúng, tính đủ chi phí để ngân sách không cấp bù đối với hoạt động thẩm định.
1.1	Tiền lương cho cán bộ, lãnh đạo giải quyết	634		
1.2	Tiền công, bảo hiểm nhân viên hợp đồng	180		
2	Nguyên vật liệu, văn phòng phẩm	200	Thực tế	
3	Kiểm tra thực địa	500	Thực tế	
4	Chi phí khác (sửa chữa trang thiết bị, chuyển phát nhanh, cước điện thoại....)	500	Thực tế	
	Tổng	2.014		
	Làm tròn	2.000		

- Do đây là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, do đó cần đề xuất mức thu đảm bảo sự tương quan với mức thu Bộ Tài chính đề xuất (*Bộ Tài chính đề xuất mức thu thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: 3.000.000 đ/hồ sơ*)

- Đối với trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh, bổ sung: Mức độ công việc không phức tạp như thẩm định cấp mới, do đó UBND Thành phố đề xuất xác định mức thu thấp hơn so với mức cấp mới (*có tham khảo đề xuất của Bộ Tài chính: Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh: 50% so cấp mới; Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại: 30% so cấp mới*).

* Đề xuất cụ thể:

Căn cứ thẩm quyền thẩm định đề án của UBND cấp tỉnh; căn cứ dự kiến chi phí cho công tác thẩm định và thu phí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh nội dung thu và mức thu phí như sau:

Đvt: đồng/hồ sơ

TT	Nội dung thu	Mức phí cũ	Mức phí đề xuất mới
1	Thẩm định hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	700.000	2.000.000
2	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	350.000	1.000.000
3	Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Không quy định	600.000

- Dự kiến 1 năm Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định 12 hồ sơ, với số phí thu được là 24 trđ.

c. Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

d. Quản lý sử dụng:

Trước đây, quy định về quản lý sử dụng phí như sau: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách Nhà nước 10% ; được để lại 90% trên tổng số phí thu được.

Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

6. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (Quy định tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục V, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu vào các đối tượng được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Trước đây tên gọi là phí sử dụng lòng, hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước nay chuyển tên thành phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định của Luật phí và lệ phí. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, mức thu đã được ban hành và áp dụng từ năm 2013 (theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009, Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010 về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội).

- Số phí thu được năm 2015: 19.566 trđ.

6.1. Hiện trạng việc sử dụng lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong những năm gần đây, trên địa bàn thành phố Hà Nội có tốc độ tăng trưởng phương tiện ô tô, xe gắn máy cao. Bình quân mức độ tăng trưởng phương tiện các loại là 16,03% năm (xe ô tô tăng 11,66% /năm, xe gắn máy 10,59%/năm).

Đặc điểm về phương tiện hoạt động trên địa bàn thành phố là chủ yếu tập trung tại các quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Cầu Giấy) với số phương tiện ô tô con, xe máy đến tháng 9/2016 được xác định chiếm đến 50-55% số lượng phương tiện trên toàn địa bàn thành phố chưa kể đến trên 19.265 xe taxi và trên 1.400 xe buýt và khoảng trên 15% phương tiện của các tỉnh đến làm việc, giao dịch đã tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng của khu vực trung tâm thành phố và thường xuyên gây ùn tắc giao thông đặc biệt là vào giờ cao điểm.

Việc tập trung lượng lớn phương tiện cá nhân ở khu vực trung tâm thành phố tác động trực tiếp đến việc giải quyết nhu cầu đỗ xe và bố trí các điểm đỗ xe, bến, bãi đỗ xe. Trong khi khả năng đáp ứng của hệ thống giao thông tĩnh còn hạn chế, do đó để đáp ứng nhu cầu trông giữ phương tiện cần sử dụng hè, lề đường, bến bãi làm nơi trông giữ xe trên địa bàn Thành phố (trừ các tuyến phố cấm tổ chức trông giữ phương tiện xe đạp, xe mô tô, ô tô trên vỉa hè, lòng đường theo văn bản số 796/UBND-GT ngày 06/02/2012 và văn bản số 2785/UBND-QHXGT ngày 19/4/2012 của UBND Thành phố Hà Nội).

Tính đến tháng 9/2016, trên địa bàn Thành phố Hà Nội do Sở Giao thông vận tải và UBND các quận cấp phép là 4.247 vị trí (Sở cấp 243 vị trí, UBND các quận cấp 4.004 vị trí) với diện tích 133.424 m², diện tích đất dành cho giao thông tĩnh và các điểm, bãi đỗ xe công cộng được cấp phép này mới chỉ đáp ứng được khoảng 10% ÷ 12% nhu cầu đỗ xe của tổng số phương tiện hiện có, còn lại khoảng 88%-90% số phương tiện có nhu cầu đỗ hiện nay đang đỗ tại các điểm đỗ xe của chung cư, khu đô thị, sân cơ quan, công sở, lòng đường, vỉa hè, ngõ cụt, sân trường, bệnh viện, tại các khu đất trống của các dự án...các vị trí này đều không được cấp phép và rất nhiều điểm có vi phạm về trật tự, an ninh- xã hội, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

Trong giai đoạn trước mắt, khi chưa kịp đầu tư các bến, bãi đỗ xe theo quy hoạch thì vẫn tạm thời duy trì một số điểm trông giữ phương tiện, bãi đỗ xe tạm thời tại hè, lòng đường theo quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu đỗ xe của người dân.

6.1. Đánh giá kết quả thực hiện Quy định về phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố:

- Các đơn vị cấp phép: Sở GTVT và UBND các quận, huyện thị xã đều tổ chức thu phí trên bộ thủ tục hành chính niêm yết tại đơn vị, thu đúng, thu đủ theo diện tích cấp phép và nộp NSNN, kê khai thuế đúng quy định.

Công ty Khai thác điểm đỗ nộp 3% trên doanh thu hàng tháng thực hiện kê khai thuế theo quy định hiện hành, báo cáo tài chính năm 2013, 2015 được cơ quan KTNKV1 kiểm toán và được cơ quan tài chính quyết toán BCTC đối với doanh nghiệp công ích.

- Trong công tác kiểm tra về phí lệ phí Đoàn Thanh tra Bộ Tài chính theo Quyết định số 421/QĐ-BTC ngày 05/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã tiến hành thanh tra về phí, lệ phí trong đó có Văn phòng Sở GTVT và UBND quận Hoàn Kiếm, theo kết luận của Đoàn về phí lòng đường và vỉa hè không có kiến nghị. (chỉ kiến nghị về việc quy định mức thu đặt biển quảng cáo trên dải phân cách thì kỳ này Luật phí đã quy định rõ nên Thành phố sẽ không quy định mức thu này)

- Sở GTVT đã thường xuyên phối hợp với Công an Thành phố, UBND các Quận kiểm tra, xử lý việc các phương tiện dừng đỗ không đúng quy định ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông; đồng thời, rà soát xem xét các tuyến phố có đủ các điều kiện cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường để bố trí các điểm đỗ phương tiện, không gây ùn tắc giao thông, vừa góp phần giải quyết nhu cầu đỗ xe của nhân dân, vừa đảm bảo công tác quản lý đô thị; góp phần giảm ùn tắc giao thông, hạn chế các phương tiện dừng đỗ tại các trục tuyến phố chính, vành đai, các tuyến hướng tâm.

- Các mức thu sử dụng hè, lòng đường để phục vụ mục đích khác (ngoài trông giữ xe) vẫn phù hợp với thực tế, số thu đối với các mục đích này không cao.

Mức thu phí sử dụng hè, lòng đường để trông giữ xe ô tô, xe đạp, xe máy đã được xây dựng trên cơ sở: Căn cứ thực trạng hoạt động trông giữ phương tiện trên địa bàn Thành phố, căn cứ các quyết định của UBND thành phố đã ban hành về thu phí trông giữ xe; trên cơ sở xác định hoạt động trông giữ phương tiện là hoạt động góp phần đảm bảo an ninh trật tự giao thông mỹ quan đô thị trên địa bàn Thành phố, không khuyến khích phát triển việc sử dụng lòng đường, vỉa hè trông xe để hoạt động kinh doanh. Mức thu phí đã ban hành phù hợp với lộ trình điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe, cụ thể:

- Đảm bảo mục tiêu chính trị của hoạt động trông giữ xe là phải đảm bảo an toàn trật tự giao thông, trật tự xã hội;

- Hạn chế ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân và các doanh nghiệp kinh doanh trông giữ xe trên địa bàn thành phố;

6.3. Sự cần thiết phải thay đổi quy định thu:

a. Quy định đang thực hiện:

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã trình HĐND ban hành quy định thu phí sử dụng tạm thời lòng, lề, hè đường, bến bãi, mặt nước, việc thu phí lòng, lề, hè đường.

- Đặc thù của công ty khai thác điểm đỗ xe:

+ Là doanh nghiệp nhà nước duy nhất trong cả nước được thành lập để quản lý hoạt động giao thông tĩnh và thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công ích của Thành phố:

Trông giữ xe miễn phí tại các kỳ cuộc hội nghị, lễ hội trong nước, Quốc tế, khu vực UBND Thành phố, xe Taxi, xe vi phạm không người nhận; quản lý chống lấn chiếm, giữ đất công tại các khu vực đất trống lưu không, đất quy hoạch phát triển lâu dài. (Phát sinh chi phí nhưng không có doanh thu)

+ Thường xuyên bị ảnh hưởng bởi cơ chế chính sách về quản lý hệ đường phố: Trông giữ phương tiện là ngành nghề chính của công ty, chiếm gần 90% nguồn thu với 800 lao động nhưng hoạt động lại thiếu tính ổn định. Với mỗi chính sách Nhà nước ban hành liên quan đến quản lý hệ đường ảnh hưởng rất lớn đến Công ty: Văn bản số 796/UBND-GT ngày 06/02/2012; Văn bản 2785/UBND-QHXDGT ngày 19/4/2012 của Thành phố cấm trông giữ xe trên 268 tuyến phố trong đó Công ty phải giải tỏa 40 điểm, doanh thu giảm 500 triệu đồng/tháng, 70 lao động cho nghỉ việc tạm thời vẫn phải đảm bảo đủ chế độ, chi phí đầu tư không thu hồi được; giải tỏa làm đường qua bến Ngọc Khánh, doanh thu giảm 300 triệu/tháng...

+ *Về xác định doanh thu*: Là doanh nghiệp chuyên doanh trông giữ xe từ năm 1996, công ty đã ban hành hệ thống các văn bản pháp lý trong việc tổ chức trông giữ xe, thống kê sản lượng và quản lý doanh thu, giáo dục và đào tạo nghiệp vụ cho Trật tự viên; có bộ máy quản lý điều hành, kiểm tra khảo sát (thành lập Ban quy chế kiểm tra ngày đêm, tổ đội kiểm tra chéo, các phòng nghiệp vụ khảo sát từng điểm trước khi giao kế hoạch doanh thu tới đơn vị); căn cứ kết quả khảo sát thường xuyên điều chỉnh kế hoạch doanh thu, thực hiện hạch toán từ công ty tới các xí nghiệp, tổ đội qua hệ thống sổ sách chứng từ, bộ phận thu ngân để **xác định doanh thu sát với thực tế** hàng tháng.

+ *Về hạch toán chi phí*: Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ cho người lao động và nghĩa vụ với ngân sách, trong đó trả cho người lao động: lương (~ 4-5 triệu đồng/tháng), ăn ca, bảo hiểm đã chiếm tới **75,5% doanh thu**. Nếu nộp phí sử dụng hè, đường theo m² chỉ ở mức 10.000đ cho riêng các điểm trên hè đường chỉ chiếm **1/4** tổng diện tích quản lý đã là 788,850 tỷ đồng tương ứng **30% doanh thu**, Công ty không còn nguồn đảm bảo các chi phí khác để duy trì hoạt động.

+ *Về đầu tư phát triển giao thông tĩnh*: Tại các bến đỗ xe có khuôn viên, Công ty đang triển khai lắp đặt hệ thống Barie tự động để kiểm soát xe ra vào quản lý doanh thu. Tại điểm Trần Nhật Duật, Nguyễn Công Hoan và một số điểm đỗ xe khác, Thành phố đã giao cho Công ty triển khai Dự án thí điểm lắp dựng giàn thép đỗ xe hiện đại hoá giao thông tĩnh theo quy hoạch, đầu tư toàn bộ bằng nguồn vốn vay với suất đầu tư cho dự án lớn trong khi thu theo mức phí với thời gian hoàn trả vốn lên tới 15 năm nên rất cần có sự hỗ trợ kịp thời về các chính sách ưu đãi đầu tư, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, trong đó có việc hỗ trợ về mức thu phí sử dụng hè, lề đường, bến bãi trông giữ xe.

- Đối với các đơn vị khác: các đối tượng tham gia trông giữ xe chủ yếu vì mục tiêu lợi nhuận: chỉ xin cấp phép tổ chức trông giữ xe tại các địa điểm kinh doanh có lợi thế hoặc các khu vực trông xe phục vụ hoạt động kinh doanh riêng (nhà hàng khách sạn ...) trong khi trên địa bàn các quận huyện, Công ty phải quản lý trông giữ chống lấn chiếm trên phần quỹ đất công, đất quy hoạch chiếm tới **3/4** tổng diện tích. Như vậy với cùng loại hình trông giữ xe thì ngay cả trong trường hợp xác định được doanh thu thì mục đích phục vụ vẫn là khác biệt nhau.

Do đó, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố quy định 02 mức nộp phí sử dụng hè, lề đường khác nhau để đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (vừa sản xuất kinh doanh vừa thực hiện nhiệm vụ công ích), cụ thể:

* Đối với công ty khai thác điểm đỗ xe:

TT	Nội dung thu phí	Đơn vị cấp phép	Mức thu	Phương thức nộp phí
1	Phí sử dụng lòng, hè, lề đường	UBND quận Hoàn Kiếm	Theo diện tích cấp phép (m ²)	Nộp cho UBND quận Hoàn Kiếm
		Sở GTVT cấp phép diện tích trên địa bàn quận Hoàn Kiếm	Theo diện tích cấp phép (m ²)	Nộp cho Sở Giao thông vận tải
		Sở GTVT cấp phép diện tích trên các địa bàn khác (trừ quận Hoàn Kiếm)	3% trên doanh thu	Công ty kê khai và tự nộp phí vào NSNN
		UBND các quận, huyện khác		

* Đối với các tổ chức, cá nhân khác: thu theo diện tích cấp phép (m²).

b. Sự cần thiết phải thay đổi quy định thu:

Quy định thu phí hiện hành đang bộc lộ nhiều bất cập như sau:

- Mức thu áp dụng đối với công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội tại địa bàn quận Hoàn Kiếm và các quận, huyện khác có sự chênh lệch đáng kể dẫn đến sự bất bình đẳng trong hoạt động kinh doanh giữa công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội và các tổ chức, cá nhân khác.

- Bản chất của khoản phí: Phí sử dụng lòng đường, hè phố là khoản phí không cân đối ngân sách (số phí thu được do cấp nào cấp phép được nộp toàn bộ về ngân sách của cấp đó), việc thu, nộp phí đang thực hiện không thể hiện đúng bản chất của khoản phí, cụ thể:

+ Đối với diện tích do UBND quận Hoàn Kiếm cấp phép: Công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội nộp phí cho UBND quận Hoàn Kiếm và được UBND quận nộp vào ngân sách quận Hoàn Kiếm sau khi trừ 10% để lại để phục vụ công tác thu;

+ Đối với diện tích do Sở GTVT cấp phép trên địa bàn quận Hoàn Kiếm: Công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội nộp phí trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải và được Sở Giao thông vận tải nộp vào ngân sách Thành phố sau khi trừ 5% để lại để phục vụ công tác thu

+ Đối với diện tích do Sở GTVT trên địa bàn các quận, huyện (trừ quận Hoàn Kiếm), diện tích do các UBND quận, huyện khác cấp phép: Công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội kê khai và nộp phí về ngân sách thành phố (ngân sách quận, huyện không được hưởng). Điều này dẫn đến bất hợp lý trong việc phân cấp

nguồn thu của các quận, huyện do các quận, huyện (trừ quận Hoàn Kiếm không được điều tiết từ nguồn thu này).

Bên cạnh đó, theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản phí này được đổi tên thành phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố. Như vậy, theo qui định mới của Luật phí, lệ phí không thực hiện thu phí đối với việc sử dụng bến bãi, mặt nước.

Từ các nguyên nhân trên đòi hỏi phải đề xuất quy định thu mới đảm bảo thực hiện đúng Luật phí và lệ phí; xây dựng mức thu cho Công ty Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội đảm bảo thống nhất, bình đẳng với các đơn vị sử dụng lòng, hè, lề đường khác và bình đẳng về nguồn thu giữa các quận, huyện.

Căn cứ Đề án do Sở Giao thông vận tải xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

6.3. Nội dung đề xuất:

a. Đối tượng thu phí:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.

b. Mức thu phí:

Để xây dựng được mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố phù hợp với thực tế và đúng Luật phí, lệ phí cần được xây dựng đề án trên cơ sở khảo sát, đánh giá kỹ về hiện trạng sử dụng lòng đường, hè phố; quy hoạch bãi, điểm đỗ xe; kiểm tra, khảo sát hoạt động trông giữ xe, đánh giá kết quả hoạt động trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trên cơ sở thực hiện đúng các quy định của nhà nước về thực hiện áp dụng mức thu trông giữ xe, sử dụng vé, hóa đơn; thực hiện đúng quy định về phòng cháy, chữa cháy, thực hiện các quy định về tiền lương, tiền BHXH, BHTN, Bảo hiểm, y tế với người lao động, phù hợp với quy định về giá trông giữ xe....

Để có thời gian và lộ trình thực hiện, UBND Thành phố dự kiến đề xuất như sau:

* Đối với mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường hè phố:

b1. Năm 2017: Đề xuất giữ nguyên quy định đang thực hiện, bãi bỏ một số nội dung thu không còn phù hợp (như mức thu phí sử dụng bến, bãi, mặt nước...), riêng với công ty khai thác điểm đỗ xe tăng tỷ lệ nộp phí trên các địa bàn quận, huyện khác (trừ địa bàn quận Hoàn Kiếm) từ 3% doanh thu lên 6% doanh thu, cụ thể:

Nội dung thu, địa bàn thu phí	Đơn vị tính	Mức thu tại QĐ 54/2014	Mức thu đề xuất
I. Sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe ô tô:	đ/m ² /tháng		

Nội dung thu, địa bàn thu phí	Đơn vị tính	Mức thu tại QĐ 54/2014	Mức thu đề xuất
1. Khu vực đô thị lõi (khu bảo tồn cấp I): - Các tuyến phố: Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt; hè đường các tuyến phố: Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ	đ/m ² /tháng	80.000	80.000
2. Các tuyến đường, phố còn lại của quận Hoàn Kiếm (trừ khu vực ngoài đê sông Hồng).	đ/m ² /tháng	60.000	60.000
3. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 1 và các tuyến phố phía trong đường vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm): Khu vực từ Yên Phụ dọc theo đường đê sông Hồng xuống Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, xuống đê Nguyễn Khoái sang Trần Khát Chân, Đại Cồ Việt, Đê La Thành, Nguyễn Chí Thanh, Liễu Giai, Văn Cao, Hoàng Hoa Thám lên Thanh Niên đến Yên Phụ đi qua địa bàn các quận: Ba Đình; Đống Đa; Hai Bà Trưng	đ/m ² /tháng	60.000	60.000
4. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 2 đến vành đai 1 (bên hữu sông Hồng): khu vực từ cầu Vĩnh Tuy - Minh Khai - Đại La - Ngã Tư Vọng - đường Trường Chinh - Ngã Tư Sở - đường Láng - Cầu Giấy - Bưởi - Nhật Tân đi qua địa bàn các quận: Hai Bà Trưng; Đống Đa; Ba Đình; Tây Hồ; Cầu Giấy	đ/m ² /tháng	45.000	45.000
5. Các tuyến đường, phố trên đường vành đai 3 đến vành đai 2 (bên bờ hữu sông Hồng): khu vực từ đường cao tốc Bắc Thăng Long - Nội Bài, đường Phạm Văn Đồng, đường Khuất Duy Tiến, đường Nghiêm Xuân Yêm, cầu cạn Pháp Vân đến đầu cầu Thanh Trì đi qua địa bàn các quận: Hai Bà Trưng; Hoàng Mai; Thanh Xuân; Cầu Giấy; Tây Hồ; Nam Từ Liêm; Bắc Từ Liêm.	đ/m ² /tháng	40.000	40.000
6. Các tuyến đường, phố còn lại của các quận	đ/m ² /tháng	30.000	30.000
7. Thị xã Sơn Tây và các huyện ngoại thành	đ/m ² /tháng	20.000	20.000

II. Sử dụng tạm thời bên bãi (đất công) để trông giữ phương tiện giao thông	Áp dụng mức thu quy định tương ứng với các tuyến đường, phố trên, nhân với hệ số $k=0.6$		Bãi bỏ vì không có trong danh mục phí
III. Sử dụng lòng đường, hè phố để trông giữ xe đạp, xe máy:			
1. Tại quận Hoàn Kiếm:			
a. Đối với 17 tuyến phố (Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Đinh Tiên Hoàng, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Đồng Xuân, Hàng Giấy, Lý Thái Tổ, Hàng Bài, Phố Huế, Bà Triệu, Quán Sứ, Phủ Doãn, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng)	đ/m ² /tháng	45.000	45.000
b. Các tuyến phố còn lại	đ/m ² /tháng	25.000	25.000
2. Tại các quận, huyện, thị xã khác			
a. Các tuyến phố chính thuộc 3 quận nội thành: Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, các tuyến phố văn hóa ẩm thực, chợ đêm.	đ/m ² /tháng	45.000	45.000
b. Các tuyến phố chính thuộc các quận: Thanh Xuân, Cầu Giấy, Tây Hồ, Long Biên, Hoàng Mai và Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.	đ/m ² /tháng	40.000	40.000
c. Các tuyến phố còn lại thuộc các địa bàn trên và các phố thuộc thị xã Sơn Tây	đ/m ² /tháng	25.000	25.000
d. Các huyện ngoại thành	đ/m ² /tháng	20.000	20.000
IV. Tại các quận, huyện, thị xã (trừ các tuyến phố thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm) Công ty Khai thác điểm đỗ xe được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để tạm dừng, đỗ, trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô (Trường hợp xác định được doanh thu).	Nộp vào ngân sách nhà nước mức phí bằng 3% trên doanh thu phục vụ tạm dừng, đỗ xe và trông giữ xe		Nộp vào ngân sách nhà nước mức phí bằng 6% trên doanh thu phục vụ tạm dừng, đỗ xe và trông giữ xe (đồng thời bỏ

			nội dung sử dụng (bến bãi)
V. Sử dụng lòng đường, hè phố để kinh doanh			
1. Các tuyến phố chính thuộc 4 quận nội thành: Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, các tuyến phố văn hóa ẩm thực, chợ đêm.	đ/m ² /tháng	45.000	45.000
2. Các tuyến phố chính thuộc các quận: Thanh Xuân, Cầu Giấy, Tây Hồ, Long Biên, Hoàng Mai và Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.	đ/m ² /tháng	40.000	40.000
3. Các tuyến phố còn lại thuộc các địa bàn trên và các phố thuộc thị xã Sơn Tây	đ/m ² /tháng	25.000	25.000
4. Các huyện ngoại thành	đ/m ² /tháng	20.000	20.000
VI. Sử dụng lòng đường, hè phố để trung chuyển vật liệu xây dựng	đ/m ² /tháng	50.000	50.000
VII. Sử dụng bến, bãi làm bến đò	Đồng/1 năm/ 1 đầu bến	tối đa 100 triệu	Bãi bỏ vì không có trong danh mục phí
VIII. Sử dụng mặt nước hồ do Nhà nước quản lý để kinh doanh	đ/m ² /tháng		Bãi bỏ vì không có trong danh mục phí
1. Thuộc các quận		40.000	
2. Thuộc các huyện và thị xã Sơn Tây		25.000	
IX. Cấm biển quảng cáo trên hè, giải phân cách	đ/biển/tháng	50.000	Bãi bỏ vì không có trong danh mục phí

* Trường hợp các địa điểm áp dụng thí điểm dừng đỗ xe thông minh không áp dụng mức thu phí theo quy định tại Biểu trên.

UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố giao UBND Thành phố quyết định tạm thời mức thu phí đối với các trường hợp này và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2017.

b2. Trong năm 2017, UBND Thành phố giao Sở Giao thông vận tải thực hiện các việc sau:

- Sở Giao thông vận tải phối hợp với UBND quận Hoàn Kiếm tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện mô hình “khoán quản”

- Đánh giá, phân tích tình hình sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn làm, xây dựng lại Đề án thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo hướng:

+ Đảm bảo các mục tiêu hạn chế dừng đỗ trong khu vực nội thành, đặc biệt là quận Hoàn Kiếm.

+ Đảm bảo thực hiện đúng bản chất khoản phí, công bằng về nguồn ngân sách giữa các quận, huyện.

+ Đảm bảo phù hợp với mức giá dịch vụ trông giữ xe do UBND Thành phố ban hành.

+ Đảm bảo công bằng, bình đẳng và thống nhất về mức thu phí giữa công ty khai thác điểm đỗ xe Hà Nội và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố (Theo hướng thu trên m² áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân được cấp phép).

+ Việc điều chỉnh mức thu phí phải phù hợp với thực tế, phân chia theo từng địa bàn, từng khu vực tận dụng được lợi thế điểm đỗ xe trên từng địa bàn, khu vực, tuyến phố và có cơ chế riêng cho doanh nghiệp chủ đạo trông giữ xe để thực hiện nhiệm vụ chính trị và tham gia các hoạt động công ích của Thành phố, có cơ chế giám sát, quản lý được doanh thu

Dự kiến trình HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2017, và áp dụng từ 01/01/2018.

- Xây dựng phương án tổ chức thí điểm dừng đỗ xe thông minh áp dụng tại các lòng đường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thực hiện từ 01/7/2017.

c. Cơ quan thu phí:

Sở Giao thông vận tải, UBND các quận, huyện, thị xã.

d. quản lý sử dụng:

- Quy định đang thực hiện:

+ Sở Giao thông Vận tải: Nộp ngân sách nhà nước 95% tổng số phí thu được; 5% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

+ Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các phường, thị trấn, các xã (theo phân cấp) nộp Ngân sách 90% tổng số phí thu được; 10% số phí thu được để lại cho đơn vị thu phí.

+ Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm: được để lại 10 % tổng số phí thu được của các tổ chức, cá nhân tham gia thí điểm mô hình “khoán quản”;

- Đề xuất mới: Đơn vị thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thẩm định được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

Đây là khoản phí không cân đối ngân sách, do đó đề xuất này cũng không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của các quận, huyện và Thành phố so với quy định đang thực hiện.

7. Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa (Quy định tại Điểm 1, Mục VII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí về bảo quản, tu bổ, phục hồi và quản lý đối với danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 88/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

1.1. Hiện trạng việc quản lý các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa đang thu phí trên địa bàn:

Hiện nay, các điểm di tích danh lam thắng cảnh đang hoạt động thu phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn thành phố bao gồm: Đền Ngọc Sơn, Nhà tù Hỏa Lò, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Cổ Loa, Làng cổ Đường Lâm, Đền Quán Thánh, Chùa Thầy, Chùa Hương, Chùa Tây Phương.

Qua rà soát của Sở văn hóa, thể thao và du lịch thì các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh này là các di tích đã được nhà nước công nhận, Sở văn hóa, thể thao và du lịch đề xuất tiếp tục thu phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử với các di tích này. Căn cứ Đề án thu phí do các đơn vị thu xây dựng, báo cáo của Sở Văn hóa Thể thao, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất: điều chỉnh mức thu phí tại di tích Chùa Hương, giữ nguyên mức thu tại các điểm còn lại; điều chỉnh lại tỷ lệ phân chia cho các nội dung chi của các di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Đền Ngọc Sơn để phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của đơn vị; điều chỉnh lại quy định quản lý sử dụng tiền phí thu được đối với các di tích Đền Quán Thánh, Chùa Thầy, Chùa Tây Phương để tạo sự minh bạch trong công tác thu, chi từ nguồn phí thu được, giữ nguyên quy định quản lý sử dụng của các điểm còn lại:

1.2. Về mức thu phí:

a. Đối với các di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Đền Ngọc Sơn, nhà tù Hỏa Lò: Tại kỳ họp HĐND cuối năm 2014, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố điều chỉnh mức thu phí đối với các di tích từ 20.000đ/lượt/khách lên 30.000đ/lượt/khách, do đó BPTT đề xuất giữ nguyên để đảm bảo ổn định.

b. Đối với các di tích Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Cổ Loa, Làng cổ Đường Lâm, Đền Quán Thánh, Chùa Thầy, Chùa Tây Phương: Các di tích này gắn liền với tâm linh, tín ngưỡng của người dân, do đó đề xuất không thay đổi mức thu phí.

c. Đối với di tích Chùa Hương: Căn cứ Đề án do UBND huyện Mỹ Đức xây dựng, báo cáo của Sở Văn hóa Thể thao và kết quả thẩm định của BPTT:

- Kết quả thu phí tham quan Chùa Hương các năm: Năm 2014: 63 tỷ đồng (trong đó nộp NSNN: 41 tỷ đồng, để lại cho công tác thu và tổ chức lễ hội: 22 tỷ đồng); Năm 2015: 62,1 tỷ đồng (trong đó nộp NSNN: 40,4 tỷ đồng, để lại cho công tác thu và tổ chức lễ hội: 21,7 tỷ đồng); Dự kiến năm 2016: 67 tỷ đồng (trong đó nộp NSNN: 43,6 tỷ đồng, để lại cho công tác thu và tổ chức lễ hội: 23,4 tỷ đồng)

- Mức thu phí Chùa Hương hiện nay là 49.000đ/lượt đối với vé thường, 24.000đ/lượt đối với vé ưu đãi (dành cho các đối tượng được giảm 50% phí tham quan theo quy định), mức thu này đã áp dụng được 5 năm (từ năm 2012 đến nay).

Mức phí được thu 1 lần cho cả 3 tuyến Hương Tích, Long Vân và Tuyết Sơn, mức thu phí trung bình 1 tuyến là 16.333đ đối với vé thường, 8.000đ đối với vé ưu đãi. Mức phí này tương đối thấp, chưa phù hợp với quy mô của di tích và mặt bằng chung về phí tham quan trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ năm 2012 đến nay, mức lương tối thiểu cơ bản từ 830.000 đồng vào năm 2012 đến nay đã tăng lên 1.210.000 đồng, các chi phí khác như điện, nước, văn phòng phẩm, nhân công, vật tư nguyên liệu cũng tăng đáng kể theo chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số lạm phát hàng năm.

- Căn cứ thực tế trên địa bàn huyện và khu di tích Hương Sơn như: hệ thống giao thông bến bãi chưa đáp ứng được nhu cầu, hệ thống nhà vệ sinh, xử lý rác thải xuống cấp, cần được tu bổ, tôn tạo, sửa chữa; các công trình cần xây dựng mới như nhà điều hành, hệ thống kiot bán hàng; tu bổ, tôn tạo, sửa chữa, nạo vét các công trình đã xuống cấp, do đó cần tăng mức thu phí để có kinh phí quy hoạch tổng thể khu di tích, sửa chữa, cải tạo, làm mới các công trình theo nhu cầu; UBND huyện Mỹ Đức đã dự kiến 13 dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình để phục vụ di tích như: Quy hoạch tổng thể khu Di tích thắng cảnh Hương Sơn, Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh công cộng, Cải tạo tuyến đường bộ Long Vân (3km) – Tuyết Sơn (2km), Mở rộng bến xe số 2. Làm mới Bến xe Hang Vò, Sửa chữa, tu tạo các công trình đang sử dụng ... thực hiện trong vòng 5 năm với tổng mức đầu tư dự kiến là 358.700 trđ (trung bình 1 năm cần 71.740 trđ)

Hiện nay, UBND huyện Mỹ Đức đã tiến hành đầu tư xây dựng các công trình tu bổ, tôn tạo di tích. Với mức thu phí đang thực hiện không đủ bù đắp các chi phí cần thiết, Ngân sách nhà nước đang phải bù thêm để có kinh phí thực hiện.

- Căn cứ các đề xuất của UBND huyện Mỹ Đức, UBND Thành phố đề nghị điều chỉnh tăng đối với di tích Chùa Hương như sau: Vé thường từ 49.000đ/lượt lên 78.000đ/lượt; vé ưu đãi từ 24.000đ/lượt lên 38.000đ/lượt để có kinh phí tu bổ, tôn tạo, xây dựng mới các công trình tại di tích. Mức phí đề xuất là phí tham quan 1 lần cho cả 3 tuyến Hương Tích, Long Vân và Tuyết Sơn, mức thu phí trung bình 1 tuyến là 26.000 đ, tương đối phù hợp với mặt bằng chung của một số di tích trên địa bàn thành phố Hà Nội do các Ban quản lý thu (Di tích Đường Lâm (20.000đ), Văn Miếu Quốc Tử Giám, Nhà tù Hỏa Lò, Đền Ngọc Sơn, Trung tâm Hoàng thành Thăng Long (30.000đ)), và thấp hơn so với mức thu của một số danh thắng, quần thể di tích khác tương đồng về quy mô như Tam Cốc – Bích Động (120.000đ vé người lớn, 60.000đ vé trẻ em), Tràng An (150.000đ vé người lớn, 80.000đ vé trẻ em).

Trung bình mỗi năm, Chùa Hương đón khoảng 1,2 đến 1,3 triệu lượt du khách đến tham quan và trải nghiệm. Với mức phí đề xuất, dự kiến số phí 1 năm thu được: $(1.300.000 \text{ vé} \times 78.000\text{đ}) + (50.000 \text{ vé} \times 38.000\text{đ}) = 103.300 \text{ trđ}$.

Số phí thu được đảm bảo thực hiện việc đầu tư xây dựng hàng năm (72 tỷ/năm) và chi phục vụ công tác quản thu và tổ chức lễ hội do UBND huyện Mỹ Đức đề xuất (32 tỷ/năm)

Đánh giá tác động của việc tăng mức thu phí

- Với việc tăng mức thu phí, UBND huyện Mỹ Đức cũng được tăng thêm nguồn kinh phí để phục vụ được tốt hơn trong việc tham quan di tích của các du khách. Cụ thể:

+ Có thêm kinh phí để bổ sung số lượng cán bộ, nhân công tham gia phục vụ lễ hội, đảm bảo tăng cường an ninh cho công tác tổ chức lễ hội, phân luồng, hướng dẫn khách tham quan di chuyển, tránh tình trạng chen lấn, xô đẩy, nhất là vào những ngày cao điểm.

+ Đầu tư sửa chữa cải tạo bến bãi, hệ thống giao thông quanh khu vực lễ hội, từng bước đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của du khách khi tham quan trải nghiệm.

+ Đầu tư sửa chữa các công trình xuống cấp gây mất mỹ quan chung.

- Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn cũng đề xuất các chính sách để khuyến khích một số đối tượng tham quan cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ như:

+ Đề xuất bổ sung đối tượng miễn phí tham quan là: trẻ em dưới 15 tuổi (hoặc cao dưới 1m30), Giảm 50% mức thu phí cho học sinh sinh viên Việt Nam (có thẻ HS, SV) để khuyến khích các em học sinh tham quan, tìm hiểu về đời sống văn hóa, danh lam thắng cảnh, các lễ hội truyền thống quê hương.

+ Đề xuất miễn thu phí ngày lễ Phật Đản (15 tháng 4 Âm lịch) và ngày di sản văn hóa Việt nam (23/11).

+ Miễn tiền dịch vụ vệ sinh trong khu di tích đối với các du khách.

- Mức thu phí đề xuất thấp hơn nhiều so với mức phí tham quan một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử có tính chất, quy mô tương tự tại các địa phương khác (như Tam Cốc – Bích Động, Tràng An...).

Việc triển khai thực hiện tăng mức thu, đồng thời tổ chức tuyên truyền các dịch vụ gia tăng mà người dân được hưởng theo các mục tiêu nêu trên. Do vậy, đánh giá sẽ không gây ảnh hưởng lớn và phản ứng tiêu cực của người dân.

1.3. Về quản lý sử dụng:

a. Đối với các di tích Nhà tù Hỏa Lò, Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Di tích Cổ Loa, Làng cổ Đường Lâm: Qua kiểm tra quyết toán của các đơn vị, tỷ lệ để lại trước đây vẫn còn phù hợp, do đó UBND Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định về quản lý sử dụng đối với các di tích này.

b. Đối với các di tích: Chùa Thầy, Chùa Tây Phương, Đền Quán Thánh:

Các di tích này không thành lập Ban quản lý di tích riêng, do UBND xã, quận quản lý. Do đó, quan kiểm tra quyết toán của đơn vị có hiện tượng chưa tách bạch các khoản chi cho công tác thu phí với các khoản chi khác của đơn vị.

Riêng di tích chùa Tây Phương: công tác thu và tổ chức lễ hội được lấy từ 02 nguồn: nguồn ngân sách cấp và phần phí được trích để lại, dẫn đến tình trạng số phí để lại để chi cho công tác thu phí có năm thừa nhiều, có năm không đủ.

Để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất thu chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại, UBND Thành phố đề xuất quản lý sử dụng như sau: số phí thu được nộp 100% vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

Việc quy định nộp 100% vào NSNN cũng không gây ảnh hưởng đến ngân sách quận, huyện, do đây là khoản phí không cân đối, số phí nộp ngân sách được điều tiết toàn bộ về ngân sách các quận, huyện.

c. Đối với di tích Chùa Hương:

Quy định đang thực hiện: Để lại cho đơn vị thu phí 35% số phí thu được để phục vụ công tác thu phí; Nộp vào ngân sách nhà nước 65% (Số nộp này được xác định là 100% và phân chia 70% cho huyện Mỹ Đức; 30% cho xã Hương Sơn để chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khu di tích Chùa Hương)

* Tỷ lệ trích lại phục vụ công tác thu phí và tổ chức lễ hội.

Để quản lý và tổ chức lễ hội Chùa Hương hàng năm, UBND huyện Mỹ Đức thành lập Ban tổ chức lễ hội Chùa Hương (hoạt động trong 3 tháng tổ chức lễ hội), Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn (hoạt động cả năm).

Theo quy định hiện nay, số tiền được trích lại để phục vụ công tác thu và tổ chức lễ hội Chùa Hương là 35% tổng số phí thu được (22 đến 23 tỷ đồng/năm). Với số tiền được để lại không nhiều, việc chi bồi dưỡng cho các cán bộ tăng cường phục vụ lễ hội chưa được đảm bảo. Công tác tuyên truyền, quảng bá lễ hội còn nhiều hạn chế. Du khách tham quan vẫn phải trả phí sử dụng nhà vệ sinh (UBND huyện Mỹ Đức giao Công ty TNHH Yên Hương quản lý), trong khi chất lượng chưa đạt yêu cầu. Do đó, UBND huyện Mỹ Đức đã đề nghị tăng số tiền được trích lại để phục vụ công tác thu và tổ chức lễ hội Chùa Hương lên 32 tỷ/năm (tăng 9 tỷ so với năm 2016 chủ yếu để tăng tiền bồi dưỡng cho các lực lượng tăng cường, duy trì hoạt động của nhà vệ sinh phục vụ du khách...).

Kết quả chi cho Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn phục vụ các nhiệm vụ cho Ban tổ chức lễ hội năm 2014, 2015, 6 tháng 2016 và dự kiến năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung chi	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Dự kiến năm 2017	Giải trình lý do ước thực hiện 2017 cao hơn
	Số được để lại cho Ban quản lý	22.078	21.769	23.405	31.600	
I	Chi Ban tổ chức	10.628	12.500	12.031	17.290	
I	Thanh toán khác cho cá nhân	4.661	4.152	4.956	6.730	Giải trình chi tiết*

2	Dịch vụ công cộng	2.290	3.337	2.481	3.600	Trước đây số tiền để lại cho đơn vị thu thấp, số tiền chỉ cho các dịch vụ công cộng như thu gom, phân loại, xử lý rác thải chưa đáp ứng được thực tế, dẫn đến tình trạng vệ sinh môi trường không sạch sẽ. Do đó cần có mức chi cao hơn để đảm bảo môi trường sạch đẹp cho cảnh quan chung của lễ hội.
3	Vật tư văn phòng phẩm	234	341	419	420	
4	Thông tin tuyên truyền	142	220	354	750	
5	Hội nghị	491	772	657	800	
6	Thuê mướn nhân công	598	777	371	650	
7	Sửa chữa	415	392	386	550	
8	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	392	536	438	730	
9	Mua tài sản	-	74	208	600	Do sự phát triển của xã hội nên phải đầu tư hạ tầng kỹ thuật hiện đại
10	Chi khác	1.263	1.799	1.636	2.100	Do quy mô, tính chất của lễ hội ngày một phức tạp vì vậy đòi hỏi các nội dung công tác nhiều hơn, có chất lượng cao
11	Phúc lợi tập thể (tiền chè nước, hoa quả, ăn đêm cho các tổ, đội, trạm)	113	69	95	320	Để đảm bảo mức sử dụng phù hợp với giá cả và mức sống hiện tại
12	Tiền thưởng	29	31	31	40	
II	Công tác quản lý lễ hội xã Hương Sơn	3.713	3.721	4.200	5.000	

III	Chi hỗ trợ công an TP, các cơ quan, phòng ban của huyện tham gia quản lý Lễ hội	7.737	5.548	7.174	5.400	
IV	Chi phục vụ công tác vệ sinh công cộng miễn phí và xử lý nước thải Bến Yên	-	-	-	3.910	Giải trình chi tiết **
Tổng cộng		22.078	21.769	23.405	31.600	

Giải trình chi tiết một số nội dung dự kiến chi năm 2017 cao hơn các năm trước:

- Thanh toán khác cho cá nhân (*): Số người tham gia phục vụ lễ hội tính bình quân là 390 người, làm việc cả 3 tháng lễ hội (trung bình mỗi người làm việc 80 ngày cả ngày thường, ngày nghỉ và ngày lễ, tết). Mức chi thanh toán cá nhân (tiền ăn trưa, tối và phụ cấp) như sau: tiền ăn từ 30.000đ-45.000đ/người/ngày; phụ cấp từ 100.000đ-140.000đ/người/ngày, bình quân mỗi người được hưởng tổng cộng là 159.000đ/người/ngày (Tổng chi thanh toán khác cho cá nhân năm 2016: 4.956 trđ). Với mức chi như vậy so với thời gian và cường độ làm việc là không hợp lý, chưa phù hợp với mức sống, giá cả chung của lễ hội, do đó rất cần thiết phải tăng mức chi để bù đắp và tái tạo sức lao động của các lực lượng tham gia phục vụ lễ hội. Bên cạnh đó, do quy mô lễ hội rất lớn, cần thiết phải tăng cường lực lượng phục vụ. Vì vậy rất cần thiết phải tăng số chi thanh toán cá nhân để đảm bảo phục vụ lễ hội. Đề xuất số người tham gia phục vụ lễ hội năm 2017 là 420 người (tăng 30 người so với các năm trước); mức chi năm 2017 bình quân 205.000đ/người/ngày (bao gồm cả tiền ăn và phụ cấp) so với các năm trước tăng khoảng 46.000đ/người/ngày (Tổng chi thanh toán khác cho cá nhân dự kiến 2017: 6.870 trđ, tăng 1.914 trđ so với năm 2016).

- Chi phục vụ công tác vệ sinh công cộng; xử lý rác thải Bến Yên (**): Hệ thống các nhà vệ sinh công cộng phục vụ du khách tại khu di tích thắng cảnh Hương Sơn được đầu tư từ năm 2006-2007, đến nay cơ bản đã xuống cấp, không còn phù hợp và đảm bảo vệ sinh. Hàng năm Ban quản lý khu di tích thắng cảnh Hương Sơn giao cho công ty TNHH Yên Hương trông nom, quản lý và tự hạch toán vận hành sử dụng, được thu phí vệ sinh theo quy định. Xong vẫn còn những tồn tại bất cập như tình trạng mất vệ sinh, thiết bị xập xệ không đảm bảo, việc sử dụng tiền mệnh giá nhỏ để trả phí vệ sinh gây nhiều phiền toái cho du khách.

Để giải quyết những bất cập còn tồn tại trên thì từ năm 2017, UBND huyện Mỹ Đức dự kiến đầu tư cải tạo hệ thống nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, đồng thời giao ban tổ chức lễ hội bố trí cán bộ trực, phục vụ các nhà vệ sinh công cộng,

miễn phí vệ sinh cho du khách. Để làm được điều đó thì cần lượng kinh phí để đầu tư, chi trả công lao động, chi phí điện, nước và các chi phí khác liên quan. Với 13 nhà vệ sinh công cộng, dự kiến số chi để duy trì hoạt động trong 1 năm là 3.900trđ.

- Đề xuất cụ thể:

$$\frac{\text{Phần để lại cho Đơn vị thu phí}}{\text{Dự kiến chi 2017}} = \frac{\text{Dự kiến thu 2017}}{\text{Dự kiến thu 2017}} = \frac{31.600 \text{ trđ}}{103.300 \text{ trđ}} \times \frac{100}{\%} = \frac{30,59}{\%}$$

(Làm tròn: 30%)

* Tỷ lệ nộp NSNN

- Quy định đang thực hiện: Nộp vào ngân sách nhà nước 65% (Số nộp này được xác định là 100% và phân chia 70% cho huyện; 30% cho xã Hương Sơn để chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khu di tích Chùa Hương)

- Qua kiểm tra, trong các năm qua, UBND xã Hương Sơn còn dùng nguồn phí được phân chia để sử dụng cho các mục đích khác ngoài chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khu di tích Chùa Hương. Do đó, để đảm bảo minh bạch trong việc quản lý sử dụng, UBND Thành phố đề xuất tỷ lệ nộp NSNN sẽ điều tiết toàn bộ về ngân sách huyện Mỹ Đức, các nội dung chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu di tích Chùa Hương của UBND xã Hương Sơn được HĐND-UBND huyện Mỹ Đức xem xét quyết định theo dự toán hàng năm.

- **Quy định cụ thể:** Đơn vị thu phí nộp 70% số phí thu được vào ngân sách nhà nước (trong đó ngân sách huyện Mỹ Đức hưởng toàn bộ, các nội dung chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu di tích Chùa Hương của UBND xã Hương Sơn được HĐND-UBND huyện Mỹ Đức xem xét quyết định theo dự toán hàng năm).

d. Đối với di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám:

* **Căn cứ đề xuất điều chỉnh:**

- Quy định cũ: Theo quy định của Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, phần phí được để lại cho đơn vị thu phí được chi theo các mục quy định và không phân chia thành chi thường xuyên và chi không thường xuyên. Tuy nhiên, để đảm bảo tính minh bạch trong công tác thu chi, tại kỳ họp cuối năm 2014 UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố quy định về quản lý sử dụng đối với số phí thu được của Di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách nhà nước 10%, để lại 90% (Phần để lại này được xác định là 100% và phân chia 30% chi cho công tác thu; 70 % tôn tạo, duy tu, sửa chữa, chống xuống cấp... di tích khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao).

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; tiết b, c Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp quy định các nội dung chi của đơn vị sự nghiệp như sau:

Chi thường xuyên: Bao gồm các chi phí trực tiếp cho công tác thu phí, sửa chữa, mua sắm nhỏ tài sản, **chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng của đơn vị....**

Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; Các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

Do đó, căn cơ cấu lại nội dung là tỷ lệ phân chia từ nguồn phí trích được để lại đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật

- Hiện nay, Trung tâm hoạt động khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám hoạt động là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Năm 2016, ngân sách Nhà nước cấp lương, các khoản theo lương và chi khác cho 53 cán bộ biên chế của đơn vị với số tiền 3.644 triệu đồng (Tiền lương và các khoản có tính chất lương: 1.641 triệu đồng; Chi khác ngoài lương: 2.003 triệu đồng). Từ năm 2017, đơn vị sẽ chuyển thành Đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi phí thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Từ năm 2017, khoản tiền được ngân sách cấp (3.644 trđ) này đơn vị sẽ phải tự đảm bảo từ nguồn phí được để lại.

Do đó, căn cứ các quy định của pháp luật và để phù hợp với tình hình thực tế của di tích, cần phải trình HĐND phân chia lại cơ cấu và tỷ lệ của 90% số để lại cho đơn vị thu phí thành: Chi thường xuyên bao gồm chi cho công tác thu phí và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị khi được phê duyệt của Sở Văn hóa Thể thao; chi không thường xuyên bao gồm chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao.

* Kết quả thực hiện qua các năm và đề xuất tỷ lệ phân chia cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Dự kiến năm 2016	Cơ cấu phân chia cũ (năm 2015,2016)	Dự kiến 2017		Đề xuất cơ cấu phân chia mới
							Số tiền	Giải trình nguyên nhân	
A	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	19.312	19.312	0	23.934		
1	Chi cho công tác thu			0	0				
2	Chi tôn tạo, duy tu, sửa chữa chống xuống cấp và thực hiện các nhiệm vụ TP giao			19.312	19.312		23.934		
B	Tổng số phí thu được trong năm	27.410	35.353	22.155	36.975		36.975		
C	Số nộp NSNN (10%)	2.741	3.535	2.216	3.698	0	3.698		
D	Số được để lại đơn vị thu phí (90%)	24.669	31.818	19.940	33.278	0	33.278		
1	Chi cho công tác thu	24.669	9.546	5.982	9.983	30% số được để lại	21.630	65% số được để lại	
2	Chi chuyên môn nghiệp vụ								
3	Chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích và thực hiện các nhiệm vụ TP giao		22.272	13.958	23.294	70% số được để lại	11.648	35% số được để lại	
I	Số đã chi từ số được để lại trong năm	24.669	12.506	4.828	28.656		33.278		
1	Chi cho công tác thu	18.104	9.546	2.873	9.983	Chi phục vụ công tác thu phí: 30% số được để lại	13.107		
a	Chi cải cách tiền lương	8.343	265	399	399		865		Chi thường xuyên (bao gồm: chi phục vụ công tác thu phí, chi chuyên môn
b	Chi thanh toán cá nhân (Lương, công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương)	4.876	5.792	2.233	5.484		7.397		

b1	Trong đó: Chi lương cho 53 biên chế					đơn vị thu	2.515	Do năm 2017 đơn vị chuyển sang chế độ tự chủ tài chính, khoản chi này không được ngân sách cấp nữa	nghiệp vụ): 65% số được để lại đơn vị thu
c	Chi phục vụ trực tiếp (VPP, điện, nước, thông tin liên lạc công tác phí, chi thuê mướn.....)	2.576	1.125	171	2.550		2.645		
d	Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản máy móc, trích khấu hao TS cố định...	364	82	6	700		950		
e	Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu	138	174	64	850		850		
f	Chi phí khác:		1.711				400		
g	Phát triển sự nghiệp	42	60						
i	Khen thưởng, phúc lợi	1.765	337						
k	Bổ sung thu nhập	0	0	0					
*	<i>Số phục vụ công tác thu còn chưa chi hết chuyển sang năm sau</i>								
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn bảo tồn và phát huy giá trị di tích	6.565	2.960	1.955	9.255	Chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp,	8.524		
3	Chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích...				9.418		11.648		Chi không thường xuyên (tôn tạo, duy

*	<i>Số chi tôn tạo, duy tu.. còn chưa chi hết trong năm chuyển sang năm sau</i>		19.312		4.621	thực hiện các nhiệm vụ do TP giao: 70% số được để lại đơn vị thu			tu, chống xuống cấp, thực hiện các nhiệm vụ do TP giao): 35% số được để lại đơn vị thu
II	Số đã chi từ nguồn năm trước chuyển sang								
E	Số còn chuyển năm sau	0	19.312		23.934	0	23.933		0
2	Chi cho công tác thu				0	0	0		
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn bảo tồn và phát huy giá trị di tích								
4	Chi tôn tạo, duy tu, sửa chữa chống xuống cấp và thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao		19.312		23.933		23.933		

- Giải trình một số khoản đặc biệt: + Chi cải cách tiền lương: Năm 2014, đơn vị trích 40% số phí được để lại vào nguồn cải cách tiền lương. Từ năm 2015, sau khi trừ các khoản chi phí cho công tác thu phí, trước khi trích các quỹ đơn vị thực hiện trích 40% vào nguồn cải cách tiền lương.

+ Số chi chuyên môn, nghiệp vụ năm 2015 thấp hơn các năm khác: Do là năm đầu tiên thực hiện quy định mới về phân chia cơ cấu tỷ lệ để lại, đơn vị còn lúng túng trong quá trình triển khai, do đó đã giảm tối đa các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên.

Qua kiểm tra quyết toán thu, chi của đơn vị do Sở Tài chính chủ trì, đơn vị đã thực hiện chi đúng quy định. Căn cứ các quy định pháp luật và dự kiến thu, chi của đơn vị, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định như sau:

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách nhà nước 10%, để lại 90% (Phần để lại này được xác định là 100% và phân chia 65 % cho chi thường xuyên (chi cho công tác thu phí và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị), 35% để chi không thường xuyên (chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao)).

e. Đối với di tích Đền Ngọc Sơn:

*** Căn cứ đề xuất điều chỉnh:**

- Quy định cũ: Tương tự di tích Văn Miếu Quốc Tử Giám, tại kỳ họp cuối năm 2014 UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố quy định về quản lý sử dụng đối với số phí thu được của Di tích Đền Ngọc Sơn: Đơn vị thu phí nộp Ngân sách nhà nước 10%, để lại 90% (Phần để lại này được xác định là 100% và phân chia 35% chi cho công tác thu; 65 % để tôn tạo, duy tu, sửa chữa, chống xuống cấp... di tích khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao).

- Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; tiết b, c Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp quy định các nội dung chi của đơn vị sự nghiệp (đã phân tích phần trên), cần cơ cấu lại nội dung là tỷ lệ phân chia từ nguồn phí trích được để lại đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật

- Từ tháng 9/2016, Thành phố Hà Nội mở tuyến phố đi bộ quanh Hồ Gươm, theo chỉ đạo của UBND Thành phố, đơn vị tăng thời gian mở cửa đón du khách tham quan đến 24h các ngày cuối tuần, do đó chi phí phục vụ như nhân công, điện, nước... cũng tăng theo. Bên cạnh đó, để đảm bảo hoạt động của đơn vị, năm 2017 đơn vị tăng 14 hợp đồng lao động so với năm 2016.

Do đó, căn cứ các quy định của pháp luật và để phù hợp với tình hình thực tế của di tích, cần phải trình HĐND phân chia lại cơ cấu và tỷ lệ của 90% số để lại cho đơn vị thu phí thành: Chi thường xuyên bao gồm chi cho công tác thu phí và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị khi được phê duyệt của Sở Văn hóa Thể thao; chi không thường xuyên bao gồm chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao.

*** Kết quả thực hiện qua các năm và đề xuất tỷ lệ phân chia cụ thể:**

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Dự kiến cả năm 2016	Cơ cấu phân chia cũ	Dự kiến 2017		Đề xuất cơ cấu phân chi mới
							Số tiền	Giải trình nguyên nhân	
A	Số dư năm trước chuyển sang	474,10	474,10	-	9.375,26		9.375,26		
1	Chi cho công tác thu (35% tổng thu)	474,10	474,10		474		474	Số tiết kiệm chi năm 2013 theo qđ của thành phố	
2	Chi tôn tạo, duy tu, sửa chữa chống xúồng cấp và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất TP giao (65% tổng thu)				8.901		8.901		
B	Tổng số phí thu được trong năm	18.377	25.386	15.096	22.000		23.000		
I	Số nộp NSNN (10%)	1.838	2.539	1.510	2.200	-	2.300		
II	Số được để lại Đơn vị thu phí (90%)	16.539	22.847	13.586	19.800	-	20.700		
1	Chi cho công tác thu	16.539	7.997	4.755	6.930	35% số được để lại	12.420	60% số được để lại	
2	Chi chuyên môn nghiệp vụ, các nhiệm vụ do TP giao								
3	Chi tôn tạo, duy tu, chống xúồng cấp		14.851	8.831	12.870	65% số được để lại	8.280	40% số được để lại	
III	Chi từ số phí được trích lại trong năm								

		16.539	21.925	4.108	19.800		20.700		
1	Chi cho công tác thu	13.279	7.997	2.906	6.930	Chi phục vụ công tác thu phí: 35% số được để lại đơn vị thu	8.735	Chi thanh toán cá nhân tăng 1.805 trđ do sẽ ký bổ sung 14 HĐLĐ, chi phí lương, bảo hiểm cho 14 lao động này 1 năm là: 761,5 trđ; Chi phí phục vụ tuyển phổ đi bộ 1 năm: làm thêm giờ: 864 trđ, các chi phí khác lq như điện, nước, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc: 179,5 trđ	Chi thường xuyên (bao gồm: chi phục vụ công tác thu phí, chi chuyên môn nghiệp vụ): 60% số được để lại đơn vị thu
a	Dành để cải cách tiền lương	7.566	1.201	76			670		
b	Chi thanh toán cá nhân	3.888	3.483	2.719	3.604		5.885		
c	Chi phục vụ trực tiếp	239	405	34	533		1.160		
d	Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản máy móc, trích khấu hao TS cố định...	1.159	18		30		710		
e	Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu	88	172	77	250		310		
f	Chi phí khác	38	1.260		2.514				
g	Phát triển sự nghiệp	200	585						
i	Khen thưởng, phúc lợi	100	872						
k	Bổ sung thu nhập								
*	<i>Số phục vụ công tác thu còn chưa chi hết chuyển sang năm sau</i>								
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn bảo tồn và phát huy giá trị di tích	2.077	3.456		4.008	Chi tôn tạo, duy tu, chống xuống	3.685		

3	Chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp	1.183	2.494	1.203	8.862	cấp, thực hiện các nhiệm vụ do TP giao: 65% số được để lại đơn vị thu	8.280	Chi không thường xuyên (tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp, thực hiện các nhiệm vụ do TP giao): 40% số được để lại đơn vị thu
*	<i>Số chi tôn tạo, duy tu,...còn chưa chi hết trong năm chuyển sang năm sau</i>		8.901		-			
E	Số còn chuyển năm sau	474	9.375		9.375		9.375	-
1	chi cho công tác thu:	474	474		474		474	
2	Chi chuyên môn nghiệp vụ							
3	Chi tôn tạo, duy tu, sửa chữa chống xuống cấp và thực hiện các nhiệm vụ TP giao		8.901		8.901	-	8.901	

Do đó, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định như sau:

Đơn vị thu phí nộp Ngân sách nhà nước 10%, để lại 90% (Phần để lại này được xác định là 100% và phân chia 60 % cho chi thường xuyên (chi cho công tác thu phí và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị), 40% để chi không thường xuyên (chi tôn tạo, duy tu, chống xuống cấp di tích..., mua sắm lớn tài sản khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao)).

1.4. Căn cứ các phân tích trên, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định thu phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

a. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa phải nộp phí tham quan.

b. Giải thích từ ngữ:

* Trẻ em: là người dưới 15 tuổi.

- Trường hợp khó xác định là người dưới mười lăm tuổi thì chỉ cần có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh được là người dưới mười lăm tuổi như: giấy khai sinh, thẻ học sinh;

- Trường hợp không có giấy tờ để xác định dưới mười lăm tuổi thì áp dụng chiều cao dưới 1,3 m.

* Người có công với cách mạng (*theo quy định của Pháp lệnh người có công với cách mạng và các văn bản sửa đổi, bổ sung*)

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Bệnh binh;

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;

- Người có công giúp đỡ cách mạng.”

c. Đối tượng miễn, giảm, thời gian không thu phí (UBND Thành phố trình HĐND Thành phố kế thừa các quy định cũ, bổ sung một số đối tượng theo đề xuất của đơn vị thu phí và đề nghị của Bộ Văn hóa):

**** Đối tượng miễn phí:***

- Tất cả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa: Người khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em.

- Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Nhà tù Hỏa Lò: Người có công với cách mạng .

- Nhà tù Hỏa Lò: Thành viên các Hội cựu chiến binh, ban liên lạc kháng chiến, ban liên lạc các nhà tù trong cả nước.

*** Đối tượng giảm 50% mức phí** (Đối tượng hưởng mức vé ưu đãi đối với di tích Chùa Hương):

- Tất cả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa:

+ Người khuyết tật nặng.

+ Người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên theo Luật người cao tuổi).

+ Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa. (Trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú), cụ thể:

Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa được quy định trong Chương trình 135 của Chính phủ.

+ Người có công với cách mạng (Trừ Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long; Nhà tù Hỏa Lò).

+ Người thuộc diện chính sách xã hội: Người tàn tật, người già cô đơn; Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

+ Đối với người thuộc diện hưởng cả 2 hoặc 3 trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% mức phí.

- Riêng Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Đền Ngọc Sơn, khu di tích Cổ Loa, Đền Quán Thánh, di tích Nhà tù Hỏa Lò, khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Chùa Hương: Học sinh, sinh viên từ 15 tuổi trở lên (nếu có thể học sinh, sinh viên).

*** Thời gian không thu phí:**

- Đối với tất cả các di tích: không thu phí ngày di sản văn hóa 23/11 (Đề xuất bổ sung theo yêu cầu của Bộ Văn hóa Thể thao)

- Đối với di tích Đền Ngọc Sơn, Đền Quán Thánh, Chùa Tây Phương, Chùa Thầy, Chùa Hương, Làng cổ Đường Lâm: không thu phí trong các ngày 30; mừng 1; mừng 2 tết Nguyên đán;

- Đối với di tích Chùa Hương: Bổ sung quy định không thu phí ngày lễ Phật Đản 15 tháng 4 Âm lịch.

- Đối với di tích Đền Ngọc Sơn: không thu phí ngày giỗ Thánh 20/8 âm lịch.

d. Mức thu phí:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu cũ	Đề xuất mức thu mới
1. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	đ/lượt/khách	30.000	30.000
2. Đền Ngọc Sơn	đ/lượt/khách	30.000	30.000
3. Nhà tù Hỏa Lò	đ/lượt/khách	30.000	30.000
4. Khu di tích Cổ loa	đ/lượt/khách	10.000	10.000
5. Khu trung tâm Hoàng Thành	đ/lượt/khách	30.000	30.000

Thăng Long			
6. Quán Thánh	đ/lượt/khách	10.000	10.000
7. Làng cổ Đường Lâm	đ/lượt/khách	20.000	20.000
8. Chùa Thầy	đ/lượt/khách	10.000	10.000
9. Chùa Tây Phương	đ/lượt/khách	10.000	10.000
10. Chùa Hương			
Vé thường	đ/lượt/khách	49.000	78.000
Vé ưu đãi	đ/lượt/khách	24.000	38.000

Tại Chùa Hương: Phí bảo hiểm khách du lịch: Tăng từ 1.000 đồng (mức bồi thường 10 triệu đồng/du khách) lên 2.000 đồng/người/lượt (mức bồi thường 20 triệu đồng/du khách). Mức phí này không thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố nhưng để đảm bảo quyền lợi cho Du khách, Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn đã làm việc với Công ty bảo hiểm in trên cùng một lá vé để tiện cho công tác quản lý và thu phí. Mức thu trên vé tổng số: Vé thường: 80.000 đ; vé ưu đãi: 40.000 đ. Đối với các trường hợp được miễn phí, Công ty bảo hiểm sẽ bán vé bảo hiểm du lịch (mệnh giá 2.000đ/người) để đảm bảo quyền lợi cho khách tham quan.

e. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được.

Đơn vị	Quy định cũ				Đề xuất mới			
	Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu			Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu			Nộp ngân sách Nhà nước
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Chi cho công tác thu	Chi tu bổ, tôn tạo.. ..			Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên	
1. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	90%	30%	70%	10%	90%	65%	35%	10%
2. Đền Ngọc Sơn	90%	35%	65%	10%	90%	60%	40%	10%
3. Nhà tù Hỏa Lò	90%			10%	90%			10%
4. Khu di tích Cổ loa	90%			10%	90%			10%
5. Khu trung tâm	90%			10%	90%			10%

Hoàng Thành Thăng Long								
6. Quán Thánh	90%			10%	0			100%
7. Chùa Hương	35%			65% (Được xác định là 100% và phân chia: NS huyện MĐ: 70%, NS xã Hương Sơn: 30%)	30%			70% (Nộp toàn bộ vào Ngân sách huyện Mỹ Đức)
8. Làng cổ đường lâm	100%			0%	100 %			0%
9. Chùa Thầy	90%			10%	0			100%
10. Chùa Tây Phương	90%			10%	0			100%

f. Đơn vị thu phí:

- Đơn vị thu phí trực tiếp: Các đơn vị quản lý di tích lịch sử, thắng cảnh trực tiếp quản lý di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

- Đơn vị chỉ đạo thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm triển khai, chỉ đạo công tác thu phí tham quan di tích và tổng hợp số liệu báo cáo UBND Thành phố và các đơn vị có liên quan.

V. Các khoản phí, lệ phí đề xuất bổ sung mới theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí (2 khoản):

1. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (Quy định tại Tiết 3.5, Điểm 3, Mục VII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí):
Là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm

định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

1.1. Sự cần thiết phải ban hành quy định thu phí:

Theo quy định tại Quyết định số 3637/QĐ-BVHTTDL ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của các Doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành trước đây không có khoản phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định theo chức năng nhiệm vụ được giao và không thu phí thẩm định.

Tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí đã bổ sung khoản phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, do đó cần phải trình HĐND Thành phố ban hành quy định thu phí để thực hiện trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

1.2. Nội dung đề xuất:

a. Đối tượng nộp phí:

Các cá nhân, doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

b. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- Việc cấp phép đối với các môn thể thao đều quy định cùng 1 quy trình, thủ tục và yêu cầu; Việc thẩm định cấp mới, cấp đổi và cấp lại giấy chứng nhận đều phải qua các bước công việc giống nhau nên UBND Thành phố đề xuất chỉ quy định một mức thu chung cho việc cấp mới, cấp đổi, cấp lại tất cả các loại hình hoạt động thể thao.

- Căn cứ dự toán chi phí cho 01 lần thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, cụ thể:

Đvt: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Mức chi	Căn cứ	Ghi chú
1	Chi phí nhân công cho lãnh đạo Sở, lãnh đạo phòng, chuyên viên trực tiếp thẩm định, nhận hồ sơ và trả kết quả	293	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi hoàn thành việc thẩm định	Tính đúng, tính đủ chi phí trường hợp ngân sách không cấp bù đối với hoạt động thẩm

			(theo hệ số lương của từng bộ phận)	định.
	Hội đồng thẩm định	670	Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	
2	Photo tài liệu phục vụ thẩm định(5 bộ)	75	Thực tế	
3	Chi thuê xe cho cán bộ đi đến cơ sở để thẩm định	100	Thực tế	
4	Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc...	30	Thực tế	
5	Chi khác	50	Thực tế	
	Tổng cộng	1.188		

Trước đây Sở Văn hóa và Thể thao vẫn tiến hành thẩm định và cấp phép đối với các doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị, nhưng không thu phí do chưa có tên trong danh mục phí, lệ phí. Do đó, UBND Thành phố Hà Nội đề xuất mức thu phí cho 1 lần thẩm định là 1.000.000đ (chưa tính đủ chi phí) để tròn số và tránh đột ngột cho các đơn vị. Mức thu phí này cũng tương đương với mức thu phí thẩm định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch và phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (có các bước thực hiện công việc tương tự) được Bộ Tài chính đề xuất (1.000.000đ/lần thẩm định).

* Đề xuất cụ thể: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000đ/lần thẩm định.

c. Đơn vị thu phí:

Sở Văn hóa và Thể thao.

d. Quản lý sử dụng:

Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được cấp theo dự toán hàng năm.

2. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (Quy định tại tiết 1.5, Điểm 1, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

2.1. Sự cần thiết ban hành quy định thu:

Theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, do Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành trước đây

không có khoản phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo chức năng nhiệm vụ được giao và không thu phí thẩm định. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Hội đồng thẩm định và các hoạt động khảo sát thực tế.

Tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí đã bổ sung khoản phí thẩm định thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, do đó cần phải trình HĐND Thành phố ban hành quy định thu phí để thực hiện trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Đề án do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

2.2. Nội dung đề xuất:

a. Các đối tượng phải lập phương án, phương án bổ sung và xác nhận phương án, phương án bổ sung:

* Các đối tượng phải lập phương án:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản;
- Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có phương án được phê duyệt hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã có phương án được phê duyệt nhưng không triển khai thực hiện dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm được phê duyệt thì phải lập lại phương án.

* Các đối tượng phải lập phương án bổ sung:

- Tổ chức, cá nhân đã có giấy phép khai thác khoáng sản và phương án được phê duyệt nhưng thay đổi diện tích, độ sâu, công suất khai thác khoáng sản;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được duyệt.

* Đối tượng xác nhận hoàn thành phương án, phương án bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: Tổ chức, cá nhân sau khi đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án hoặc phương án bổ sung được phê duyệt thì lập hồ sơ hoàn thành phương án hoặc phương án bổ sung đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành.

* Theo số liệu thống kê hiện nay trên địa bàn Thành phố có khoảng 16 dự án đã được phê duyệt phương án và phương án bổ sung, 02 dự án đang tiến hành thẩm định

b. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND thành phố Hà Nội phải nộp phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

c. Mức thu phí:

* Căn cứ đề xuất mức thu phí:

- Tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường quy định: *“Kinh phí thẩm định phương án hoặc phương án bổ sung do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chịu trách nhiệm chi trả theo quy định của pháp luật”*. Các đơn vị khai thác khoáng sản sẽ gây tác động xấu đến môi trường. Do đó UBND Thành phố đề xuất xây dựng mức thu phí đảm bảo bù đắp toàn bộ chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí (có làm tròn), ngân sách nhà nước không phải cấp bù đồng thời góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Mức phí thẩm định được xây dựng trên cơ sở các chi phí cho việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phù hợp với khả năng thanh toán của người nộp.

- Căn cứ Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án, phương án bổ sung, việc thẩm định phương án, phương án bổ sung có 2 hình thức là Chỉ thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường) và Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định. Do đó mức chi phí cần thiết cho việc thẩm định 01 dự án được xây dựng dựa trên 02 nhóm loại hình thẩm định:

- Nhóm 1: Thẩm định Phương án, phương án bổ sung Chỉ thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường).

- Nhóm 2: Thẩm định Phương án, phương án bổ sung của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

- Các chi phí cho hoạt động thẩm định và thu phí đối với từng nhóm cụ thể như sau:

Dvt: nghìn đồng					
STT	Nội dung công việc	Nhóm 1	Nhóm 2	Căn cứ	Ghi chú
1	Tiền lương và phụ cấp theo lương	572	802	Tính toán theo mức thời gian tiêu hao thực tế từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khi hoàn thành việc thẩm định (theo hệ số lương của từng bộ phận)	Tính đúng, tính đủ chi phí để ngân sách không cấp bù đối với hoạt động thẩm định.
2	Chi hội đồng	4.030	4.030	Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT	

3	Chi phục vụ họp Hội đồng (VPP, phô tô in ấn tài liệu, nước uống, máy chiếu...)	703	703	Thực tế	
4	Chi khác (điện, nước, sửa chữa máy móc thiết bị...)	300	300	Thực tế	
5	Khảo sát thực địa		3.003	Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT	
	Tổng cộng	5.605	8.838		
	Làm tròn	5.600	8.800		

* Đề xuất mức thu:

UBND Thành phố đề xuất mức thu cụ thể như sau:

+ Chi phí cho việc thẩm định Phương án, phương án bổ sung chỉ thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 5.600.000đ.

+ Chi phí cho việc thẩm định Phương án, phương án bổ sung của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 8.800.000đ

- Riêng chi phí cho các hoạt động lấy mẫu phân tích kiểm chứng: Trong quá trình kiểm tra thực tế, dựa trên hiện trạng tác động do hoạt động khai thác của dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến các thành phần môi trường như: nước mặt, nước ngầm, đất, không khí hay loại hình chất thải phát sinh của cơ sở như: chất thải rắn, nước thải, khí thải mà cơ quan thường trực thẩm định phương án, phương án bổ sung xác định loại mẫu, số lượng mẫu của chất thải nói trên để phân tích kiểm chứng và có thông báo gửi chủ đầu tư về việc lấy mẫu phân tích kiểm chứng các thành phần môi trường.

Trên cơ sở danh sách các đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đơn vị đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực quan trắc, Chủ dự án sẽ lựa chọn và ký hợp đồng lấy mẫu, phân tích với đơn vị đó để thực hiện và chi trả kinh phí theo thỏa thuận giữa 2 bên.

* Dự kiến 01 năm Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định 7 hồ sơ (trong đó 4 hồ sơ chỉ thông qua Hội đồng thẩm định thông thường, 3 hồ sơ có bổ sung hoạt động kiểm tra thực địa), tổng số phí dự kiến thu được là 48,8 trđ.

d. Đơn vị thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường

e. Quản lý sử dụng:

Đơn vị thu phí nộp 100% số phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu phí được cấp theo dự toán hàng năm.

VI. Các khoản phí, lệ phí đề xuất chưa (hoặc không) ban hành quy định thu: 03 khoản

1. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu: Thành phố Hà Nội không phát sinh khoản phí này.

2. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân: Theo báo cáo của Công an thành phố Hà Nội:

- Đối với lệ phí cấp chứng minh nhân dân: Thành phố Hà Nội hiện nay không cấp chứng minh nhân dân cho người dân nữa, và chỉ thực hiện cấp thẻ căn cước công dân.

- Đối với lệ phí cấp căn cước công dân:

Theo quy định tại Điều 32 Luật Căn cước công dân, Bộ Tài chính có thẩm quyền quy định thu lệ phí cấp căn cước công dân.

Do đó, UBND Thành phố đề xuất không ban hành quy định thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân.

3. Phí sử dụng đường bộ đối với tuyến đường do địa phương quản lý (Quy định tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục V, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu để tạo nguồn kinh phí duy tu, sửa chữa, xây dựng các tuyến đường bộ.

3.1. Thực trạng và căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải ban hành khoản phí sử dụng đường bộ:

* Theo quy định của Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, khoản thu phí sử dụng đường bộ được thu dưới các hình thức:

- Phí sử dụng đường bộ theo tuyến đường: Bộ Tài chính quy định mức thu phí cho các tuyến đường do Trung ương quản lý, HĐND cấp tỉnh quy định mức thu phí cho các tuyến đường do địa phương quản lý. Đối với hình thức thu này, thành phố Hà Nội chưa ban hành quy định thu.

- Phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện: Bộ Tài chính quy định mức thu phí đối với xe ô tô, HĐND cấp tỉnh quy định mức thu phí đối với xe mô tô. Tuy nhiên, căn cứ Nghị định 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ, tại kỳ họp giữa năm 2016, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố bãi bỏ quy định thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô.

+ Đối với khoản phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thu phí và nộp vào quỹ bảo trì đường bộ Hà Nội sau khi trừ tỷ lệ được trích để lại để phục vụ cho công tác thu phí. Số phí thu được hàng năm như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	Năm	Số thu
1	2013	55.058
2	2014	36.051
3	2015	13.424
4	2016	109
Tổng cộng		104.642

+ Đối với khoản phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe ô tô (trung tâm đăng kiểm cơ giới thu và nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương sau khi trừ tỷ lệ được trích lại phục vụ cho công tác thu), hàng năm quỹ bảo trì đường bộ thành phố Hà Nội được quỹ bảo trì đường bộ Trung ương điều tiết số phí thu được để chi sửa chữa, bảo trì một số công trình đường bộ như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	Năm	Số tiền theo quyết định	Số đã chuyển	Ghi chú
1	2013	55.058		Do quỹ bảo trì đường bộ HN chưa thành lập nên quỹ TW chưa chuyển trong năm 2013
2	2014	66.784	66.784	
3	2015	133.623	133.623	
4	2016	192.967	127.186	
Tổng cộng		448.432	327.593	

* Tại danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí quy định về thẩm quyền thu phí sử dụng đường bộ như sau:

Bộ Tài chính quy định đối với đường thuộc trung ương quản lý

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với đường thuộc địa phương quản lý.

Tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Luật phí và lệ phí quy định về các hành vi nghiêm cấm gồm: “Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân tự đặt và thu các loại phí, lệ phí”.

Như vậy, theo quy định của Luật phí và lệ phí, không còn khoản phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện nữa, Bộ Tài chính sẽ ban hành quy định thu phí đối với các tuyến đường do Trung ương quản lý (Quốc lộ), HĐND cấp tỉnh quy định đối với các tuyến đường do địa phương quản lý (tỉnh lộ).

Điều này đồng nghĩa với việc nguồn kinh phí hàng năm từ nguồn phí thu theo đầu phương tiện sẽ không còn. Để đảm bảo kinh phí cho việc xây dựng, sửa chữa, bảo trì đường bộ trên địa bàn Thành phố, cần thiết phải trình HĐND Thành phố ban hành quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với các tuyến đường do địa phương quản lý.

3.2. Hệ thống đường bộ do Thành phố quản lý:

Số liệu về hệ thống đường bộ do Thành phố Hà Nội quản lý tính đến ngày 30/6/2016 như sau:

- + Đường thành phố quản lý, số tuyến 1.147 với chiều dài 2.002,65 km.
- + Đường huyện quản lý với chiều dài 1.668,34 km.
- + Đường xã quản lý: 10.343,86 km.
- + Đường chuyên dùng: không có
- + Cầu thành phố quản lý, số cầu 702 với chiều dài 59,19 km.
- + Cầu đường huyện, số cầu 266 với chiều dài cầu 6,2 km.
- + Hàm đường bộ (hàm chui dân sinh, hàm đi bộ, hàm cơ giới): 114 cầu với chiều dài: 10,04 km.

3.3. Đánh giá một số phương thức thu phí sử dụng đường bộ đã triển khai trước đây:

3.3.1. Thu qua xăng:

3.3.2. Thu qua trạm thu phí: Hình thức này thành phố Hà Nội chưa tổ chức thực hiện đối với các tuyến đường do địa phương quản lý.

3.3.3. Thu theo đầu phương tiện đối với xe mô tô.

Năm 2013, theo quy định của Bộ Tài chính, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành quy định thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô. Qua 4 năm thực hiện, phương thức này đã bộc lộ nhiều điểm bất cập như:

- Việc thu phí phụ thuộc chủ yếu vào ý thức tự giác của người dân trong khi công tác tuyên truyền, vận động còn hạn chế.

- Việc triển khai công tác thu phí tại địa phương chưa thực sự tích cực, đồng bộ, thống nhất từ khâu quản lý số lượng xe máy, đến tổ chức thu phí, chưa có giải pháp triệt để khắc phục tình trạng không nộp phí.

- Chế tài xử phạt các trường hợp không kê khai, nộp phí chưa khả thi, khó kiểm soát vì thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực phí, lệ phí do các cơ quan thuế, thanh tra chuyên ngành, UBND các cấp thực hiện, không phải do cơ quan công an.

- Một số quận, huyện chậm thực hiện hoặc không tích cực trong công tác thu phí dẫn đến sự không công bằng và tạo dư luận không tốt trong xã hội.

Vì vậy, việc thu phí sử dụng đường bộ xe máy đạt hiệu quả thấp, gặp rất nhiều khó khăn.

3.4. Đề xuất một số phương án quy định thu phí sử dụng đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.4.1. Phương án 1: Thu qua xăng:

- Hình thức thu: Tính toán một số mức thu phí sử dụng đường bộ/1 lít xăng và giao các công ty kinh doanh xăng dầu thu cùng với tiền bán xăng.

- Ưu điểm của phương án: Nếu thực hiện theo phương án đề xuất, sẽ thu được số phí lớn, tạo nguồn kinh phí để bảo trì các tuyến đường bộ do địa phương quản lý.

- Nhược điểm của phương án:
- + Xăng ngoài việc là nhiên liệu để di chuyển còn là một trong các nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Do đó, nếu thu qua xăng sẽ không phân tách được phần dành cho phương tiện di chuyển, phần phục vụ sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.
- + Không đảm bảo công bằng đối với các phương tiện thường xuyên di chuyển liên tỉnh (như xe khách, taxi...).

3.4.2. Phương án 2: thu theo đầu phương tiện:

- Hình thức thu: Tính toán một số mức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện và giao trung tâm đăng kiểm thu (như hình thức thu do Bộ Tài chính ban hành).
- Ưu điểm của phương án: Số phí thu được lớn, tạo nguồn kinh phí để bảo trì các tuyến đường bộ do địa phương quản lý. Phương thức thu đơn giản, đang thực hiện nên dễ dàng tiếp tục.

- Nhược điểm của phương án:
- + Bỏ sót các xe ngoại tỉnh vào thành phố, các xe ở Hà Nội nhưng thực hiện đăng kiểm ở địa phương khác.
- + Trùng với quy định của Bộ Tài chính, dẫn tới tình trạng cùng 1 xe nhưng phải nộp phí nhiều lần.

3.4.3. Phương án 3: thu trên đăng ký đối với biển số xe của Hà Nội, đồng thời lập trạm thu phí tại các tuyến đường vào Thành phố (thu đối với các xe ngoại tỉnh di chuyển vào Thành phố).

- Hình thức thu: thu trên đăng ký đối với biển số xe của Hà Nội, đồng thời lập trạm thu phí tại các tuyến đường vào Thành phố (thu đối với các xe ngoại tỉnh di chuyển vào Thành phố).

- Ưu điểm của phương án: Bao quát gần như toàn bộ các đối tượng sử dụng các tuyến đường do Thành phố quản lý.

- Nhược điểm của phương án:
- + Chỉ thu được đối với các xe đăng ký mới, các xe đã đăng ký và đang hoạt động cần quy định một hình thức thu khác
- + Việc quy định đặt trạm tại các tuyến đường vào Thành phố sẽ dẫn đến tình trạng ngăn sông cấm chợ, gây bức xúc, phản ứng tiêu cực của người dân.

3.4.4. Phương án 4: Lựa chọn một số tuyến đường đủ điều kiện thu phí để đặt trạm thu phí.

Do đặc thù giao thông của Thành phố Hà Nội tương đối chằng chịt, lưu lượng người tham gia giao thông đông, nếu đặt trạm thu phí ở các tuyến đường nội thành sẽ gây ra tình trạng ùn tắc giao thông nghiêm trọng. Đối với các tuyến đường do Thành phố quản lý, UBND Thành phố đề xuất có thể đặt trạm thu phí ở 02 tuyến gồm: Đại lộ Thăng Long, tuyến cao tốc Nhật Tân – Nội Bài, tuy nhiên, nếu thực hiện sẽ có một số hạn chế như sau:

- Không bao quát và thu phí hết được các đối tượng sử dụng các tuyến đường bộ do Thành phố quản lý.

- Kinh phí xây dựng trạm thu phí, tổ chức bộ máy thu phí rất lớn, số phí thu được phần lớn dành để duy trì bộ máy thu, sẽ làm giảm nguồn để thực hiện nhiệm vụ bảo trì, sửa chữa đường bộ.

- Gây bức xúc cho người dân.

3.5. Đề xuất của UBND Thành phố:

Phí sử dụng đường bộ là khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của cả Bộ Tài chính và HĐND cấp tỉnh, đây là khoản phí tương đối lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Do đó cần đảm bảo thống nhất để tránh tình trạng chồng chéo giữa các quy định của Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau.

Đối với các phương án do Thành phố đề xuất đều bộc lộ các vướng mắc, bất cập, có thể gây phản ứng tiêu cực cho người dân. Do đó, để có thời gian nghiên cứu làm rõ phạm vi, đối tượng thu và có hướng dẫn thống nhất giữa của Trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau của Bộ Tài chính, UBND Thành phố đề xuất tạm thời chưa ban hành quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với các tuyến đường do địa phương quản lý.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo văn bản hướng dẫn các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh (trong đó có phí sử dụng đường bộ). Ngay khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND Thành phố sẽ giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, nghiên cứu, xây dựng Đề án trình HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm.

B. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ TÀI CHÍNH VÀ ỦY QUYỀN HĐND CẤP TỈNH BAN HÀNH MỨC THU CỤ THỂ:

Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, các khoản phí, lệ phí này thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan cấp trên (Chính phủ, Bộ Tài chính), tuy nhiên tại các văn bản quy định thu chỉ quy định mức tối đa hoặc khung mức thu và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quyết định mức thu, tỷ lệ để lại cụ thể: 4 khoản.

1. Lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống: (Quy định tại Điểm 1, Mục II, Phần B Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): Là khoản thu nhằm thực hiện công cụ quản lý nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, sử dụng của các tổ chức, cá nhân có tài sản đăng ký.

- Đã có quy định thu từ năm 2009. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên mức thu này đã được ban hành và thực hiện từ năm 2013 (theo Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 11/07/2013)

1.1. Sự cần thiết phải ban hành quy định thu lệ phí.

Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi kể cả lái xe hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND Thành phố của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 10, và được ban hành căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày

17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 45/2011/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành (*Mức thu là 12%*).

Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản lệ phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Ngày 10/10/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về Lệ phí trước bạ. Tại Điểm a Khoản 5 Điều 7 Nghị định 140/2016/NĐ-CP quy định:

”a) Ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức quy định chung”. Khung mức thu không thay đổi so với quy định cũ, chỉ sửa cụm từ “ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi kể cả lái xe” thành “Ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống”.

Do đó cần trình HĐND Thành phố xem xét xây dựng mức thu lệ phí trước bạ cụ thể phù hợp và để đảm bảo đồng thời các mục tiêu:

- Khắc phục tình trạng ùn tắc của các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội, đặc biệt là địa bàn các quận nội thành, các trung tâm thương mại và các khu mua sắm, vui chơi giải trí và du lịch...

- Tăng cường nguồn lực tài chính để thực hiện các dự án về giao thông công cộng, xây dựng văn hoá đi bộ và sử dụng phương tiện giao thông công cộng cho nhân dân Thủ đô.

- Mức thu phù hợp, khuyến khích các chủ phương tiện thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng phương tiện lần đầu tại Hà Nội tránh hiện tượng đăng ký chuyển vùng gây thất thu cho ngân sách Thành phố.

- Tránh biến động đột biến gây phản ứng của người dân, giữ được số thu ổn định.

1.2. Nội dung đề xuất

a. Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân có tài sản là ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, (trừ trường hợp không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định).

b. Đối tượng miễn lệ phí trước bạ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ.

c. Mức thu lệ phí trước bạ:

Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (quy định trước đây, nay đổi thành xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống) trên địa bàn thành phố Hà Nội đang thực hiện là 12%. Việc thu lệ phí trước bạ đã tạo được số thu ổn định và tăng qua các năm, đồng thời được sự đồng thuận của người dân.

Mức thu LPTB lần đầu theo tỷ lệ (%) hiện nay phù hợp với tỷ lệ thu LPTB lần đầu theo tỷ lệ (%) của các tỉnh khác. Hầu hết các tỉnh, thành phố lân cận khác hiện

đang thu LPTB lần đầu với tỷ lệ 10%. Nếu thành phố Hà Nội quy định mức thu LPTB lần đầu theo tỷ lệ (%) cao hơn có thể dẫn tới hiện tượng các cá nhân sẽ thực hiện đăng ký chuyển vùng để tránh phải nộp LPTB với tỷ lệ cao, từ đó, gây thất thu cho NSNN. Thành phố đồng thời công tác quản lý, xác minh, phối hợp của các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn hơn. Theo tham khảo, mức thu lệ phí trước bạ Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện cũng bằng thành phố Hà Nội là 12%.

Do đó, để đảm bảo các mục tiêu xây dựng mức thu, UBND Thành phố đề xuất mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống là 12%.

d. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (Quy định tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục IX, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí): là khoản thu để có nguồn kinh phí xử lý nước thải, bảo vệ môi trường thành phố.

- Đã có quy định thu từ năm 2004. Mức thu hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

2.1. Căn cứ pháp lý:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND Thành phố của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 10, và được ban hành căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Ngày 16/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP. Nghị định thay đổi và bổ sung một số nội dung so với quy định cũ như sau:

S	Nội T T	QĐ tại NĐ 25/2013/NĐ-CP và TTLT 63/2013/TTLT-BTC- BTNMT	QĐ tại NĐ 154/2016/NĐ-CP
1	Người nộp phí		Bổ sung đối tượng hộ gia đình xả thải
2	Mức thu phí	Tại K1 Đ5 Quy định: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá bán của 1 m ³ nước sạch, nhưng tối đa không quá 10% giá bán nước sạch chưa bao gồm thuế GTGT.	Tại K1 Đ6 quy định: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m ³ nước sạch chưa bao gồm thuế GTGT. Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình quy định tại

		Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch) thì Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức phí áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình sử dụng nước, tương ứng với số phí trung bình một người sử dụng nước từ hệ thống nước sạch phải nộp tại địa phương	Khoản 3,4 Điều 5 NĐ 154/2016/NĐ-CP) thì mức phí được xác định theo từng người sử dụng nước căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của một người trong xã, phường, thị trấn nơi khai thác và giá bán 1 m ³ nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn
3	Thẩm quyền quy định mức thu phí	K1 Đ6 quy định: Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Nghị định 25/2013/NĐ-CP, ..., Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng cho từng địa bàn, từng loại đối tượng tại địa phương.	K1 Đ6 quy định: Trường hợp cần thiết áp dụng mức thu cao hơn, HĐND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương
4	Quản lý sử dụng	K1 Đ7 TT 63 quy định: Để lại tối đa không quá 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch; tối đa không quá 15% trên tổng số phí thu được cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho việc thu phí. Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	K1 Đ9 quy định: Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch; 25% cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp số tiền chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại phù hợp (nhưng tối đa không quá 10% cho đơn vị cung cấp nước sạch, 25 % cho UBND cấp xã)
5	Quản lý sử dụng nguồn phí thu được		Bổ sung quy định: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quy định chi tiết và bố trí kinh phí từ nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thu được cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương

Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ, UBND Thành phố phải trình HĐND Thành phố ban hành mức thu và quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trong trường hợp cần thiết.

2.2. Sự cần thiết phải và đề xuất thay đổi quy định thu:

Căn cứ Đề án do Sở Xây dựng xây dựng, kết quả thẩm định của BPTT, UBND Thành phố đề xuất như sau:

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP và Thông tư Liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT, UBND Thành phố đã tham mưu HĐND Thành phố ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt như sau:

a. Về mức thu phí:

- Đối với đối tượng sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính bằng 10% trên giá bán nước sạch sinh hoạt(chưa bao gồm thuế GTGT).

- Đối với đối tượng sử dụng nước tự khai thác:

TT	Đối với người nộp phí	Đơn vị tính	Mức thu phí
1	Đối tượng là cơ quan nhà nước; Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân); Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;	Đồng/ người/ tháng	600
2	Đối tượng là bệnh viện, phòng khám chữa bệnh; cơ sở đào tạo, nghiên cứu;	Đồng/m ³	1.000
3	Đối tượng là cơ sở rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy	Đồng/m ³	1.500
4	Đối tượng là khách sạn, nhà hàng; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác (có nước thải không phải là nước thải công nghiệp)	Đồng/m ³	2.500

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, HĐND Thành phố không còn thẩm quyền quy định mức thu phí đối với các đối tượng sử dụng nước tự khai thác. Do đó UBND Thành phố đề xuất bãi bỏ mức thu phí đối với các đối tượng sử dụng nước tự khai thác HĐND Thành phố đã ban hành tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND.

Đối với các đối tượng sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đang áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đã phù hợp với quy định của Nghị định số 154/2016/NĐ-CP. Do khoản phí này có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân, để đảm bảo an sinh xã hội, UBND Thành phố đề xuất không trình

HĐND Thành phố ban hành mức thu phí cao hơn quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

b. Về quản lý sử dụng:

- Đối với đơn vị cung cấp nước sạch: Theo quy định cũ, đơn vị cung cấp nước sạch nộp NSNN 92% trên tổng số phí thu được, để lại 8% phục vụ công tác thu phí.

Từ 01/10/2015, giá thu sử dụng nước sạch tăng nên nguồn phí thu được và số được để lại cũng tăng. Trong số các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố, Công ty nước sạch Hà Nội có doanh thu tiền nước và nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt lớn nhất. Do đó, UBND Thành phố Hà Nội đã chỉ đạo các ngành kiểm tra quyết toán việc sử dụng kinh phí từ nguồn phí được để lại, dự kiến thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, chi phí cho công tác đi thu hàng năm của Công ty nước sạch Hà Nội để có căn cứ đề xuất điều chỉnh tỷ lệ để lại áp dụng chung cho đơn vị thu phí.

Căn cứ kết quả kiểm tra của Sở Tài chính – Sở Xây dựng tại đơn vị có số thu phí bảo vệ môi trường lớn nhất là Công ty nước sạch Hà Nội, cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Số đã thu	98.235.781.486	118.477.022.324
	Số nộp ngân sách	90.376.918.967	108.998.860.538
2	Số được để lại cho cơ quan thu	7.858.862.519	9.478.161.786
3	Số dư năm trước chuyển sang	13.562.798	674.804.075
4	Số được sử dụng trong kỳ	7.872.425.317	10.152.965.861
3	Số đã chi từ số được để lại (Theo các danh mục chi của TT45)	7.184.058.444	7.575.283.785
a	Chi thanh toán cá nhân	5.805.685.131	6.611.109.139
b	Chi phục vụ trực tiếp (VPP, điện, nước,...)	897.086.667	476.014.940
c	Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc..., trích khấu hao TS cố định...	115.654.000	257.338.993
d	Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu	353.632.646	230.820.713
e	Chi phí khác	12.000.000	
4	Số còn chưa chi	688.366.873	2.577.682.076

Do đây là khoản phí đặc thù, được thu cùng với việc đi thu tiền nước của đơn vị, UBND Thành phố đề xuất chỉ trích tỷ lệ để lại để bồi dưỡng thêm cho công tác thu tiền nước (đối với Công ty nước sạch Hà Nội, số này chiếm 5,6-5,9% tổng số phí thu được), các chi phí khác như điện, nước, sửa chữa máy móc, trích khấu hao tài sản cố định... công ty phải tự đảm bảo từ số tiền nước sạch thu được

Do đó, UBND Thành phố đề xuất điều chỉnh tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí từ 8% xuống 6% tổng số phí thu được. Tỷ lệ đề xuất không vượt quá mức tối đa theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định 154/2016/NĐ-CP (Mức tối đa 10%).

- Đối với UBND xã, phường, thị trấn: Theo quy định cũ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: nộp NSNN 85% trên tổng số phí thu được, để lại 15% phục vụ công tác thu phí.

Tuy nhiên, do đơn vị thu phí là cơ quan hành chính nhà nước. Để đồng bộ và thống nhất với các khoản phí khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, UBND Thành phố đề xuất về quản lý sử dụng đối với phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu được: UBND xã, phường, thị trấn nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Là khoản thu nhằm khắc phục và phục hồi các tác động môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Hiện nay Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo hướng ban hành khung mức thu, và ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quy định mức thu cụ thể. Đến thời điểm ngày 18/11/2016, UBND Thành phố vẫn chưa nhận được Nghị định chính thức của Chính phủ. Do đó chưa có đủ căn cứ pháp lý để trình HĐND Thành phố. Ngay sau khi có Nghị định chính thức của Chính phủ, UBND Thành phố sẽ báo cáo và xin ý kiến HĐND Thành phố theo quy định.

4. Lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Là khoản thu nhằm quản lý nhà nước về kiểm soát phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chống ùn tắc giao thông, tạo nguồn thu cho NSNN cho đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông.

Theo Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, khoản phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính. Tương tự khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, hiện nay UBND Thành phố chưa nhận được Thông tư chính thức của Bộ Tài chính. HĐND Thành phố đề xuất ngay sau khi có Nghị định chính thức của Chính phủ, UBND Thành phố sẽ báo cáo và xin ý kiến HĐND Thành phố theo quy định.

C. CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ CẦN BÃI BỎ QUY ĐỊNH THU.

I. Các khoản phí, lệ phí bãi bỏ do thay đổi thẩm quyền ban hành (3 khoản):

Các khoản phí, lệ phí này trước đây thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh (hoặc được Bộ Tài chính ủy quyền ban hành mức thu cụ thể). Theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, các khoản phí, lệ phí này thay đổi thẩm quyền ban hành thành Bộ Tài chính. Hiện nay Bộ Tài chính đã dự thảo các Thông tư quy định mức thu, trong đó không ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quyết định mức cụ thể, do đó UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố bãi bỏ quy định thu.

1. Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
2. Lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực
3. Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực

II. Các khoản phí, lệ phí cần bãi bỏ do không có tên trong danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí (6 khoản):

Các khoản lệ phí này cùng với một số khoản phí trước đây là các dịch vụ công do cùng cơ quan cung cấp nhưng quy định thu 02 khoản (thu phí thẩm định để bù đắp chi phí cho việc thẩm định và thu lệ phí cấp giấy phép) điều này làm tăng thủ tục hành chính, chi phí thu nộp cho cả cơ quan thu và người nộp. Để giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí thu, nộp, Luật phí và lệ phí đã gộp chung các khoản phí, lệ phí này thành 01 khoản thu (phí thẩm định cấp phép) và đưa ra khỏi danh mục khoản lệ phí tương ứng. Bao gồm:

1. Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
2. Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi
3. Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất
4. Lệ phí cấp giấy phép, khai thác, sử dụng nước mặt
5. Lệ phí cấp biển số nhà
6. Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội

III. Các khoản phí, lệ phí cần bãi bỏ do chuyển sang cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước định giá (6 khoản):

Do trước đây Pháp lệnh phí và lệ phí quy định các khoản phí gắn với dịch vụ công, dịch vụ do cả Nhà nước và doanh nghiệp cung cấp đã dẫn đến không khuyến khích doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công. Để đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực tham gia cung cấp dịch vụ công, Luật phí và lệ phí đã quy định: Danh mục các khoản phí, lệ phí gắn với dịch vụ công do Nhà nước cung cấp; trường hợp dịch vụ đó do doanh nghiệp cung cấp thực hiện theo cơ chế giá, trong đó có 6 loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND là:

1. Phí vệ sinh đối với chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân
2. Phí chợ
3. Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính
4. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, ô tô
5. Phí qua đò
6. Phí qua phà

PHẦN BA.
NGUYÊN TẮC CHUNG TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ PHÍ VÀ LỆ PHÍ.

1. Đơn vị thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

1.1. Niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí; mức thu phí, lệ phí; phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí, lệ phí phải cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

1.2. Thực hiện kê khai, quyết toán, nộp phí, lệ phí vào ngân sách theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.3. Chậm nhất là ngày 05 tháng sau, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

1.4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí, lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí.

2. Đối với các loại phí, lệ phí do người nộp trực tiếp kê khai nộp ngân sách: Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

3. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực phí, lệ phí:

Thực hiện Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định. / Ute

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI